

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGÀNH: DƯỢC LIỆU-DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN
ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU**

MÃ SỐ: 8720206

TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ

HÀ NỘI - 2024

BỘ Y TẾ

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

NGÀNH: DƯỢC LIỆU-DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN

ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU

MÃ SỐ: 8720206

TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ

HÀ NỘI – 2024

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Mã ngành đào tạo: Dược liệu – Dược học cổ truyền định hướng nghiên cứu

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Triết học

* Tiếng Anh: Philosophy

- Mã học phần: 311101

- Số tín chỉ: 03.LT/...0..TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết

+ Lý thuyết: ...23 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng: ...0.. tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: ...08...tiết

+ Kiểm tra: ...01...tiết

+ Thời gian tự học: ...13..tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Nhất

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận chính trị - Khoa Khoa học cơ bản

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	TS. Đinh Nguyễn An	0944371111	LLCT	Dinhnguyenan1181@gmail.com
2	Ths. Bùi Thị Phương Thúy	0989727656	LLCT	Phuongthuy12883.pt@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Trang bị cho người học kiến thức tổng quát về lịch sử triết học Phương Đông và Phương Tây, đặc biệt là Tư tưởng triết học Việt Nam.
MT HP2	Cung cấp những nội dung cơ bản của Triết học Mác - Lênin, mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học, vai trò của khoa học, công nghệ hiện nay đối với sự phát triển chung của xã hội.
MT HP3	Hình thành phương pháp tư duy khoa học và ý thức trách nhiệm của người học.
MT HP4	Người học hiểu được tầm quan trọng của Triết học Mác - Lênin và vai trò của khoa học, công nghệ đối với việc phát triển ngành Dược nói chung và Dược liệu – Dược học cổ truyền nói riêng.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1	x		
MT HP2	x		
MT HP3			x

MT HP4	x		
--------	---	--	--

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Hiểu được đặc điểm và vai trò của triết học Mác – Lênin trong thời đại ngày nay.
CLO2	Trình bày khái quát được sự phát triển đa dạng của triết học Phương Đông và Phương Tây
CLO3	Vận dụng được kiến thức triết học Mác – Lênin và các nội dung liên quan đến sự phát triển khoa học, công nghệ trong công tác phát triển lĩnh vực chuyên môn.
CLO4	Có tư duy logic, tư duy phản biện; Có kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.
CLO5	Ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, xã hội.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5
CLO 1	1				
CLO 2	1				
CLO 3	2				
CLO 4				1	
CLO 5					1

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. *Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng dạy học phần*; Máy chiếu, loa, mic, bảng viết, bút (phấn)...

6.2. *Yêu cầu đối với sinh viên*

- Dự lớp:

+ Tham gia học tập ít nhất 80% số tiết giáo viên giảng dạy và hướng dẫn thảo luận trên lớp.

+ Không nói chuyện riêng, không dùng điện thoại di động, không làm việc riêng của cá nhân trong giờ học.

- Tự học: Học viên tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo tại nhà những nội dung giáo viên yêu cầu.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

+ Bài kiểm tra điều kiện đạt điểm 5/10 trở lên

+ Nghi học không quá 20% số tiết giáo viên giảng dạy và hướng dẫn thảo luận trên lớp.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Triết học thuộc kiến thức chung, bao gồm 4 chương cung cấp: 1/ Những kiến thức khái lược về lịch sử triết học Phương Đông và Phương Tây cũng như những ảnh hưởng của một số trào lưu tư tưởng triết học tiêu biểu đến đời sống xã hội Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử; 2/ Kiến thức Triết học Mác – Lênin nâng cao, củng cố và phát triển tư duy biện chứng, định hướng hoạt động thực tiễn cho người học; 3/ Tầm quan trọng của Triết học và vai trò của Khoa học công nghệ đối với sự phát triển của các ngành khoa học nói riêng và đối với toàn xã hội nói chung.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với CLO:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với CLO

Chương	Các nội dung cơ bản của chương	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR chương	Liên quan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương 1	<p>KHÁI LƯỢC VỀ TRIẾT HỌC</p> <p>I. Triết học là gì?</p> <p>1. Khái niệm triết học</p> <p>2. Đối tượng của triết học</p> <p>3. Vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>4. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm</p> <p>5. Khả tri và bất khả tri</p> <p>6. Biện chứng và siêu hình</p> <p>II. Triết học phương Đông</p>	16 tiết	<p>+ Hiểu được bản chất của Triết học và sự khác biệt căn bản giữa phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình.</p> <p>+ Phân loại được các hình thức triết học cơ bản trong lịch sử.</p> <p>+ Hiểu được đặc điểm và những nội dung chính trong các trường phái triết học nổi tiếng của Phương Đông và Phương Tây.</p>	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	PP. Thuyết trình; PP. Thảo luận nhóm;	<p>+ Chuẩn bị bài trước khi đến lớp</p> <p>+ Phát biểu ý kiến liên quan đến bài học</p> <p>+ Tự nghiên cứu những nội dung giáo viên yêu cầu</p> <p>+ Tuân thủ nội</p>	

	<p>1. Triết học Ấn Độ cổ đại</p> <p>2. Triết học Trung Hoa cổ đại</p> <p>III. Tư tưởng triết học Việt Nam</p> <p>1. Nho giáo ở VN</p> <p>2. Một số tư tưởng triết học Việt Nam tiêu biểu.</p> <p>- Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh.</p>		<p>+ Xác định được giá trị cốt lõi trong tư tưởng một số tư tưởng triết học VN tiêu biểu – đặc biệt là triết học Hồ Chí Minh</p>			<p>quy của lớp học</p>	
<p>Chương 2</p>	<p>TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN</p> <p>I. Sự ra đời của triết học Mác - Lênin</p> <p>1. Điều kiện kinh tế - xã hội</p> <p>2. Tiền đề lý luận</p> <p>3. Tiền đề khoa học tự nhiên</p> <p>4. Những giai đoạn chủ yếu trong sự hình</p>	<p>12 tiết</p>	<p>+ Hiểu được sự ra đời của Triết học Mác – Lênin là một hiện tượng tất yếu, khách quan của lịch sử, dựa trên những tiền đề nhất định và đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của thực tiễn những năm 40 của thế kỷ XIX.</p>	<p>CLO1 CLO3</p>	<p>PP. Thuyết trình; PP. Thảo luận nhóm;</p>	<p>+ Chuẩn bị bài trước khi đến lớp</p> <p>+ Phát biểu ý kiến liên quan đến bài học</p> <p>+ Tự nghiên cứu</p>	

	<p>thành và phát triển triết học Mác - Lênin.</p> <p>5. Đối tượng và đặc điểm chủ yếu của triết học Mác - Lênin.</p> <p>II. Chủ nghĩa duy vật biện chứng</p> <p>1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>2. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>III. Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>1. Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>2. Biện chứng giữa LLSX và QHSX</p>		<p>+ Nhớ được đối tượng và các đặc điểm của Triết học Mác – Lênin.</p> <p>+ Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc phương pháp luận rút ra từ việc học tập 2 nguyên lý, 3 quy luật, 6 cặp phạm trù của Phép biện chứng duy vật trong công tác chuyên môn và trong cuộc sống hàng ngày.</p> <p>+ Hiểu được các quy luật xã hội đều mang tính khách quan; từ đó có cái nhìn đúng đắn về con đường đi lên CNXH của Việt Nam.</p>		<p>những nội dung giáo viên yêu cầu</p> <p>+ Tuân thủ nội quy của lớp học</p>	
--	--	--	---	--	---	--

	<p>3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p>4. Biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội</p> <p>5. Tiến bộ xã hội. Quy luật về sự tiến bộ của xã hội loài người</p> <p>IV. Triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay</p> <p>1. Những biến đổi của thời đại</p> <p>2. Vai trò của Triết học Mác - Lênin</p>		<p>+ Xác định được vai trò quan trọng của Triết học Mác – Lênin trong bối cảnh thời đại có nhiều biến đổi ngày nay.</p>				
<p>Chương 3</p>	<p>MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT HỌC HỌC VỚI CÁC KHOA HỌC</p> <p>I. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học.</p>	<p>8 tiết</p>	<p>Hiểu được mối quan hệ biện</p>				

	<p>II. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học.</p> <p>1. Thế giới quan và Phương pháp luận</p> <p>2. Triết học là cơ sở để giải thích và định hướng nhận thức, hoạt động của các khoa học.</p> <p>3. Nhà khoa học không thể thiếu phương pháp luận triết học sáng suốt dẫn đường.</p>		<p>chúng giữa khoa học với triết học và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển của các khoa học nói chung và đối với nhà khoa học nói riêng.</p>	CLO1	<p>PP. Thuyết trình; PP. Thảo luận nhóm;</p>	<p>+ Chuẩn bị bài trước khi đến lớp</p> <p>+ Phát biểu ý kiến liên quan đến bài học</p> <p>+ Tự nghiên cứu những nội dung giáo viên yêu cầu</p> <p>+ Tuân thủ nội quy của lớp học</p>	
<p>Chương 4</p>	<p>VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI</p> <p>I. Khoa học và Công nghệ</p>	9 tiết	<p>+ Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa khoa học, kỹ thuật và công nghệ; Cách mạng kỹ thuật,</p>	CLO3	<p>PP. Thuyết trình; PP. Thảo</p>	<p>+ Chuẩn bị bài trước khi đến lớp</p> <p>+ Phát biểu ý</p>	

	<p>1. Khoa học 2. Kỹ thuật 3. Công nghệ 4. Cách mạng kỹ thuật, cách mạng công nghệ, cách mạng công nghiệp.</p> <p>II. Cách mạng khoa học và công nghệ.</p> <p>1. Tiến trình phát triển của khoa học, kỹ thuật và công nghệ 2. Bản chất, tác động và các xu hướng cơ bản của cách mạng khoa học và công nghệ.</p> <p>III. Khoa học và công nghệ VN</p> <p>1. Thành tựu của nền khoa học và công nghệ VN. 2. Những hạn chế, yếu kém của khoa học và công nghệ VN 3. Nguyên nhân của thành tựu và hạn chế</p>		<p>cách mạng công nghệ và cách mạng công nghiệp.</p> <p>+ Hiểu được những thành tựu, hạn chế yếu kém của khoa học và công nghệ VN và chỉ ra được nguyên nhân của thực trạng này.</p>		<p>luận nhóm;</p>	<p>kiến liên quan đến bài học</p> <p>+ Tự nghiên cứu những nội dung giáo viên yêu cầu</p> <p>+ Tuân thủ nội quy của lớp học</p>	
--	--	--	--	--	-------------------	---	--

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Stt	Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần	Mức điểm (thang điểm 10)
1	Đi học đúng giờ và tham gia đầy đủ 100% các buổi học trên lớp	10 điểm
2	Đi học muộn	Trừ 01 điểm
3	Nghỉ học	Trừ 02 điểm/ 01 buổi nghỉ

9.2.2. Rubric đánh giá điểm kiểm tra giữa kỳ:

Stt	Tiêu chí đánh giá điểm kiểm tra giữa kỳ	Mức điểm (thang điểm 10)
1	Trả lời đúng và đủ ý	09 điểm
2	Trình bày bài khoa học, chữ viết dễ đọc	01 điểm
Lưu ý	<i>Những học viên hăng hái phát biểu xây dựng bài trên lớp được cộng tối đa 03 điểm vào bài kiểm tra giữa kỳ.</i>	

9.2.3. Rubric đánh giá bài thi hoặc tiểu luận:

Stt	Tiêu chí đánh giá giá bài thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận	Mức điểm (thang điểm 10)
1	Trả lời đúng và đủ ý	10 điểm

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở bảng 4.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm Chuyên cần	10%			R1		GV điểm danh học viên đầu buổi học
Điểm kiểm tra giữa kỳ	30%	Chương 1: Khái lược về triết học		R2	CLO3	GV ra đề bài kiểm tra 01 tiết cho học viên; bài làm viết tay không đánh máy
Điểm thi kết thúc học phần hoặc làm bài tiểu luận	60%	Chương 1,2,3,4		R3	CLO1 CLO2 CLO3	GV ra đề thi chẵn – lẻ, học viên làm bài thi tại lớp theo quy định. Trong trường hợp học viên làm bài Tiểu luận thì GV ra đề mở, yêu cầu học viên viết tay, không đánh máy bài làm.

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá:

9.5. Điểm học phần

+ Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm chuyên cần; Điểm kiểm tra giữa kỳ và Điểm thi kết thúc học phần (hoặc viết bài tiểu luận) theo Bảng 9.3.1

+ Điểm học phần phải đạt từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5 điểm).

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính: Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Giáo trình Triết học*

(dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo:

Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học.Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2015), Giáo trình Triết học Mác – Lênin, NXB. Chính trị Quốc gia, HN

11. Hướng dẫn thực hiện

- + Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- + Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- + Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA


ĐOÀN QUANG HUY

TRƯỞNG BỘ MÔN


ĐINH NGUYỄN AN

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
MỘT SỐ MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ TÁC DỤNG DƯỢC LÝ CỦA DƯỢC LIỆU,
THUỐC CỔ TRUYỀN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HVYDHCTVN ngày tháng năm 202
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Thạc sỹ Dược liệu – Dược học cổ truyền, định hướng nghiên cứu

Mã số đào tạo: 8720206

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Một số mô hình đánh giá tác dụng dược lý của Dược liệu, thuốc cổ truyền

* Tiếng Anh: Some Pharmacological Methods for Evaluating Effectiveness and Toxicology of medicinal herbs and traditional drugs.

- Mã học phần/ mô đun: 24321

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Học viên cao học, ngành Dược.

- Số tiết đối với các hoạt động học tập trên lớp: 30 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 1 tiết

+ Kiểm tra: 1 tiết

+ Thời gian tự học: 58

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Dược lý.

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
	Kiến thức cơ sở khởi ngành <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>	Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>	Thực tập và khóa luận tốt nghệ

								<input type="checkbox"/>
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước (đã học):

+ Học phần song hành:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	TS. Nguyễn Thị Minh Thu	0912750167	Dược lý	minhthunimpe@gmail.com
	<i>Các trợ giảng</i>			
1	ThS. Tô Lê Hồng	0904469316		tolehong512@gmail.com
2	ThS. Phạm Phương Liên	0904646695		phamphuonglien22339@gmail.com
3	Tổng Thị Mai Vân	0945248815		tongmaivan@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/mô đun

Ký hiệu Mục tiêu học phần/ mô đun	Nội dung của mục tiêu học phần/ mô đun
MT HP 1	Giải thích được một số yếu tố có ảnh hưởng đến phương pháp nghiên cứu dược lý
MT HP 2	Mô tả được phương pháp sàng lọc tác dụng dược lý của thuốc từ dược thảo và cách chuẩn bị mẫu cho nghiên cứu dược lý.
MT HP 3	Trình bày và giải thích được một số phương pháp thử nghiệm tác dụng dược lý theo nhóm thuốc.

MT HP 4	Áp dụng được phương pháp ngoại suy liều có hiệu quả tương đương giữa người và động vật thí nghiệm, cách tính liều an toàn & liều có hiệu quả của thuốc.
MT HP 5	Luôn có trách nhiệm và ý thức tự nghiên cứu và phối hợp với đồng nghiệp để nâng cao khả năng thực hiện các nghiên cứu thử nghiệm tác dụng dược lý trong thực hành nghề nghiệp.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT HP	MT CTĐT		
	(1)	(2)	(3)
MT HP1	2	2	2
MT HP2	2	2	2
MT HP3	2	2	2
MT HP4	2	2	2
MT HP5		2	3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – Thấp

2- Trung bình

3- Cao

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Có kiến thức cơ bản về một số mô hình thử nghiệm tác dụng dược lý và độc tính của dược liệu, thuốc cổ truyền <i>in vitro</i> và <i>in vivo</i> .
CLO2	Có khả năng phân tích được một số yếu tố ảnh hưởng và thiết kế được một số thử nghiệm tác dụng dược lý và độc tính của thuốc trên thực nghiệm.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – Thấp

2- Trung bình

3- Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5
CLO 1			2	2	
CLO 2			3	3	

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, màn chiếu (hoặc màn hình LED), laptop, loa, mic, phấn, bảng, giấy A0, bút dạ,

6.1.2. Thực hành: Chưa.

6.1.3. Lâm sàng: Không.

6.2. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải thể hiện rõ kế hoạch cá nhân và kế hoạch nghiên cứu bài học.

- Học viên phải có tài liệu học tập (giáo trình và các tài liệu tham khảo tại lục 10).

- Phải có giáo trình của học phần đáp ứng yêu cầu.

- Dự lớp học lý thuyết:

Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy, lấy người học làm trung tâm.

Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
- ✓ Tham gia học tập tích cực; Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Tham gia chương trình của buổi học theo sự hướng dẫn của giảng viên.

✓ Nghe ý kiến trao đổi thảo luận của giảng viên và các bạn học viên trong lớp học. Chọn cách ghi chép bài học. Đề xuất thắc mắc (nếu có).

✓ Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp theo yêu cầu của người dạy về nội dung bài học.

- Bài tập/thảo luận:

+ Học viên chuẩn bị các nội dung chủ đề trước khi lên lớp theo hướng dẫn của giảng viên, làm bài tập đầy đủ, trau dồi kỹ năng làm việc nhóm để chuẩn bị bài thảo luận, tham gia đầy đủ 100% các bài thảo luận.

+ Học viên chuẩn bị slide hoặc bài tập trong bài học sau khi được giảng viên hướng dẫn cho bài học mới, có thể tương tác với giảng viên để kiểm tra lại bài chuẩn bị trước khi lên lớp nhằm tăng hiệu quả, chất lượng dạy - học.

- Tự học:

+ *Lý thuyết*: Học viên đọc bài học từ trước buổi giảng theo yêu cầu của giảng viên, chủ động chuẩn bị bài thuyết trình theo hướng dẫn của giảng viên, tài liệu học tập và các nguồn khác (nếu được yêu cầu), phân công cá nhân và tổ thực hiện bài thuyết trình. Đánh dấu hay lưu ý các vấn đề chưa hiểu hoặc chưa hiểu rõ muốn được làm sáng tỏ hơn trong bài học để đề xuất trao đổi trên lớp. Sau khi học trên lớp, về nhà xem lại bài học ghi được trên lớp, tìm hiểu và bổ sung thêm thông tin từ các nguồn khác để có bài học cá nhân.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Đạt kết quả theo yêu cầu 100% bài thảo luận/ bài tập nhóm và tối thiểu 80% có mặt tham gia trên lớp học lý thuyết.

- Phải tham gia dự thi kết thúc học phần.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần “*Một số mô hình đánh giá tác dụng dược lý của Dược liệu, thuốc cổ truyền*” cung cấp các kiến thức cơ bản về những điều kiện cần thiết để tiến hành nghiên cứu dược lý và độc tính trên thực nghiệm, bao gồm: môi trường thí nghiệm, động vật thí nghiệm, các yếu tố ảnh hưởng đến đáp ứng của cơ thể động vật đối với thuốc, thuốc gây mê dùng cho động vật, cách chăm sóc, sinh sản và quản lý ĐVTN, phương pháp sàng lọc tác dụng dược lý của thuốc từ thảo dược và phương pháp chuẩn bị mẫu dùng cho nghiên cứu dược lý, phương pháp ngoại suy liều có hiệu quả tương đương giữa người và ĐVTN, cách tính liều an toàn & liều có hiệu quả của thuốc, liều ED₅₀.

Đặc biệt, học viên còn được học phương pháp tiến hành nhiều thử nghiệm về độc tính và tác dụng dược lý của từng nhóm thuốc cụ thể: thử nghiệm độc tính cấp, độc tính trường diễn, độc tính tại chỗ, tác dụng hạ đường huyết, tác dụng chống tăng lipid máu & chống xơ vữa động mạch, tác dụng bảo vệ gan của thuốc, tác dụng ức chế miễn dịch và

kháng histamin, tác dụng chống viêm, giảm đau, tác dụng kháng khuẩn *in vitro*, chống nấm, tác dụng chống Alzheimer và tác dụng chống tăng sản tuyến tiền liệt lành tính.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (2-4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của HV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 9.3.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	<p>1. Một số vấn đề chung</p> <p>1.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến nghiên cứu DL</p> <p>1.2. Nghiên cứu cơ chế tác dụng của thuốc</p> <p>1.3. Thuốc gây mê dùng cho động vật thí nghiệm</p> <p>1.4. Chăm sóc, sinh sản và quản lý động vật thí nghiệm.</p>	2	<p>1. Mô tả và giải thích được được những yếu tố ảnh hưởng đến đáp ứng của cơ thể động vật với thuốc.</p> <p>2. Liệt kê được một số thuốc hay dùng để gây mê động vật thí nghiệm.</p> <p>3. Trình bày được yêu cầu về chăm sóc và quản lý động vật thí nghiệm.</p>	CLO1, CLO2	<p>1. Phương pháp thuyết trình tích cực hóa người học</p> <p>2. Phương pháp động não</p>	<p>1. Chuẩn bị Giáo trình và máy tính/laptop, projector dụng cụ học tập, bài đã chuẩn bị đến lớp.</p> <p>2. Thuyết trình báo cáo slide khi được giảng viên yêu cầu;</p> <p>3. Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo trong thảo luận.</p>	AI

	<p>2. Phương pháp sàng lọc tác dụng DL của cây thuốc và cách chuẩn bị mẫu cho nghiên cứu</p> <p>2.1. Phương pháp sàng lọc tác dụng của thuốc từ cây trồng</p> <p>2.2. Phương pháp chuẩn bị mẫu sử dụng trong nghiên cứu tác dụng dược lý.</p>	1	<p>1. Trình bày được tầm quan trọng và mục tiêu NC sàng lọc tác dụng sinh học của cây thuốc.</p> <p>2. Liệt kê được một số phương pháp thử nghiệm sàng lọc được lý điển hình.</p> <p>3. Mô tả được PP chuẩn bị mẫu cho NC sàng lọc TD dược lý và xác định nhóm hoạt chất từ cây thuốc.</p>	CLO1, CLO2	<p>1. Phương pháp trình tích cực hóa người học</p> <p>2. Phương pháp động não</p>	<p>1. Chuẩn bị Giáo trình và máy tính/laptop, projector dùng cụ học tập, bài đã chuẩn bị đến lớp.</p> <p>2. Thuyết trình báo cáo slide khi được giảng viên yêu cầu;</p> <p>3. Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo trong thảo luận.</p>	AI
	<p>3. Phương pháp ngoại suy liều có hiệu quả</p> <p>3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến liều có hiệu quả tương đương giữa các loài động vật</p> <p>3.2. Ngoại suy liều có hiệu quả tương đương giữa người và động vật thí nghiệm</p>	1	<p>1. Mô tả và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến liều có hiệu quả tương đương giữa các loài ĐV.</p> <p>2. Vận dụng được cách ngoại suy liều có hiệu quả giữa người và một số loại vật TN vào tình huống cụ thể.</p> <p>3. Trình bày và vận dụng được PP xác định diện tích bề mặt cơ thể người trong tính liều lượng của thuốc.</p>	CLO1, CLO2	<p>1. Phương pháp trình tích cực hóa người học</p> <p>2. Phương pháp động não</p>	<p>1. Chuẩn bị Giáo trình và máy tính/laptop, projector dùng cụ học tập, bài đã chuẩn bị đến lớp.</p> <p>2. Thuyết trình báo cáo slide khi được giảng viên yêu cầu;</p> <p>3. Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo trong thảo luận.</p>	AI

2	<p>3.3. Xác định diện tích bề mặt cơ thể của người</p> <p>4. Phương pháp xác định liều ED50</p> <p>4.1. Đại cương</p> <p>4.2. Cách xác định ED50</p>	1	<p>1. Trình bày được khái niệm và các nguyên tắc xác định ED₅₀.</p> <p>2. Mô tả và vận dụng được phương pháp xác định ED₅₀ của thuốc.</p>	CLO1, CLO2	<p>1. Phương pháp thuyết trình tích cực hóa người học</p> <p>2. Phương pháp động não</p>	<p>1. Chuẩn bị Giáo trình và máy tính/laptop, projector dụng cụ học tập, bài đã chuẩn bị đến lớp.</p> <p>2. Thuyết trình báo cáo slide khi được giảng viên yêu cầu;</p> <p>3. Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo trong thảo luận.</p>	A1
	<p>5. Phương pháp xác định tính an toàn và liều có hiệu quả</p> <p>5.1. Đặt vấn đề</p> <p>5.2. Những điểm cần quán triệt khi xác định tính an toàn và liều có hiệu quả của thuốc</p> <p>5.3. Phương pháp xác định liều có hiệu quả cho một thuốc mới</p>	2	<p>1. Mô tả được phương pháp xác định liều có hiệu quả cho một thuốc mới.</p> <p>2. Trình bày và vận dụng được phương pháp xác định tính an toàn của thuốc.</p>	CLO1, CLO2	<p>1. Phương pháp thuyết trình tích cực hóa người học</p> <p>2. Phương pháp động não</p>	<p>1. Chuẩn bị Giáo trình và máy tính/laptop, projector dụng cụ học tập, bài đã chuẩn bị đến lớp.</p> <p>2. Thuyết trình báo cáo slide khi được giảng viên yêu cầu;</p> <p>3. Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo trong thảo luận.</p>	A1

	<p>5.4. Xác định tính an toàn của thuốc</p> <p>5.5. Tính liều có hiệu quả tương đương trên người</p> <p>5.6. Trường hợp xác định độc tính cấp, nhưng không tìm được LD50</p>	1	<p>1.Trình bày được khái niệm và các nguyên tắc chung xác định LD50.</p> <p>2.Liệt kê được yêu cầu về ĐVTN và mẫu thử dùng trong TN.</p> <p>3.Trình bày và giải thích được yêu cầu về đường dùng, cách dùng thuốc và cách thăm dò liều.</p> <p>4. Mô tả được các bước tiến hành thử nghiệm độc tính cấp và tính kết quả.</p>	CLO1, CLO2	<p>1. Phương pháp trình tích cực hóa người học</p> <p>2. Phương pháp động não</p>	AI
	<p>6. Phương pháp xác định độc tính cấp của thuốc</p> <p>6.1. Đại cương về nghiên cứu độc tính</p> <p>6.2. Phương pháp xác định độc tính cấp của thuốc.</p>	1	<p>1. Trình bày được khái niệm và các nguyên tắc chung xác định LD50.</p> <p>2. Liệt kê được yêu cầu về ĐVTN và mẫu thử dùng trong TN.</p> <p>3. Trình bày và giải thích được yêu cầu về đường dùng, cách dùng thuốc và cách thăm dò liều.</p> <p>4. Mô tả được các bước tiến hành thử nghiệm độc tính cấp và tính kết quả.</p>	CLO1, CLO2	<p>1. Chuẩn bị Giáo trình và máy tính/laptop, projector dùng cụ học tập, bài đã chuẩn bị đến lớp.</p> <p>2. Thuyết trình báo cáo slide khi được giảng viên yêu cầu;</p> <p>3. Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo trong thảo luận.</p>	AI
3	<p>7. Nghiên cứu độc tính bán trường diễn</p>	2	<p>1.Trình bày được mục tiêu và nguyên tắc PP thử độc tính trường diễn của thuốc</p>	CLO1, CLO2	<p>1. Phương pháp thuyết trình</p>	AI

	<p>7.1. Đại cương về nghiên cứu độc tính</p> <p>7.2. Phương pháp nghiên cứu độc tính trường diễn</p>		<p>2. Mô tả và giải thích được yêu cầu về ĐVTN và mẫu thử dùng trong TN</p> <p>3. Liệt kê được yêu cầu về đường dùng, và liều dùng</p> <p>4. Trình bày được các bước tiến hành thử nghiệm và các thông số theo dõi trong TN độc tính trường diễn.</p>		<p>trình tích cực hóa người học</p> <p>2. Phương pháp động não</p>	<p>dụng cụ học tập, bài đã chuẩn bị đến lớp.</p> <p>2. Thuyết trình báo cáo slide khi được giảng viên yêu cầu;</p> <p>3. Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo trong thảo luận.</p>
	<p>8. Nghiên cứu độc tính tại chỗ</p> <p>8.1. Đặt vấn đề</p> <p>8.2. Nghiên cứu tác dụng kích ứng da</p> <p>8.3. Thử tác dụng kích ứng da của thuốc so với một số thuốc tham chiếu</p> <p>8.4. Thử tác dụng kích ứng da của thuốc so với một thuốc kích ứng chuẩn</p> <p>8.5. Xác định mức độ kích ứng da của thuốc nguyên dạng</p>	<p>2</p>	<p>1. Mô tả và giải thích được PP thử tác dụng kích ứng da của thuốc NC so với thuốc tham chiếu và thuốc kích ứng chuẩn</p> <p>2. Trình bày được PP xác định mức độ kích ứng da của thuốc nguyên dạng</p> <p>3. Liệt kê được các bước tiến hành xác định nồng độ kích ứng ngưỡng.</p>	<p>CLO1, CLO2</p>	<p>1. Phương pháp thuyết trình tích cực hóa người học</p> <p>2. Phương pháp động não</p>	<p>1. Chuẩn bị Giáo trình và máy tính/laptop, projector dụng cụ học tập, bài đã chuẩn bị đến lớp.</p> <p>2. Thuyết trình báo cáo slide khi được giảng viên yêu cầu;</p> <p>3. Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo trong thảo luận.</p>

4	8.6. Xác định nồng độ kích ứng ngưỡng	2	1. Mô tả được PP thử tác dụng hạ đường máu trên chuột cống trắng bình thường và trên ĐV đái tháo đường 2. Trình bày được các bước thử nghiệm dung nạp glucose 3. Mô tả được PP thử tác dụng trên sự tiết insulin <i>in vitro</i> 4. Trình bày được PP TN ngoài tuyến tụy	CLO1, CLO2	1. Phương pháp trình tích cực hóa người học 2. Phương pháp động não	AI
	<p>9. Nghiên cứu tác dụng hạ glucose máu trên ĐVTN</p> <p>9.1. Thử nghiệm tác dụng hạ đường máu trên chuột cống trắng bình thường</p> <p>9.2. Thử nghiệm tác dụng hạ đường huyết trên động vật đái tháo đường</p> <p>9.3. Thử nghiệm dung nạp glucose</p> <p>9.4. Thử nghiệm tác dụng trên sự tiết insulin <i>in vitro</i></p> <p>9.5. Thử nghiệm tác dụng ngoài tuyến tụy</p> <p>9.6. Thử nghiệm tác dụng trên hoạt độ của superoxyd dismutase ở đảo tụy động vật đái tháo đường</p> <p>9.7. Thử nghiệm tác dụng ức chế aldose reductase</p>	2	1. Mô tả được PP thử tác dụng hạ đường máu trên chuột cống trắng bình thường và trên ĐV đái tháo đường 2. Trình bày được các bước thử nghiệm dung nạp glucose 3. Mô tả được PP thử tác dụng trên sự tiết insulin <i>in vitro</i> 4. Trình bày được PP TN ngoài tuyến tụy	CLO1, CLO2	<p>1. Chuẩn bị Giáo trình và máy tính/laptop, projector dụng cụ học tập, bài đã chuẩn bị đến lớp.</p> <p>2. Thuyết trình báo cáo slide khi được giảng viên yêu cầu;</p> <p>3. Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo trong thảo luận.</p>	AI

	9.8. Thử nghiệm tác dụng trên hàm lượng sorbitol			CLO1, CLO2	1. Phương pháp trình tích cực hóa người học 2. Phương pháp động não	AI
	<p>10. Nghiên cứu tác dụng chống tăng lipid của thuốc và thuốc tác dụng trên xo' vữa động mạch</p> <p>10.1. Thử nghiệm trên động vật có cholesterol máu bình thường trong sàng lọc ban đầu</p> <p>10.2. Thử nghiệm trên động vật có tăng cholesterol máu</p> <p>10.3. Các mô hình thực nghiệm trên động vật trung gian</p> <p>10.4. Tăng cholesterol máu gây bởi estrogen ở chim</p> <p>10.5. Tăng cholesterol máu gây bởi triton</p> <p>10.6. Tăng cholesterol máu gây bởi tween 80</p> <p>10.7. Bàn luận và phân tích các phương pháp đánh giá các thuốc hạ cholesterol máu</p>	2	<p>1. Mô tả được PP thử tác dụng hạ cholesterol máu trên ĐV có giới hạn lipid máu bình thường</p> <p>2. Trình bày và giải thích được PP thử tác dụng của thuốc trên ĐV tăng cholesterol máu</p> <p>3. Trình bày được 1 số mô hình thử TD hạ lipid máu ở ĐV được gây tăng cholesterol máu bằng các tác nhân khác nhau</p>		<p>1. Chuẩn bị Giáo trình và máy tính/laptop, projector dụng cụ học tập, bài đã chuẩn bị đến lớp.</p> <p>2. Thuyết trình báo cáo slide khi được giảng viên yêu cầu;</p> <p>3. Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo trong thảo luận.</p>	

5	<p>11. Nghiên cứu tác dụng bảo vệ TB gan của thuốc</p> <p>11.1. Đặt vấn đề</p> <p>11.2. Nghiên cứu tác dụng bảo vệ gan trên tổn thương gan do các chất độc với gan</p> <p>11.3. Nghiên cứu tác dụng của thuốc trên xơ gan thực nghiệm</p>	2	<p>1.Trình bày và giải thích được tầm quan trọng của việc NC thuốc bảo vệ gan.</p> <p>2.Mô tả được PP NC tác dụng bảo vệ gan trên tổn thương do các chất độc.</p> <p>3.Trình bày được NC tác dụng của thuốc trên xơ gan TN.</p>	CLO1, CLO2	<p>1. Phương pháp thuyết trình tích cực hóa người học</p> <p>2. Phương pháp động não</p>	<p>1. Chuẩn bị Giáo trình và máy tính/laptop, projector dùng cụ học tập, bài đã chuẩn bị đến lớp.</p> <p>2. Thuyết trình báo cáo slide khi được giảng viên yêu cầu;</p> <p>3. Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo trong thảo luận.</p>	A1, A2
	<p>12. Nghiên cứu tác dụng ức chế điều hòa miễn dịch</p> <p>12.1. Đặt vấn đề</p> <p>12.2. Nghiên cứu tác dụng ức chế điều hòa miễn dịch</p>	2	<p>1.Mô tả và giải thích được một số PP NC thuốc ức chế & điều hòa miễn dịch.</p> <p>2.Trình bày được PP NC các thuốc kháng histamin trên thực nghiệm.</p>	CLO1, CLO2	<p>1. Phương pháp thuyết trình tích cực hóa người học</p> <p>2. Phương pháp động não</p>	<p>1. Chuẩn bị Giáo trình và máy tính/laptop, projector dùng cụ học tập, bài đã chuẩn bị đến lớp.</p> <p>2. Thuyết trình báo cáo slide khi được giảng viên yêu cầu;</p> <p>3. Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo trong thảo luận.</p>	A1
6	<p>13. Nghiên cứu tác dụng chống viêm của thuốc</p>	2	<p>1.Trình bày được các phương pháp NC phù/ù hạt thực nghiệm.</p>	CLO1, CLO2	<p>1. Phương pháp thuyết trình tích cực hóa người học</p>	<p>1. Chuẩn bị Giáo trình và máy tính/laptop, projector</p>	A1

	<p>13.1.1. Các phương pháp nghiên cứu trên phù thực nghiệm</p> <p>13.2. Thử nghiệm trên ban đồ gây bởi tia tử ngoại ở chuột lang</p> <p>13.3. Các phương pháp nghiên cứu trên u hạt thực nghiệm</p> <p>13.4. Thử nghiệm gây dịch rỉ màng phổi trên chuột cống trắng già</p> <p>13.5. Thử nghiệm trên viêm đa khớp thực nghiệm do Mycoplasma arthritis</p> <p>13.6. Thử nghiệm trên viêm khớp thực nghiệm gây bởi chất bổ trợ Freund</p> <p>13.7. Thử nghiệm trên viêm đa khớp ở chuột cống trắng gây bằng chất bổ trợ (chất sáp D) phân lập từ trực khuẩn lao</p>	<p>2.Trình bày được các PP NC gây ban đỏ bởi tia tử ngoại và gây dịch rỉ màng phổi ở ĐVTN</p> <p>3.Mô tả được một số PP NC gây viêm khớp thực nghiệm</p> <p>4.Trình bày được PP NC thuốc chống viêm dạ dày.</p>	<p>trình tích cực hóa người học</p> <p>2. Phương pháp động não</p>	<p>dụng cụ học tập, bài đã chuẩn bị đến lớp.</p> <p>2. Thuyết trình báo cáo slide khi được giảng viên yêu cầu;</p> <p>3. Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo trong thảo luận.</p>	
--	---	---	--	--	--

	13.8. Nghiên cứu sự dung nạp thuốc chống viêm bởi dạ dày	2	1.Trình bày và giải thích được các phương pháp NC được lý thuốc giảm đau gây ngủ 2.Mô tả và giải thích được các PP NC được lý thuốc giảm đau không gây ngủ.	CLO1, CLO2	1. Phương pháp thuyết trình tích cực hóa người học 2. Phương pháp động não	1. Chuẩn bị Giáo trình và máy tính/laptop, projector dùng cụ học tập, bài đã chuẩn bị đến lớp. 2. Thuyết trình báo cáo slide khi được giảng viên yêu cầu; 3. Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo trong thảo luận.	AI
7	14. Nghiên cứu tác dụng giảm đau của thuốc 14.1. Phương pháp nghiên cứu được lý thuốc giảm đau gây ngủ 14.2. Phương pháp nghiên cứu được lý thuốc giảm đau không gây ngủ	2	1.Xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến NC kháng khuẩn <i>in vitro</i> 2.Trình bày được kỹ thuật định tính để thăm dò TD trên VK 3.Mô tả được một số PP NCTD kháng khuẩn: - PP khoan giấy trên MT đặc - Ống trụ trên MT đặc - Vi định lượng trong MT lòng - Sinh tự ký.	CLO1, CLO2	1. Phương pháp thuyết trình tích cực hóa người học 2. Phương pháp động não	1. Chuẩn bị Giáo trình và máy tính/laptop, projector dùng cụ học tập, bài đã chuẩn bị đến lớp. 2. Thuyết trình báo cáo slide khi được giảng viên yêu cầu; 3. Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo trong thảo luận.	AI
	15. Nghiên cứu tác dụng kháng khuẩn <i>in-vitro</i> 15.1. Những yếu tố ảnh hưởng 15.2. Kỹ thuật định tính để thăm dò tác dụng trên vi khuẩn 15.3. Phương pháp nghiên cứu tác dụng kháng khuẩn bằng kỹ thuật dùng khoan giấy trên môi trường khác	2					

	<p>15.4. Phương pháp nghiên cứu tác dụng kháng khuẩn bằng kỹ thuật dùng ống trụ trên môi trường đặc</p> <p>15.5. Phương pháp nghiên cứu tác dụng kháng khuẩn bằng kỹ thuật hệ nồng độ trong môi trường lỏng</p> <p>15.6. Phương pháp nghiên cứu tác dụng kháng khuẩn bằng kỹ thuật vi định lượng trong vi môi trường lỏng</p> <p>15.7. Phương pháp sinh tự ký</p>	1	1.Trình bày và giải thích được thử nghiệm tác dụng của thuốc trên mô hình bệnh Alzheimer ở chuột cống trắng.	CLO1, CLO2	<p>1. Phương pháp thuyết trình tích cực hóa người học</p> <p>2. Phương pháp động não</p>	<p>1. Chuẩn bị Giáo trình và máy tính/laptop, projector dụng cụ học tập, bài đã chuẩn bị đến lớp.</p> <p>2. Thuyết trình báo cáo slide khi được giảng viên yêu cầu;</p> <p>3. Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo trong thảo luận.</p>	A1
<p>16. Nghiên cứu tác dụng chống bệnh Alzheimer</p> <p>16.1. Đặt vấn đề</p> <p>16.2. Phương pháp nghiên cứu tác dụng chống bệnh Alzheimer</p>		1					

8	<p>17. Nghiên cứu tác dụng kháng nấm</p> <p>17.1. Nghiên cứu tác dụng kháng vi nấm <i>in vitro</i></p> <p>17.2. Nghiên cứu tác dụng kháng vi nấm <i>in vivo</i></p> <p>17.3. Mô hình gây nhiễm vi nấm da thực nghiệm ở chuột lang</p> <p>17.4. Mô hình gây nhiễm nấm giác mạc ở chó</p> <p>17.5. Mô hình gây nhiễm vi nấm ở âm đạo chuột nhắt trắng</p> <p>17.6. Mô hình gây nhiễm vi nấm toàn thân ở chuột nhắt trắng</p> <p>17.7. Mô hình gây nhiễm vi nấm phổi ở chuột nhắt trắng</p> <p>17.8. Một số mô hình khác</p>	2	<p>1.Trình bày được các phương pháp NC TD kháng nấm <i>in vitro</i> & <i>in vivo</i>.</p> <p>2.Trình bày được các mô hình gây nhiễm nấm ở da, giác mạc, phổi ĐVTN.</p> <p>3.Mô tả được các mô hình gây nhiễm nấm ở âm hộ, âm đạo chuột nhắt trắng (CNT).</p> <p>4.Trình bày được mô hình gây nhiễm nấm toàn thân ở CNT.</p>	CLO1, CLO2	<p>1. Phương pháp thuyết trình tích cực hóa người học</p> <p>2. Phương pháp động não</p>	<p>1. Chuẩn bị Giáo trình và máy tính/laptop, projector dụng cụ học tập, bài đã chuẩn bị đến lớp.</p> <p>2. Thuyết trình báo cáo slide khi được giảng viên yêu cầu;</p> <p>3. Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo trong thảo luận.</p>	A1
---	--	---	---	------------	--	---	----

		1	1. Mô tả được thử nghiệm tác dụng của thuốc trên mô hình gây tăng sản tuyến tiền liệt ở chuột nhắt trắng.	CLO1, CLO2	1. Phương pháp thuyết trình tích cực hóa người học 2. Phương pháp động não	1. Chuẩn bị Giáo trình và máy tính/laptop, projector dụng cụ học tập, bài đã chuẩn bị đến lớp. 2. Thuyết trình báo cáo slide khi được giảng viên yêu cầu; 3. Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo trong thảo luận.	A1
	18. Nghiên cứu tác dụng chống tăng sản tuyến tiền liệt 18.1. Đặt vấn đề 18.2. Nghiên cứu tác dụng chống tăng sản tuyến tiền liệt						
	Tổng	30					
	Thi cuối kỳ		Theo lịch chung của HV.				A3

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/KT ...): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của HV: Xác định các nội dung HV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số ...).

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra: Không có.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

HV cần dự tối thiểu 80% số giờ giảng mới đủ điều kiện dự thi. Điểm tối đa chuyên cần là 10 điểm khi học viên đi dự đủ số buổi giảng, tích cực tham gia thảo luận nội dung học tập và làm bài tập đầy đủ. HV nghỉ 1 buổi trừ 2 điểm, nghỉ 2 buổi trừ 4 điểm chuyên cần. HV nghỉ từ 3 buổi trở lên không được dự thi cuối kỳ. Điểm chuyên cần chiếm 10% trọng số điểm đánh giá học phần.

9.2.2. Rubric đánh giá thi giữa kỳ

HV làm bài kiểm tra giữa kỳ vào buổi học thứ 5, làm bài thi trắc nghiệm dạng google form, thời gian 15 phút. Điểm giữa kỳ được tính là thang điểm 10 và chiếm 30% trọng số điểm đánh giá học phần.

9.2.3. Rubric đánh giá cuối kỳ

Học viên làm bài thi cuối kỳ dạng viết tiểu luận. Điểm cuối kỳ được tính là thang điểm 10, chiếm 60% trọng số điểm đánh giá học phần.

Rubric 9.2.3: Đánh giá bài thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Trọng số /bài cuối kỳ	CĐR của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Tổng điểm bài thi
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kiến thức theo nội dung câu hỏi của bài thi	90%	CLO1 CLO2	Đáp ứng 85-100% các tiêu	Đáp ứng từ 70% đến 84%	Đáp ứng từ 55% đến 69%	Đáp ứng từ 40% đến 54%	Không diễn đạt được;	100%

			mục theo đáp án	các tiêu mục theo đáp án	các tiêu mục theo đáp án	các tiêu mục theo đáp án	thiếu thông tin; thiếu dẫn liệu
Hình thức trình bày	10%		Viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc.	Viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ.	Viết đôi chỗ còn chưa logic; Bố cục chưa chặt chẽ.	Viết lủng cung, khó hiểu; Bố cục không rõ ràng.	Cẩu thả; Không có bố cục cụ thể.

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Kiểm tra thường xuyên	10	A1. Tham dự giờ giảng và làm bài tập, hoặc thảo luận theo quy định.		10		CLO1, CLO2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm danh hàng ngày vào thời điểm bất kỳ. - Khi thảo luận: gọi tên HV bất kỳ. - Bài tập vận dụng: HV làm ra giấy và nộp luôn tại lớp.
Kiểm tra	30	A2. Kiểm tra trắc nghiệm,	Bài thi trên	30%	Rubric 9.2.2	CLO1, CLO2	Theo Rubric 9.2.2

định kỳ		nội dung từ buổi 1-4.	google form				
Điểm thi lý thuyết kết thúc học phần	60	A3. Thi viết tiểu luận	Bài tiểu luận	60%	Rubric 9.2.3	CLO1, CLO2	HV làm bài tiểu luận, đánh giá theo rubric 9.2.3.

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	100	A1. Chuyên cần		10		CLO 1-2	- Điểm danh hàng ngày vào thời điểm bất kỳ. - Khi thảo luận: gọi tên HV bất kỳ. - Bài tập vận dụng: HV làm ra giấy và nộp luôn tại lớp.
		A2. Đánh giá giữa kỳ		30		CLO 1-2	- HV làm bài kiểm tra tại lớp trong 15 phút, dạng trắc nghiệm trên google form.
		A3. Đánh giá cuối kỳ		60		CLO 1-2	HV làm bài thi viết tiểu luận.

		(viết tiểu luận)					
--	--	------------------	--	--	--	--	--

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.4.1. Ma trận đề kiểm tra giữa kỳ

Bài kiểm tra giữa kỳ gồm 10 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu 1 điểm. Tổng điểm được tính theo thang điểm 10. Nội dung nằm trong kiến thức đã học từ buổi 1-4.

9.4.2. Ma trận đề kiểm tra cuối kỳ và thang điểm đánh giá

Bài thi cuối kỳ gồm 2-3 nội dung để học viên viết tiểu luận, được chọn trong 18 bài học của chương trình. Điểm được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm chuyên cần*, *Điểm kiểm tra giữa kỳ* và *Điểm thi cuối kỳ* theo bảng 9.3.1.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Viện Dược liệu (2006), *Phương pháp nghiên cứu tác dụng dược lý của thuốc từ dược thảo*, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Đỗ Trung Đàm (2014), *Phương pháp xác định độc tính cấp của thuốc*, Nhà xuất bản Y học.

[2]. OECD (2001), “Acute oral toxicity – Acute toxic class method”, *OECD guideline for testing of chemicals*, No. 423.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2024

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

Nguyễn Thị Minh Thu

Nguyễn Thị Minh Thu

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày 19/3/2024.</i>	Người cập nhật Nguyễn Thị Minh Thu
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày</i>	Người cập nhật Nguyễn Thị Minh Thu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

Đối tượng đào tạo: Thạc sỹ Dược liệu – Dược học cổ truyền, định hướng nghiên cứu

Mã số đào tạo: 8720206

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Mối liên quan giữa thành phần hóa học với tác dụng của dược liệu, thuốc cổ truyền

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 02 LT/ 0 TH/ 0 LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng: 0 tiết

+ Bài tập:..... tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm:tiết

+ Kiểm tra: 0 tiết

+ Thời gian tự học: 70 tiết

(Hướng dẫn điền số tiết: Theo khoản 1 điều 7 thông tư 17/2021/TT-BGDĐT có quy định:

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.)

- Đối tượng học (năm thứ): CKI- Năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần: Không yêu cầu

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: BM Hóa Dược – TV-DL

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	Ts Trần Văn Thanh	0913060926	Hóa Dược	thanhtv63@gmail.com
2	Ths Nguyễn Phương Dung	0914610555	Hóa Dược	dsphuongdung@gmail.com
3	TS Trần Thị Thu Hiền	0915380664	TV-DL	hiendoc@dotochy.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Hiểu được các kiến thức cơ sở khí, vị của vị thuốc
MT HP2	Phân tích được thành phần hóa học và khí, vị của vị thuốc
MT HP3	Giải thích được liên quan cấu trúc của hợp chất hóa học có trong dược liệu là thành phần của bài thuốc y học cổ truyền trong điều trị một số bệnh lý

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1	1		
MT HP2		2	
MT HP3			3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP có đóng góp ít vào MT CTĐT

2 – MT HP có đóng góp vừa vào MT CTĐT

3 – MT HP có đóng góp nhiều vào MT CTĐT

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP đối với MT CTĐT ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Hiểu được các kiến thức cơ sở về khí, vị của thuốc
CLO2	Phân tích được mối quan hệ giữa khí và vị thuốc
CLO3	Phân tích được mối quan hệ giữa thăng giáng phù trầm với khí vị và ứng dụng trong điều trị, bào chế thuốc cổ truyền
CLO4	Thành phần hóa học và khí, vị của vị thuốc
CLO5	Phân tích được liên quan cấu trúc của hợp chất hóa học có trong dược liệu là thành phần của bài thuốc y học cổ truyền trong điều trị một số bệnh lý

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO có đóng góp ít vào PLO

2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO

3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(3)	(4)	(5)	(9)	(11)	(12)	(13)
CLO 1	1	1				1	1
CLO 2	1		1	1	1	1	
CLO 3	1	1	1		1	1	1
CLO 4	3	3	3	3	2	2	2
CLO 5	3	3	3	3	2	2	2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Giảng đường đáp ứng yêu cầu về diện tích theo số lượng sinh viên. Giảng đường đảm bảo ánh sáng, đầy đủ các thiết bị hỗ trợ việc thuyết trình và tương tác như: bàn ghế, bảng; bóng điện; quạt, điều hòa, màn chiếu, máy chiếu kết nối được với máy tính, mạng internet không dây, bút chỉ, loa, mic, bảng, phấn, phần mềm trực tuyến Zoom, Microsoft team, meet... (khi trong điều kiện bất khả kháng không giảng được trực tiếp)

6.1.2. Lâm sàng:

6.1.3. Thực hành:

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự từ 80% các buổi học trở lên. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

+ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

+ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

+ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

+ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, Slide bài giảng, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

+ Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%;

- Trong quá trình học tập, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Lý thuyết: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thành phần hóa học của dược liệu và vai trò của chế biến vị thuốc cổ truyền, liên quan thành phần hóa học và tác dụng của bài thuốc cổ truyền. Nội dung cơ bản của học phần gồm 3 phần lớn:

Phần thứ nhất: Khí, vị của thuốc cổ truyền ứng dụng trong bào chế và điều trị

Phần thứ hai: Phân tích dược thành phần hóa học và khí, vị của vị thuốc

Phần thứ ba: Liên quan thành phần hóa học và tác dụng của bài thuốc cổ truyền trong điều trị một số bệnh lý

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1 (4 tiết/ buổi)	CĐ1: Đại cương Liên quan giữa thành phần hóa học với tác dụng của thuốc cổ truyền	4/0/18	CLO1	CĐR 3,4,12,14	Giảng bằng slide có hình minh họa; - Ví dụ; - Thảo luận & trình bày theo nhóm, cá nhân	Nghiên cứu giáo trình trước khi lên lớp - Nghe giảng - Tìm hiểu về các vấn đề đặt ra - Thảo luận - Trả lời các câu hỏi GV nêu ra và	
2 (4 tiết/buổi)	CĐ 2: Tính, vị và quy kinh của thuốc cổ truyền	8/0/16	CLO 2,3	CĐR 3,4,5,9			
3 (4 tiết/ buổi)	CĐ3: Tác dụng của một số	9/0/18	CLO 2,3,4	CĐR 3,4,5,9			

	thuốc cổ truyền				- Giải đáp thắc mắc.	thảo luận về câu trả lời của các SV khác	
4 (4 tiết/buổi)	CĐ 4: Thành phần hóa học và tác dụng của một số bài thuốc điều trị bệnh tăng huyết áp	9/0/18	CCLO 3,4	CĐR 3,45,9			
	CĐ 5: Thành phần hóa học và tác dụng của một số bài thuốc điều trị bệnh hen						
	CĐ 6: Thành phần hóa học và						

tác dụng của một số bài thuộc điều trị bệnh tiểu đường							
CD 7: Thành phần hóa học và tác dụng của một số thuốc điều trị bệnh viêm loét dạ dày và hành tá tràng							
CD 8: Thành phần hóa học và tác dụng của một số thuốc điều trị							

	bệnh viêm khớp						
--	-------------------------------	--	--	--	--	--	--

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/KT...): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số. ...).

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra: 0

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Rubrics 1: Tham dự các buổi học lý thuyết

Mức độ đạt chuẩn quy định	Tiêu chí đánh giá	
	Dự học trên lớp (50%)	Đóng góp tại lớp (50%)

Mức A (8.5-10)	Dự học trên lớp rất đầy đủ: 90-100(%)	Tham gia tích cực các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học rất hiệu quả.
Mức B (7.0-8.4)	Dự học trên lớp đầy đủ: 75-<90(%)	Tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học là hiệu quả
Mức C (5.5-6.9)	Dự học trên lớp khá đầy đủ: 55-<75(%)	Tham gia khá đầy đủ các hoạt động trên lớp, một số đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả
Mức D (4.0-5.4)	Dự học trên lớp chưa đầy đủ: 40-<55(%)	Có tham gia các hoạt động trên lớp, một số ít đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả
Mức F (0.0-3.9)	Dự học trên lớp quá ít: <40(%)	Không tham gia các hoạt động trên lớp, không có đóng góp tại lớp

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

Môn học không có học phần thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

Rubrics 2: Đánh giá tiểu luận

Mức độ đạt chuẩn quy định	Tiêu chí đánh giá (trọng số)		
	Nộp bài tập (20%)	Trình bày bài tập (30%)	Nội dung bài tập (50%)
Mức A (8.5-10)	Nộp bài đầy đủ (100%); đúng thời gian quy định	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách, logic chặt chẽ; hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, khoa học; ghi	Nội dung bài tập chính xác, đầy đủ, đúng theo yêu cầu; tính toán logic, chi

		chú, giải thích cụ thể, hợp lý	tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý
Mức B (7.0-8.4)	Nộp bài đầy đủ (100%); hầu hết đúng thời gian quy định	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách; hình vẽ, bảng biểu sử dụng rõ ràng, phù hợp; ghi chú, giải thích đầy đủ	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu; tính toán đúng, rõ ràng
Mức C (5.5-6.9)	Nộp bài đầy đủ (100%); một số nhất định chưa đúng thời gian quy định	Trình bày đúng quy cách; hình vẽ, bảng biểu sử dụng rõ ràng, phù hợp; còn một số lỗi nhỏ về trình bày (chính tả, ghi chú, kích cỡ)	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ, nhưng chưa thật hợp lý; còn một số sai sót trong tính toán
Mức D (4.0-5.4)	Nộp bài tập khá đủ (70%); nhiều bài tập chưa đúng thời gian quy định	Trình bày lộn xộn, không đúng quy cách; hình vẽ, bảng biểu sử dụng không phù hợp	Nội dung bài tập còn thiếu khá nhiều; một số không đúng theo yêu cầu và thiếu chính xác
Mức F (0.0-3.9)	Không nộp bài tập	Không có bài tập	Không có bài tập

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá	Trọng số điểm	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO	Mô tả cách thực hiện
---------------------	---------------	-------------------	--------------	------------------	--------	---------------	----------------------

giá chính	(%)					nào ở bảng 5.1	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết		Điểm chuyên cần		10		CLO 1,2,3,4,5	Điểm chuyên cần được đánh giá theo rubric chuyên cần cho từng buổi học
		Điểm thảo luận nhóm, bài tập lớn	1	30%			Thực hiện theo Rubric đánh giá tiểu luận
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	1	60%			

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Xuân Sinh (2010), Một số chuyên đề thuốc cổ truyền, Sách đào tạo sau đại học Y-Dược; NXB Y học.
2. Nguyễn Văn Quân (2014), Khí vị của thuốc ứng dụng trong bào chế thuốc, Tài liệu lưu hành nội bộ.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Phan Quốc Kinh (2011), Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

2. Phùng Hòa Bình và CS (2022); Cầu trúc phương thuốc cổ truyền- Phân tích và biện giải theo cơ chế Y-Dược học hiện đại, NXB Y học.

2. Văn Ngọc Hương (2007), Hương liệu và ứng dụng, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

Nguyễn Văn Thanh
Nguyễn Văn Thanh

Nguyễn Phương Dung
Nguyễn Phương Dung

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật TS. Trần Văn Thanh
---	--

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
MÔN PHƯƠNG PHÁP SẮC KÝ TRONG PHÂN TÍCH CÁC HỢP CHẤT
TỪ DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: **Phương pháp sắc ký trong phân tích các hợp chất từ dược liệu, thuốc cổ truyền**

* Tiếng Việt: Phương pháp sắc ký trong phân tích các hợp chất từ dược liệu, thuốc YHCT

* Tiếng Anh: Chromatographic methods for medicinal plant materials and traditional medicine

- Mã học phần/ mô đun: 24323

- Số tín chỉ: 1,0 LT/1,0 TH

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng: 30 tiết

+ Kiểm tra: 10 tiết

+ Thời gian tự học: 45 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ nhất – Thạc sĩ ngành Dược liệu - Dược cổ truyền

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Học phần học trước: Không

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Cao Sơn	0988683282	
2	ThS. Nguyễn Thị Vân Anh	0964541313	vananhchem.vuttm@gmail.com
3	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới (khi có nhu cầu)		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng kiến thức về phương pháp sắc ký trong phân tích các hợp chất từ dược liệu, thuốc YHCT
MT HP2	Thực hiện được một số quy trình định tính, định lượng bằng phương pháp sắc ký
MT HP3	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, thực hành có tính chuyên nghiệp và có tinh thần tự học suốt đời

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1	3		
MT HP2		2	
MT HP3			3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Giải thích được nguyên tắc của các phương pháp sắc ký
CLO2	Hiểu được các thông số đặc trưng trong các phương pháp sắc ký
CLO3	Vận dụng các phương pháp sắc ký trong phân tích các hợp chất từ dược liệu, thuốc YHCT
CLO4	Sử dụng thành thạo các máy móc, dụng cụ, thiết bị cơ bản liên quan đến phân tích các hợp chất từ dược liệu, thuốc cổ truyền bằng phương pháp sắc ký
CLO5	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, thực hành có tính chuyên nghiệp và có tinh thần tự học suốt đời

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5
CLO 1			2	2	1
CLO 2			2	2	1
CLO 3			2	3	3
CLO 4			2	3	3
CLO 5			2	2	2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

6.1.2. Lâm sàng: không có

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)
2	Máy sắc ký bản mỏng hiệu năng cao (HPTLC)
3	Máy sắc ký khí (GC)
4	Cân phân tích
5	Cân kỹ thuật
6	Máy đo pH
7	Bê siêu âm
8	Bộ lọc hút chân không
9	Máy cất nước 1 lần
10	Máy cất nước 2 lần
11	Máy vortex
12	Bộ triển khai sắc ký lớp mỏng

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần sẽ giới thiệu nguyên tắc chung và các thông số đặc trưng của các phương pháp sắc ký. Đồng thời học phần cũng sẽ trình bày phạm vi ứng dụng của các phương pháp sắc ký trong phân tích các dược liệu và thuốc YHCT. Giúp học viên biết cách vận hành các thiết bị sắc ký lỏng, sắc ký khí trong phân tích và đưa ra được một số phương án khắc phục sự cố có thể xảy ra.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy phân/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1/1	Chương 1: Đại cương về sắc ký 1. Giới thiệu chung 2. Các thông số đặc trung 3. Tối ưu hóa hệ sắc ký 4. Ứng dụng	2/0,5/4	1. Phân loại được các kỹ thuật sắc ký 2. Giải thích được các thông số đặc trưng cho sắc ký 3. Giải thích được nguyên tắc, ứng dụng của sắc ký trong phân tích	CLO1 CLO2 CLO3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn phân tự đọc	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời; 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời 4. Tự đọc phần [*]	Bài kiểm tra thường xuyên - Thực hiện sau mỗi chương - Hình thức: tự luận hoặc trắc nghiệm/thảo luận/ bài tập
1/1	Chương 2: Sắc ký khí 1. Nguyên tắc 2. Các đại lượng đặc trưng của sắc ký khí 3. Sơ đồ trang bị hệ thống sắc ký khí 4. Ứng dụng	2/0/4	1. Giải thích được nguyên tắc của sắc ký khí 2. Trình bày được các loại cột, các loại detector và vai trò của chương trình nhiệt độ	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn phân tự đọc	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời; 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời 4. Tự đọc phần [*]	Không
1/2	Ứng dụng	2/0,5/4	3. Trình bày được ứng dụng của sắc ký khí	CLO3	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi	Bài kiểm tra thường xuyên

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
			trong phân tích Dược liệu và thuốc YHCT		2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn phân tự đọc	2. Suy nghĩ - Trả lời; 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời 4. Tự đọc phần [*]	- Thực hiện sau mỗi chương - Hình thức: tự luận hoặc trắc nghiệm/thảo luận/ bài tập
1/2	Chương 3: Sắc ký lỏng 1. Sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	2/0/4	1. Giải thích được nguyên tắc hoạt động của sắc ký lỏng hiệu năng cao 2. Trình bày được về pha tĩnh, pha động, các loại detector và chương trình dung môi trong sắc ký lỏng hiệu năng cao 3. Trình bày được ứng dụng của sắc ký lỏng hiệu năng cao trong phân tích Dược liệu và thuốc YHCT	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn phân tự đọc	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời; 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời 4. Tự đọc phần [*]	
2/3	1. Sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	2/0/4		CLO3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn phân tự đọc	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời; 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời 4. Tự đọc phần [*]	

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
2/3	2. Sắc ký lỏng siêu tới hạn 3. Sắc ký lớp mỏng 4. Sắc ký giấy 5. Sắc ký trao đổi ion	2/0/4	4. Trình bày được nguyên tác của sắc ký siêu tới hạn, sắc ký lớp mỏng, sắc ký giấy, sắc ký trao đổi ion	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn phân tự đọc	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời; 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời 4. Tự đọc phần [*]	
2/4	6. Ứng dụng	3/0,5/6	5. Trình bày được ứng dụng của sắc ký lớp mỏng, sắc ký giấy trong phân tích Dược liệu và thuốc YHCT	CLO3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn phân tự đọc	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời; 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời 4. Tự đọc phần [*]	Bài kiểm tra thường xuyên - Thực hiện sau mỗi chương - Hình thức: tự luận hoặc trắc nghiệm/thảo luận/ bài tập
	Tiểu luận	6,0 tiết					

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:
 Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1/1	Bài 1: Định tính curcumin trong nghệ bằng sắc ký lớp mỏng (TLC)	6/0/0,5/3	1. Sử dụng được các dụng cụ thí nghiệm 2. Định tính được curcumin trong nghệ bằng phương pháp TLC với bản mỏng trắng sẵn	CLO4 CLO5	4, 5, 6, 9, 10, 12	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành 5. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả thực hành	Đánh giá cho điểm bài 1
1/2	Bài 2: Định tính bạch quả trong cao dược liệu bằng sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao (HPTLC)	6/0/0,5/3	1. Vận hành được thiết bị HPTLC và đề xuất được các phương án giải quyết một số sự cố bất thường có thể xảy ra 2. Định tính được bạch quả	CLO4 CLO5	4, 5, 6, 9, 10, 12	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành 5. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả thực hành	Đánh giá cho điểm bài 2

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
2/3	Bài 3: Định lượng methol trong tinh dầu bằng sắc ký khí (GC-FID)	6/0/0,5/3	trong cao được liệu bằng phương pháp sắc ký lớp màng (HPTLC) theo Dược điển Việt Nam V	CLO4 CLO5	2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành 5. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả thực hành	Đánh giá cho điểm bài 3

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
2/4	Bài 4: Định lượng hoạt chất trong Đông trùng hạ thảo bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	6/0/0,5/3	1. Vận hành được thiết bị HPLC và đề xuất được các phương án giải quyết một số sự cố bất thường có thể xảy ra 2. Định lượng hoạt chất trong Đông trùng hạ thảo bằng phương pháp HPLC	CLO4 CLO5	3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành 5. Ván đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả thực hành	Đánh giá cho điểm bài 4
3/1	Bài 5: Định lượng sylimarin trong sản phẩm chứa dược liệu cúc gai bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	6/0/0,5/3	1. Vận hành được thiết bị HPLC và đề xuất được các phương án giải quyết một số sự cố bất thường có thể xảy ra	CLO4 CLO5	1, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành 5. Ván đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát 4. Tiến hành thực hành	Đánh giá cho điểm bài 5

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
			2. Định lượng syllimarín trong sản phẩm chứa dược liệu cúc gai bằg phương pháp HPLC				5. Báo cáo kết quả thực hành	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%
	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận
20%	Hình thức trình bày;		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;

Rubric 2: Đánh giá bài tập thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng			Điểm	
			8,5 – 10,0 điểm	6,5 – 8,4 điểm	4,0 – 6,4 điểm		0 – 3,9 điểm
Thái độ tham dự	20	CLO 2 CLO 3	Tích cực nghe, ghi chép, quan sát, thực hiện việc thực hành đúng theo yêu cầu	Tích cực nghe, ghi chép, quan sát; thực hiện việc thực hành đúng theo yêu cầu còn sai sót nhỏ	Chưa chú ý nghe, ghi chép, quan sát; thực hiện việc thực hành đúng theo yêu cầu còn sai sót 1 vài bước quan trọng	Không chú ý nghe, ghi chép, quan sát; thực hiện việc thực hành còn cầu thả	100%
Kết quả thực hành	40		Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đủ/Không đáp ứng yêu cầu	
	30		Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh không rõ ràng	
Báo cáo thực hành	10		Đúng format và đúng hạn	Điểm tùy theo mức độ đáp ứng			

Rubric 3: Đánh giá Tiêu luận

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ chất lượng			Điểm
				Giỏi 8.5 -10	Khá 7.0-8.4	Trung bình 5.0-6.9	
Nội dung	Đặt vấn đề	10%	CLO1 CLO2	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được các mục tiêu phù hợp với tên tiêu luận và dài không quá 1,5 trang.	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt tương đối tốt để đưa ra được mục tiêu phù hợp tên tiêu luận và dài không quá 2 trang.	Viết chưa thật súc tích; dẫn dắt để đưa ra được mục tiêu tương đối phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.	Viết dài dòng, không rõ ràng; đưa ra mục tiêu không phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.
	Tổng quan tài liệu	20%		Đáp ứng yêu cầu đầy đủ cả 3 nội dung về cơ sở lý luận, thực tiễn trong nước và nước ngoài	- Thiếu 1 nội dung; hoặc - Cả 3 nội dung trình bày cơ bản đáp ứng yêu cầu	Trình bày cả 3 nội dung đáp ứng yêu cầu	- Thiếu hai nội dung; hoặc - 2/3 nội dung trình bày không đáp ứng yêu cầu
	Phương pháp và phương tiện nghiên cứu (chiếm 20% độ dài tiêu luận)	20%		Đáp ứng đầy đủ và chính xác cả 2 nội dung: phù hợp với mục tiêu và tương đối chính xác	- Đáp ứng đầy đủ một nội dung và một nội dung đạt trên 50% yêu cầu; hoặc	Đáp ứng mỗi nội dung trên 50% yêu cầu	- Thiếu 1 nội dung; hoặc - Cả hai nội dung không

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ chất lượng			Điểm
				Giỏi 8.5 -10	Khá 7.0-8.4	Trung bình 5.0-6.9	
hành và kết quả	- Phù hợp với mục tiêu - Tương đối chính xác			- 2 nội dung đáp ứng trên 2/3 yêu cầu		đáp ứng yêu cầu	
	Kết quả - Đáp ứng được mục tiêu - Trung thực, đáng tin cậy - Minh chứng rõ ràng, chính xác - Nhận xét, bàn luận ngắn gọn, logic, xác đáng	20%		Đáp ứng 4 nội dung đầy đủ; hoặc - cả 4 nội dung đều đạt trong đó 3 nội dung đạt trên 75%	Đáp ứng ít nhất 2 nội dung và các nội dung còn lại đạt yêu cầu	- Từ 3/4 nội dung không đạt yêu cầu; hoặc - Thiếu 2 nội dung	
Kết luận và đề xuất	- Thâu tóm được nội dung - Đề xuất đúng vấn đề	10%		- Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và tiêu chí còn lại đạt trên 50% hoặc - cả 2 tiêu chí đáp ứng trên 70%	Cả 2 nội dung đáp ứng yêu cầu trên 50%	- Thiếu 1 nội dung; Hoặc - Cả 2 nội dung không đạt yêu cầu	
	Tài liệu tham khảo	10%		Viết tài liệu tham khảo đúng quy định; Trích dẫn đủ	Trích dẫn đúng quy định trong đó có cả tài liệu tham khảo trong	Trích dẫn có trên 3 lỗi không đúng quy định, trong	- Mắc nhiều lỗi trích dẫn sai quy định, viết

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ chất lượng				Điểm
				Giới 8.5 -10	Khá 7.0-8.4	Trung bình 5.0-6.9	Yếu 0-4.9	
	<ul style="list-style-type: none"> - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định - Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài 			<p>số tài liệu > 20, trích dẫn đúng quy định về cách viết và vào phần nội dung tiêu chí, có cả tài liệu trong nước và nước ngoài</p>	<p>và ngoài nước với số lượng 10-20</p>	<p>đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 5-9 hoặc chỉ có tài liệu trong nước hoặc nước ngoài</p>	<p>tài liệu tham khảo sai quy định hoặc số tài liệu tham khảo quá ít (<5)</p>	
Trình bày	<ul style="list-style-type: none"> - Fomat đúng quy định - Bảng biểu rõ ràng, chính xác - Lỗi chính tả: 	10%	CLO3	<p>Đúng và chính xác cả 3 nội dung yêu cầu</p>	<p>Fomat đúng quy định, 2/3 số Bảng biểu rõ ràng, chính xác, lỗi chính tả 5-10</p>	<p>Fomat một vài chỗ chưa đúng quy định, Bảng biểu rời mắt khó hiểu, lỗi chính tả 11-20</p>	<p>- Fomat > 5 chỗ chưa đúng quy định, - Nhiều Bảng biểu rời mắt khó hiểu hoặc vẽ sai - Lỗi chính tả > 20</p>	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Kiểm tra thường xuyên	Bài kiểm tra thường xuyên	100%	Rubric 1	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Theo KH của bộ môn
Điểm lý thuyết	60%	Điểm báo cáo tiểu luận	Tiểu luận	100%	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Theo lịch thi của Học viện
Điểm thực hành	30%	Đánh giá các bài thực hành tại cơ sở thực hành/phòng thí nghiệm	Điểm trung bình cộng từng bài thực hành	100%	Rubric 2	CLO 4 CLO 5	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5)

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Nguyễn Thị Kiều Anh (2022), *Một số phương pháp sắc ký dùng trong phân tích thuốc*, Nhà xuất bản Y học.

[2] Bộ Y tế (2019), *Dược điển Việt Nam V*, Nhà xuất bản Y Học

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Phạm Luận (2014), *Phương pháp phân tích sắc ký và chiết tách*, NXB Bách Khoa.

[2] Nguyễn Đức Thanh, Nguyễn Thị Thanh Hương (2021), *Phân tích công cụ*, NXB Quân đội nhân dân

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ môn đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 10 tháng Năm 2024

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Quốc
Nguyễn Văn Quốc

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Văn Anh
Nguyễn Thị Văn Anh

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG LĨNH VỰC DƯỢC

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ Ngành: Dược liệu-Dược cổ truyền
Mã số đào tạo: 8720206

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:
- * Tiếng Việt: Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dược
- * Tiếng Anh: Scientific research methods in the field of pharmacy
- Mã học phần: 24324
- Số tín chỉ: 3 (2,0 LT/1,0 TH)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành: 15 tiết
 - + Bài tập:..... tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm:
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: tiết
- Đối tượng học (năm thứ): năm 1
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>		
	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>	Thực tập và khóa

Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
--------------------------------------	-------------------------------------	--------------------------------------	-------------------------------------	--	-------------------------------------	---

- Điều kiện tham gia học phần:

- + Học phần tiên quyết:
- + Học phần học trước: Triết học
- + Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	Ducloi82@gmail.com
2	TS. Phùng Thanh Long	0988003031	ptlong@gmail.com
3	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lethuhadhn2906@gmail.com
4	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com
5	Các Giảng viên mời giảng theo nhu cầu của Bộ môn		

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Kiến thức:

- + Học phần trang bị kiến thức cho người học về nội dung của một tiến trình viết đề cương nghiên cứu khoa học và vận dụng để viết được nội dung cơ bản của đề cương một vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực dược.
- + Học phần cung cấp kiến thức và một số kinh nghiệm khi viết mục tiêu nghiên cứu, chọn đối tượng và phương pháp tiến hành nghiên cứu phù hợp với mục tiêu cụ thể trong lĩnh vực nghiên cứu về Dược liệu, Dược cổ truyền.

Kỹ năng:

- + Vận dụng các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và trong lĩnh vực Dược liệu, Dược cổ truyền để xác định được phương pháp nghiên cứu và xây dựng được đề cương nghiên cứu với 1 chủ đề cụ thể.

Thái độ:

+ Nhận thức được tầm quan trọng của việc nghiên cứu khoa học lĩnh vực Dược nói chung và Dược liệu, Dược học cổ truyền nói riêng; tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Hiểu được nội dung cơ bản của một đề cương đề tài nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học lĩnh vực Dược
CLO2	Vận dụng được các kiến thức về nội dung nghiên cứu khoa học vào một vấn đề nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực dược nói chung và trong lĩnh vực dược liệu – dược cổ truyền nói riêng
CLO3	Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong việc thu thập và xử lý thông tin, thiết kế báo cáo theo kết cấu logic, sáng tạo và khoa học.
CLO4	Có tinh thần trách nhiệm tập thể, ý thức cá nhân nỗ lực giải quyết các yêu cầu tình huống cụ thể mang tính kỹ thuật cao và chuyên nghiệp.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thực (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR Học phần (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5
CLO 1			3	2	
CLO 2			3		
CLO 3			2	3	
CLO 4				2	3

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo

Máy chiếu, loa, mic...

6.1.2. Lâm sàng:

6.1.3. Thực hành: các đề tài, bài báo khoa học trong nước, quốc tế, ...

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập/thực hành/ thảo luận:

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi lên lớp

- Tự học: Chủ động giờ tự học ở nhà

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Đạt kết quả theo yêu cầu 100% bài thảo luận (thực hành) và tối thiểu 80% có mặt tham gia trên lớp học.

- Phải tham dự thi kết thúc học phần

7. Mô tả chung học phần

Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Dược là sự phát triển tư duy khoa học về nhận thức thế giới quan, nhân sinh quan để tìm hiểu, phân tích, giải thích về thế giới, sự việc, sự vận động một cách logic trong lĩnh vực Dược. Việc tìm hiểu, nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học giúp học viên mở rộng tư duy, dám nghĩ, dám làm khám phá cái mới, vấn đề mới, đặc biệt trong nghiên cứu phát triển Dược liệu, vị thuốc, bài thuốc, ứng

dụng vào trong công tác chăm sóc sức khỏe. Đây là một yêu cầu lớn đối với công tác đào tạo sinh viên, nhất là trong thời đại 4.0.

Học phần cung cấp về tìm vấn đề nghiên cứu, mục tiêu và mục đích nghiên cứu, các tài liệu phục vụ nghiên cứu, đối tượng và phương pháp nghiên cứu, phương pháp lấy mẫu, thu thập và xử lý số liệu, báo cáo kết quả áp dụng trong lĩnh vực dược học, đặc biệt là Dược liệu, Dược học cổ truyền.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1: KHOA HỌC VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC MỞ ĐẦU 1. Khoa học 1.1. Khái niệm 1.2. Nghiên cứu khoa học 1.3. Đề tài nghiên cứu khoa học 1.3.1. Khái niệm đề tài 1.3.2. Đối tượng	2	Hiểu được khái niệm về khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học	CLO1 CLO3 CLO4	Phương pháp thuyết trình; Phương pháp thảo luận nhóm; Phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp	

<p> nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu 1.3.3. Mục đích và mục tiêu nghiên cứu 2. PHƯƠNG PHÁP KHOA HỌC 2.1. Thế nào là “khái niệm” 2.2. Phán đoán 2.3. Suy luận 2.3.1. Cách suy luận suy diễn 2.3.2. Suy luận qui nạp 2.4. Cấu trúc của phương pháp luận nghiên cứu khoa học 2.4.1. Luận đề 2.4.2. Luận cứ 2.5. Phương pháp khoa học KẾT LUẬN </p>						
<p> Chương 2: SUY LUẬN TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC MỞ ĐẦU 1. Hình thành khái niệm 2. Phán đoán Khái niệm, phân loại 3. Suy luận </p>	<p>2</p>	<p>Hiểu biết cách suy luận trong nghiên cứu khoa học</p>	<p>CLO1 CLO3 CLO4</p>			

	<p>3.1. Khái niệm, Cấu trúc</p> <p>3.2. Phân loại</p> <p>3.3. Yêu cầu của suy luận</p> <p>Luận cứ</p> <p>Luận chứng</p> <p>Logic của phương pháp suy luận</p> <p>KẾT LUẬN</p>					
3	<p>Chương 3: “VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU MỞ BÀI</p> <p>1. “VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</p> <p>1.1.Đặt câu hỏi</p> <p>1.2. Phân loại “vấn đề” nghiên cứu khoa học</p> <p>1.3. Cách phát hiện “vấn đề” NCKH</p> <p>2. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU</p> <p>2.1. Khái niệm mục đích, mục tiêu</p> <p>2.1.1. Mục đích</p> <p>2.1.2. Mục tiêu</p> <p>2.2. Cách xác định mục tiêu</p> <p>2.2.1. Phân tích cây vấn đề</p> <p>2.2.2. Cây mục tiêu</p> <p>2.2.3. Nội dung giải quyết mục tiêu 1</p>	2	Xác định được “vấn đề” cần nghiên cứu và các mục tiêu để thực hiện “vấn đề” nghiên cứu	CLO1 CLO3 CLO4	<p>Phương pháp thuyết trình;</p> <p>Phương pháp thảo luận nhóm;</p> <p>Phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....</p>	<p>Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>

	<p>2.2.4. Nội dung giải quyết mục tiêu >1</p> <p>2.3. Kỹ thuật viết mục tiêu</p> <p>2.3.1. Yêu cầu đối với mục tiêu SMART</p> <p>2.3.2. Cách viết mục tiêu</p> <p>2.3.3. Các lưu ý khi xây dựng mục tiêu</p> <p>2.4. Một số lưu ý khi đặt tên đề tài</p> <p>42..1. yêu cầu</p> <p>2. 4.2. Một số điểm cần tránh khi đặt tên đề tài</p> <p>KẾT LUẬN</p>					
4	<p>Chương 4: CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC MỞ BÀI</p> <p>1. Khái niệm về PPNCKH</p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Đặc điểm</p> <p>2. Hệ thống các PPNCKH</p> <p>2.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết</p> <p>2.1.1. PP phân tích và tổng hợp lý thuyết</p> <p>2.1.2. PP phân loại và hệ thống hóa lý thuyết</p> <p>2.1.3. PP Mô Hình hóa</p> <p>2.1.4. Phương pháp giải thiết</p> <p>2.1.5. PP Lịch sử</p> <p>2.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn</p>	2	Hiểu được các phương pháp nghiên cứu khoa học	CLO1 CLO3 CLO4		

	<p>2.2.1. Phương pháp quan sát</p> <p>2.2.2. Phương pháp điều tra</p> <p>2.2.3. Phương pháp thực nghiệm</p> <p>2.2.3. Phương pháp thực nghiệm khoa học</p> <p>KẾT LUẬN</p>						
5	<p>Chương 5: THU THẬP TÀI LIỆU VÀ ĐẶT GIẢ THUYẾT MỞ BÀI</p> <p>1. Tài liệu</p> <p>1.1. Mục đích thu thập tài liệu</p> <p>1.2. Phân loại tài liệu nghiên cứu</p> <p>1.3. Nguồn thu thập tài liệu</p> <p>2. Giả thuyết</p> <p>2.1. Định nghĩa giả thuyết</p> <p>2.2. Các đặc tính của giả thuyết</p> <p>2.3. Mối quan hệ giữa giả thuyết và “vấn đề” khoa học</p> <p>2.4. Cấu trúc của một “giả thuyết”</p> <p>2.5. Cách đặt giả thuyết</p> <p>2.6. Kiểm chứng giả thuyết qua so sánh giữa</p>	2	<p>Hiểu được tài liệu phục vụ cho nghiên cứu, các bước, các phương pháp thu thập tài liệu và cách đặt giả thiết để xây dựng các phương án giải thiết trong các thực nghiệm khoa học</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p>	<p>Phương pháp thuyết trình;</p> <p>Phương pháp thảo luận nhóm;</p> <p>Phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....</p>	<p>Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>	<p>Kiểm tra định kỳ + Hình thức: Tự luận, tham gia thảo luận, kiểm tra 45 phút, nộp bài tập lớn + Thời điểm: (sau khi kết thúc mỗi bài học) + Hệ số 1</p>

	tiên đoán với kết quả thí nghiệm KẾT LUẬN					
6	<p>Chương 6: PHƯƠNG PHÁP THU THẬP SỐ LIỆU MỞ BÀI</p> <p>1.1. Phương pháp thu thập số liệu từ tham khảo tài liệu</p> <p>1.2. Phương pháp thu thập số liệu từ những thực nghiệm</p> <p>1.2.1. Khái niệm</p> <p>1.2.2. Định nghĩa các loại biến trong thí nghiệm</p> <p>1.2.3. Xác định các biến trong thí nghiệm dựa trên mối quan hệ “nhân – quả” của giả thiết</p> <p>1.2.4. Bố trí thí nghiệm để thu thập số liệu nghiên cứu</p> <p>1.3. Phương pháp phi thực nghiệm</p> <p>1.3.1. Khái niệm</p> <p>1.3.2. Phương pháp thu thập số liệu</p> <p>- Qua phỏng vấn, quan</p>	2	Hiểu biết công cụ, phương pháp và các bước thu thập số liệu	CLO1 CLO3 CLO4	Phương pháp thuyết trình; Phương pháp thảo luận nhóm; Phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

	<p>sát, phiếu điều tra</p> <ul style="list-style-type: none"> - Qua thực nghiệm - Qua dữ liệu có sẵn chưa công bố, tài liệu sơ cấp - Qua các tài liệu thứ cấp <p>1.3.3. Một số biện pháp để kích thích người trả lời phỏng vấn</p> <p>KẾT LUẬN</p>					
7	<p>Chương 7: CÁCH TRÌNH BÀY KẾT QUẢ SỐ LIỆU NGHIÊN CỨU</p> <p>2.1. Trình bày dạng văn viết</p> <p>2.2. Trình bày bảng</p> <p>2.2.1. Cấu trúc bảng số liệu</p> <p>2.2.2. Những tình huống được trình bày dạng bảng</p> <p>2.2.3. Các dạng bảng số liệu</p> <p>2.3. Trình bày hình</p> <p>2.3.1. Biểu đồ cột và thanh</p> <p>2.3.2. Biểu đồ tần suất</p> <p>2.3.3. Biểu đồ phân</p>	2	<p>Hiểu được các cách trình bày kết quả nghiên cứu thông qua cách mô tả và số liệu thu thập</p>	<p>CLO1 CLO3 CLO4</p>	<p>Phương pháp thuyết trình; Phương pháp thảo luận nhóm; Phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....</p>	<p>Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>

	<p>tán</p> <p>2.3.4. Biểu đồ đường biểu diễn</p> <p>2.3.5. Biểu đồ hình bán</p> <p>2.3.6. Biểu đồ diện tích</p> <p>2.3.7. Biểu đồ tam giác</p> <p>2.3.8. Sơ đồ chuỗi</p> <p>2.3.9. Sơ đồ cơ cấu tổ chức</p> <p>KẾT LUẬN</p>					
8	<p>Chương 8. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG LĨNH VỰC DƯỢC</p> <p>MỞ BÀI</p> <p>1. Qui trình của một nghiên cứu khoa học</p> <p>1.1. Ý tưởng</p> <p>1.2. Tổng quan tài liệu</p> <p>1.3. Giả thiết nghiên cứu</p> <p>1.4. Thiết kế nghiên cứu</p> <p>1.5. Thu thập và phân tích số liệu</p> <p>1.6. Diễn đạt kết quả</p> <p>1.7. So sánh với các nghiên cứu trước đây</p>	3	<p>Vận dụng các kiến thức về xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học để xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dược</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p>	<p>Phương pháp thuyết trình;</p> <p>Phương pháp thảo luận nhóm;</p> <p>Phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....</p>	<p>Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>

<p>(bàn luận)</p> <p>1.8. Kết luận của công trình nghiên cứu</p> <p>2. Các thiết kế nghiên cứu</p> <p>2.1. Nghiên cứu không can thiệp</p> <p>2.1.1. Nghiên cứu thăm dò</p> <p>2.1.2. Nghiên cứu mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồi cứu lịch sử - Thực tại - Trường hợp - Nhóm đối tượng điển hình, đặc thù <p>2.1.3. Nghiên cứu so sánh hay nghiên cứu phân tích</p> <p>2.2. Nghiên cứu can thiệp</p> <p>2.2.1. Can thiệp cộng đồng</p> <p>2.2.2. Can thiệp nhóm đối tượng</p> <p>2.2.3. Can thiệp lâm sàng</p> <p>2.2.4. Thực nghiệm</p> <p>KẾT LUẬN</p>						
<p>Chương 9. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực</p>	<p>8</p>	<p>Vận dụng các kiến thức về nghiên cứu khoa học</p>	<p>CLO2 CLO3 CLO4</p>	<p>Phương pháp thuyết trình; Phương</p>	<p>Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt</p>	

<p>Dược liệu</p> <p>9.1. Phương pháp nghiên cứu về thực vật (sàng lọc, đánh giá tác dụng sinh học, thành phần hóa học... của các loài động thực vật)</p> <p>9.2. Phương pháp nghiên cứu về Dược liệu (sàng lọc, đánh giá tác dụng sinh học, thành phần hóa học, bào chế... của dược liệu, cao dược liệu)</p>		<p>để xác định và xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dược liệu</p>		<p>pháp thảo luận nhóm; Phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....</p>	<p>câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>	
<p>Chương 10. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Dược học cổ truyền</p> <p>10.1. Phương pháp nghiên cứu chế biến vị thuốc</p> <p>10.2. Phương pháp nghiên cứu thành phần hóa học, tác dụng sinh học của vị thuốc</p> <p>10.3. Phương pháp nghiên cứu ứng dụng vị thuốc trong các sản phẩm bào chế từ vị thuốc</p>	7	<p>Vận dụng các kiến thức về nghiên cứu khoa học để xác định và xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dược học cổ truyền</p>	<p>CLO2 CLO3 CLO4</p>	<p>Phương pháp thuyết trình; Phương pháp thảo luận nhóm; Phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....</p>	<p>Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tuần 1	Bài 1. Phương pháp nghiên cứu về thực vật	3	CLO2 CLO3 CLO4	5	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	Bài kiểm tra giữa kỳ
Tuần 2	Bài 2. Phương pháp nghiên cứu về Dược liệu	3	CLO2 CLO3 CLO4	5	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 3	Bài 3. Phương pháp nghiên cứu chế biến vị thuốc	3	CLO2 CLO3 CLO4	5	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 4	Bài 4. Phương pháp nghiên cứu thành phần hóa học, tác dụng sinh học của vị thuốc	3	CLO2 CLO3 CLO4	5	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	

Tuần 5	Bài 5. Phương pháp nghiên cứu ứng dụng vị thuốc trong các sản phẩm bào chế từ vị thuốc	3	CLO2 CLO3 CLO4	5	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	
--------	---	---	----------------------	---	---------------------------------------	--	--

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/LS/KT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, lâm sàng, bài tập, thảo luận, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự >90% buổi học	Tham dự 80-90% buổi học	Tham dự 70-80% buổi học	Tham dự <70% buổi học	

Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	
---------------------------------------	----	---	----------------------------	----------------------------------	---	--

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Chuyên cần	CLO 4	10%	Đến đúng giờ quy định ----- Đến muộn trên 15 phút				
Chuẩn bị lý thuyết	CLO 3	20%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 50% số câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% số câu hỏi	
Thao tác thí nghiệm và xử lý số liệu	CLO 4	50%	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu tốt	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu khá	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm nhưng xử lý số liệu chưa đúng	Thực hiện không đúng quy trình thí nghiệm, xử lý số liệu sai	
Kết quả TN và trả lời câu hỏi	CLO 4, 5	20%	Kết quả TN đúng và trả lời đúng các câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 70% số câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 50% số câu hỏi	Kết quả TN sai hoặc trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG							

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Hình thức	CLO 3,5	10%	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định ----- Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định				
Bố cục	CLO 4,5	10%	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic ----- Không theo quy định, không lô-gic				
Tài liệu tham khảo	CLO 3	10%	Phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức ----- Rất ít TLTK, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức				
Nội dung chính 1:	CLO 1, 2	30%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Nội dung chính 2:	CLO 2,3	20%					
Nội dung chính 3:	CLO 2,3	20%					

ĐIỂM TỔNG

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CĐR của học phần (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	70%	Điểm chuyên cần				CLO 3, 4	
		Điểm thảo luận nhóm, bài tập lớn,				CLO 3, 4	
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...				CLO 3, 4	
Thực hành	30%	Điểm chuyên cần				CLO 4, 5	
		Điểm bài thực hành				CLO 4, 5	
						CLO 4, 5	

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình học tập:

[1]. Trương Việt Dũng (2016), Giáo trình: Phương pháp nghiên cứu khoa học, Nhà xuất bản ĐHQGHN.

[2]. Vũ Cao Đàm (2017), Giáo trình *phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

10.2. Tài liệu tham khảo:

1. Vũ Cao Đàm (2003). *Phương Pháp Luận Nghiên Cứu Khoa Học* (Xuất bản lần thứ IX). Nhà xuất bản KH & KT. Hà Nội.

2. Trung Nguyên (2005), *Phương Pháp Luận Nghiên Cứu (Cẩm nang hướng dẫn từng bước dành cho người bắt đầu)*. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội. Hà Nội.

3. Dương Thiệu Tống (2002), *Phương Pháp Nghiên Cứu Khoa Học Giáo Dục và Tâm Lý*. Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh.

4. Nguyễn Văn Tuấn (2007). *Thiết kế thí nghiệm. Phân tích số liệu và tạo biểu đồ bằng R*. Nhà xuất bản KHKT TPHCM 2007, trang:290-304.

5. Nguyễn Bảo Vệ (2003), *Cẩm nang trình bày luận án tốt nghiệp*. Khoa Nông Nghiệp, Trường Đại Học Cần Thơ. Cần Thơ

6. Nguyễn Bảo Vệ, Nguyễn Huy Tài, "*Phương pháp nghiên cứu khoa học*", website: <http://ebook.edu.net.vn/>

7. Gomez K.A. and Gomez A.A (1983), *Statistical Procedures for Agricultural Research*. Los Banos, the Philippines.

8. Paul C.C. (2004), *Methods in Behavioral Research (eighth edition)*. Mc Graw-Hill College. Mayfield Publishing Company.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Văn Quân

PGS.TS. Vũ Đức Lợi

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC

* Tiếng Anh: Medicinal Plant Resources

- Mã học phần/ mô đun: 24331

- Số tín chỉ: 02 LT/ 01 TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 30 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: 2 tiết

+ Thời gian tự học: 88 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Thạc sĩ ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền (Định hướng nghiên cứu)

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Thực vật – Dược liệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Nguyễn Duy Thuần	0913328031	thuanhvdyd@gmail.com
2	PGS. TS. Phương Thiện Thương	0972872418	phuongthienthuong@yahoo.com

3	PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy	0984398989	huyhup2010@gmail.com
4	TS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	hien@dotochy.com
5	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	ducloi82@gmail.com
6	TS. Phùng Thanh Long	0988003031	longphung.31@gmail.com
7	TS. Trần Thị Phương	0866653197	phuongtran24288@gmail.com
8	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0965765929	hiennguyen.duochn@gmail.com
9	ThS. Nguyễn Phương Nhị	0986528142	nguyennhi212@gmail.com
10	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Phân tích được khái niệm của tài nguyên cây thuốc, các giá trị của tài nguyên cây thuốc, hiện trạng tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc; một số chính sách của Đảng và Nhà nước về tài nguyên cây thuốc ở Việt Nam
MT2	Phân tích được các nguyên tắc và phương pháp thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu
MT3	Vận dụng được kiến thức đã học vào phân tích, đánh giá, triển khai thực hiện việc bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc; thu hái, làm khô, bảo quản, đánh giá chất lượng và sử dụng dược liệu tại địa phương/ đơn vị
MT4	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1	3		
MT HP2	3		
MT HP3		3	
MT HP4			2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Phân tích khái niệm của tài nguyên cây thuốc, các giá trị của tài nguyên cây thuốc, hiện trạng tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc; một số chính sách của Đảng và Nhà nước về tài nguyên cây thuốc ở Việt Nam
CLO2	Phân tích được các nguyên tắc và phương pháp thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu.
CLO3	Vận dụng kiến thức đã học vào phân tích, đánh giá, triển khai thực hiện việc bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc; thu hái, làm khô, bảo quản, đánh giá chất lượng và sử dụng dược liệu tại địa phương/ đơn vị
CLO4	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5
CLO 1			2	2	2
CLO 2			2	3	3
CLO 3			2	3	2
CLO 4			2	3	2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

6.1.2. Lâm sàng: không có

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Tủ sấy
2	Tủ bảo quản mẫu tiêu bản/ dược liệu
3	Mẫu tiêu bản tươi/ khô/ mẫu dược liệu

4	Phòng thực hành trang bị máy chiếu/ màn hình
5	Cơ sở thực hành điều tra về TNCT (vườn quốc gia/ khu bảo tồn...)
6	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ mẫu cây thuốc/ vị thuốc/ dược liệu hoặc tranh ảnh, cơ sở dữ liệu về các cây thuốc, vị thuốc, nhóm thuốc trong chương trình giảng dạy
7	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, vật tư, dung môi, hóa chất phục vụ kiểm tra, đánh giá các cây thuốc, vị thuốc trong chương trình giảng dạy.

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, tự đọc giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Tài nguyên cây thuốc dành cho đối tượng Thạc sĩ Dược học ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền (Định hướng nghiên cứu) là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Dược học ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền (Định hướng nghiên cứu), giữ vai trò trong việc cung cấp cho người học khái niệm, giá trị của tài nguyên cây thuốc, tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên cây thuốc, một số chính sách về tài nguyên cây thuốc; nguyên tắc và phương pháp thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu.

Từ đó người học có thể nhận biết được tầm quan trọng của dược liệu và thuốc cổ truyền trong chăm sóc sức khỏe, vận dụng kiến thức đã học vào phân tích, đánh giá, triển

khai thực hiện việc bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc; thu hái, làm khô, bảo quản, đánh giá chất lượng và sử dụng dược liệu tại địa phương/ đơn vị.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Khái niệm về TNCT - Giá trị của cây thuốc và nhu cầu sử dụng	4/0/4	Phân tích và cho ví dụ về khái niệm về TNCT; Giá trị của cây thuốc và nhu cầu sử dụng	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
2	Tài nguyên cây thuốc trên thế giới	4/0/4	Phân tích và cho ví dụ về hiện trạng TNCT trên thế giới	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
3	Tài nguyên cây thuốc ở Việt Nam	4/0/4	Phân tích và cho ví dụ về hiện trạng TNCT ở Việt Nam	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
4	Bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc	4/0/4	Phân tích và cho ví dụ về các phương pháp bảo tồn TNCT	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
5	Bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc (tiếp)	4/0/4	Phân tích và cho ví dụ về các phương pháp bảo tồn TNCT	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
6	Các chính sách về tài nguyên cây thuốc	4/0/4	Trình bày và phân tích về một số chính sách của Đảng và Nhà nước về TNCT ở Việt Nam	CLO 1 CLO 4	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phán biện, nhận xét	
7 + 8	Thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu.	6/0/6	Phân tích được các nguyên tắc và phương pháp thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng dược liệu.	CLO 2 CLO 4	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phán biện, nhận xét	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (L/T/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
9	Kiểm tra	0/2/2		CLO 1 CLO 2	Tự luận ngắn kết hợp trắc nghiệm khách quan	Làm bài kiểm tra theo yêu cầu	Bài kiểm tra thường xuyên
10	Tiểu luận kết thúc học phần	0/0/16		CLO 1 CLO 2			

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1-7	Thực hành tài nguyên cây thuốc	27/0/30	- Vận dụng kiến thức đã học vào vào phân tích, đánh giá, triển khai thực hiện việc bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc - Vận dụng kiến thức đã học vào vào phân tích, đánh giá, triển khai thực hiện việc thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng và sử dụng dược liệu trong điều trị bệnh.	CLO 3 CLO 4	Các TTB theo yêu cầu	Bài tập cá nhân theo chủ đề	Làm bài tập nhóm/ cá nhân theo yêu cầu	
8	Báo cáo thực hành	3 tiết		CLO 3 CLO 4		Báo cáo, thảo luận	Báo cáo theo	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
						theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	nhóm/ cá nhân theo chủ đề	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5-6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
Lập luận	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức trình bày;	20%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bỏ cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bỏ cục tương đối chặt chẽ; mô đ	Chữ viết đọc được; Bỏ cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả	Chữ viết xấu, khó đọc; Bỏ cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu thả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	
				tả kết quả chưa rõ ràng			

Rubric 2 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo trích dẫn còn sai sót Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng Thuyết trình sai cơ bản nội dung; lan man
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> Trả lời còn nhiều chỗ nội dung không chính xác Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	CLO4	<ul style="list-style-type: none"> Tham gia nhiệt tình Hoàn thành công việc được phân công Chia sẻ công việc thành viên Tham gia ý kiến chung 	<ul style="list-style-type: none"> Tham gia nhiệt tình Hoàn thành công việc được phân công Chia sẻ công việc thành viên Ít tham gia ý kiến chung 	<ul style="list-style-type: none"> Tham gia nhiệt tình Hoàn thành công việc được phân công Ít chia sẻ công việc thành viên Ít tham gia ý kiến chung 	<ul style="list-style-type: none"> Ít tham gia nhiệt tình Hoàn thành công việc được phân công Không chia sẻ công việc thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> Tham gia không nhiệt tình Chưa hoàn thành công việc được phân công Không chia sẻ công việc thành viên

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
				2. – Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên	2. – Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	2. – Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	Ít tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	Ít tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên

Rubric 3. Đánh giá tiêu luận

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng		
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm
Nội dung	- Ngắn gọn, rõ ràng - Phù hợp giữa mục tiêu và tên tiêu luận	10%	CLO 1 CLO 2	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được các mục tiêu phù hợp với tên tiêu luận và dài không quá 1,5 trang.	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt tương đối tốt để đưa ra được mục tiêu phù hợp với tên tiêu luận và dài không quá 2 trang.	Viết chưa thật súc tích; dẫn dắt để đưa ra được mục tiêu tương đối phù hợp với tên tiêu luận và dài quá 2 trang.
Đặt vấn đề						Viết dài dòng, không rõ ràng; đưa ra mục tiêu không phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.

Tiêu chí		Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CBDR học phần	Mức độ chất lượng			
					8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
Tổng quan tài liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hóa được thông tin liên quan trọng: + Về cơ sở lý luận + Về thực tiễn trong nước + Về thực tiễn ngoài nước 	20%		<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung hoặc - Cả 3 nội dung trình bày cơ bản đáp ứng yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu hai nội dung hoặc - 2/3 nội dung trình bày không đáp ứng yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung hoặc - Cả hai nội dung không đáp ứng yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 3/4 nội dung không đạt yêu cầu; hoặc - Thiếu 2 nội dung 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp và tiện nghi nghiên cứu - Phù hợp với mục tiêu - Tương đối chính xác 	20%	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ và chính xác cả 2 nội dung: phù hợp với mục tiêu và tương đối chính xác - 2 nội dung đáp ứng trên 2/3 yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng mỗi nội dung trên 50% yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 3/4 nội dung không đạt yêu cầu; hoặc - Thiếu 2 nội dung 			
Kết luận và đề xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm được nội dung - Đề xuất đúng vấn đề 	10%	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm được nội dung chính xác và có đề xuất xác đáng 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và tiêu chí còn lại đạt trên 50% 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và tiêu chí còn lại đạt trên 50% 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng ít nhất 2 nội dung và các nội dung còn lại đạt yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung hoặc - Cả 2 nội dung không đạt yêu cầu 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Minh chứng rõ ràng, chính xác - Nhận xét, bàn luận ngắn gọn, logic, xác đáng 	20%	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng được mục tiêu - Trung thực, đáng tin cậy - Minh chứng rõ ràng, chính xác - Nhận xét, bàn luận ngắn gọn, logic, xác đáng 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng cả 4 nội dung đầy đủ và chính xác 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng 4 nội dung đầy đủ; hoặc - cả 4 nội dung đều đạt trong đó 3 nội dung đạt trên 75% 			

		Mức độ chất lượng			
		8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm hoặc - cả 2 tiêu chí đáp ứng trên 70%	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
Tiêu chí	Tài liệu tham khảo	Viết tài liệu tham khảo đúng quy định; Trích dẫn đủ số tài liệu > 20, trích dẫn đúng quy định về cách viết và vào phần nội dung tiêu chí, có cả tài liệu trong nước và nước ngoài	Trích dẫn đúng quy định trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 10-20	Trích dẫn có trên 3 lỗi không đúng quy định, trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 5-9 hoặc chỉ có tài liệu trong nước hoặc nước ngoài	- Mắc nhiều lỗi trích dẫn sai quy định, viết tài liệu tham khảo sai quy định hoặc số tài liệu tham khảo quá ít (<5)
CDR học phần					
Tỉ trọng		10%			
Nội dung yêu cầu	- Trích dẫn đủ, đúng quy định - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định - Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài				
Trình bày	- Format đúng quy định - Bảng biểu rõ ràng, chính xác - Lỗi chính tả:	Đúng và chính xác các nội dung yêu cầu	Format đúng quy định, 2/3 số Bảng biểu rõ ràng, chính xác, lỗi chính tả 5-10	- Format một vài chỗ chưa đúng quy định, - Bảng biểu rời mắt khó hiểu, - Lỗi chính tả 11-20	- Format > 5 chỗ chưa đúng quy định, - Nhiều Bảng biểu rời mắt khó hiểu hoặc vẽ sai - Lỗi chính tả > 20

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	Báo cáo thực hành	100%	Rubric 1 Rubric 2	CLO3 CLO4	Theo KH bài giảng
Điểm kết thúc học phần	60%	Tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Rubric 3	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm tiểu luận kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết = điểm tiểu luận kết thúc học phần

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng = điểm báo cáo phần thực hành

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Thực vật - Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2023), *Tài nguyên cây thuốc*, Tài liệu lưu hành nội bộ.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ Y tế (2019), *Thông tư 19/2019/TT-BYT Quy định thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên*

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]
Đào Thị Thu Hương

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Kỹ thuật bào chế và xây dựng tiêu chuẩn vị thuốc, thuốc cổ truyền

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ, Ngành: Dược liệu-Dược học cổ truyền.

Mã số đào tạo: 8720206

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Kỹ thuật bào chế và xây dựng tiêu chuẩn vị thuốc, thuốc cổ truyền

* Tiếng Anh: Preparation techniques and standard construction of traditional Pharmacy

- Mã học phần: 24332

- Số tín chỉ: 4TC trong đó: LT 2; TH: 2 TC

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 60 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành: 30 tiết

+ Bài tập:..... tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm:tiết

+ Kiểm tra:.....tiết

+ Thời gian tự học:tiết

- Đối tượng học (năm thứ): 1

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Tài nguyên cây thuốc

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	Ducloi82@gmail.com
2	TS. Phùng Thanh Long	0988003031	ptlong@gmail.com
3	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lethuhadhn2906@gmail.com
4	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com
5	Các Giảng viên mời giảng theo nhu cầu của Bộ môn (PGS.TS. Trần Thị Thu Vân, PGS.TS. Đoàn Minh Thụy, TS. Nguyễn Tiến Chung...)		

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

MT kiến thức:

-Trình bày được các kiến thức cơ bản về bào chế vị thuốc Y học cổ truyền.

-Trình bày được các kiến thức cơ bản về tiêu chuẩn hóa vị thuốc Y học cổ truyền

MT Kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Bào chế được một số vị thuốc YHCT thông dụng

- Xây dựng được tiêu chuẩn của một số vị thuốc YHCT

- Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược học cổ truyền nói chung và bào chế, tiêu chuẩn hóa vị thuốc YHCT nói riêng.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về bào chế vị thuốc Y học cổ truyền.
CLO2	Trình bày được các kiến thức cơ bản về tiêu chuẩn hóa vị thuốc Y học cổ

	truyền
CLO3	Bào chế được một số vị thuốc YHCT thông dụng
CLO4	Xây dựng được tiêu chuẩn của một số vị thuốc YHCT
CLO5	Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược học cổ truyền nói chung và bào chế, tiêu chuẩn hóa vị thuốc YHCT nói riêng.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	Ghi chú
CLO 1			3	2		Không đóng góp cho các PLO khác
CLO 2			3	2		
CLO 3				3	2	
CLO 4				3	2	
CLO 5					3	

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết:

VD: Máy chiếu, loa, mic, bảng, ...

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
-----	---

Tuần 1	I. Đặc điểm và yêu cầu của việc sử dụng thuốc YHCT	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	Bài kiểm tra giữa kỳ
Tuần 2	II. Chế biến thuốc YHCT và ý nghĩa của việc chế biến	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 3	III. Phương pháp và kỹ thuật chế biến vị thuốc cổ truyền	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 4	IV. Tiêu chuẩn hóa vị thuốc cổ truyền	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 5	V. Phương pháp và kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn vị thuốc cổ truyền	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiều ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
-----------------------------------	---	--------------------------------------	-------------------------------------	---	--	----------------------------	-------------------------	---

Tuần 1	I. Đặc điểm và yêu cầu của việc sử dụng thuốc YHCT	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	Bài kiểm tra giữa kỳ
Tuần 2	II. Chế biến thuốc YHCT và ý nghĩa của việc chế biến	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 3	III. Phương pháp và kỹ thuật chế biến vị thuốc cổ truyền	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 4	IV. Tiêu chuẩn hóa vị thuốc cổ truyền	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 5	V. Phương pháp và kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn vị thuốc cổ truyền	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
-----------------------------------	---	--------------------------------------	-------------------------------------	---	--	----------------------------	-------------------------	---

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tuần 2	Bài 1: sao thuốc	2	CLO 3,4	5	Mục 2	Trao đôi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	Đánh giá kết quả các bài thực hành
Tuần 3	Bài 2: chích gừng một số dược liệu	2	CLO 3,4	5	Mục 3	Trao đôi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	
Tuần 4	Bài 3: Chích giấm một số dược liệu	2	CLO 3,4	5	Mục 4	Trao đôi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	
Tuần 5	Bài 4: chích một số phụ liệu khác với một số dược liệu	2	CLO 3,4	5	Mục 5	Trao đôi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	
Tuần 6	Xây dựng tiêu chuẩn vị thuốc	5	CLO 3,4, 5	5	Mục 5	Trao đôi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/LS/KT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, lâm sàng, bài tập, thảo luận, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự >90% buổi học	Tham dự 80-90% buổi học	Tham dự 70-80% buổi học	Tham dự <70% buổi học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Chuyên cần	CLO 5	10%	Đến đúng giờ quy định ----- Đến muộn trên 15 phút				
Chuẩn bị lý thuyết	CLO 3,4	20%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 50% số câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% số câu hỏi	
Thao tác thí nghiệm và xử lý số liệu	CLO 3,4	50%	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu tốt	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu khá	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm nhưng xử lý số liệu chưa đúng	Thực hiện không đúng quy trình thí nghiệm, xử lý số liệu sai	
Kết quả TN và trả lời câu hỏi	CLO 4, 5	20%	Kết quả TN đúng và trả lời đúng các câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 70% số câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 50% số câu hỏi	Kết quả TN sai hoặc trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG							

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Hình thức	CLO 3, 4,5	10%	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định ----- Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định				
Bố cục	CLO 3,4,5	10%	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic ----- Không theo quy định, không lô-gic				

Tài liệu tham khảo	CLO 3, 4	10%	Phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức	-----	Rất ít TLTK, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức	
Nội dung chính 1:	CLO 3,4	30%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu
Nội dung chính 2:	CLO 3,4	20%				
Nội dung chính 3:	CLO 3,4	20%				
ĐIỂM TỔNG						

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CDR của học phần (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	10 + 60	Điểm chuyên cần		10%		CLO5	
		Điểm thảo luận nhóm, bài tập lớn,					
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...		60%		CLO 1,2,3	
Thực hành	30	Điểm chuyên cần					
		Điểm bài thực hành		30%		CLO 3,4,5	

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	

Tên Chủ đề (nội dung, chương...)	TNKQ	TNKQ	TNKQ	TNKQ	
Chủ đề 1: Đặc điểm và yêu cầu của việc sử dụng thuốc YHCT	Chuẩn KT, KN cần kiểm tra (Ch)				
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 20 Số điểm:	Số câu 28 Số điểm	Số câu: 27 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 75 ... điểm=.16.66%
Chủ đề 2: Chế biến thuốc YHCT và ý nghĩa của việc chế biến					
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 41 Số điểm	Số câu: 108 Số điểm	Số câu: 40 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 189 ... điểm=.36,67..%
Chủ đề 3: Phương pháp và kỹ thuật chế biến vị thuốc cổ truyền Phân loại TYHCT					
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 51 Số điểm	Số câu 107 Số điểm	Số câu: 43 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 201 ... điểm=36,67%
Chủ đề 4: Tiêu chuẩn hóa vị thuốc cổ truyền và kỹ thuật, phương pháp tiêu chuẩn hóa					
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 16 Số điểm	Số câu: 24 Số điểm	Số câu: 11 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 51 ... điểm=.10,0%
Tổng số câu Tổng số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 161 Số điểm 15 %	Số câu: 235 Số điểm 70 %	Số câu: 120 Số điểm 15 %	Số câu: 516 Số điểm	

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Y tế (2010), Một số chuyên đề thuốc cổ truyền, NXB Y học, Hà Nội
2. Bộ Y tế (2014), *Dược học cổ truyền* – Sách đào tạo Dược sỹ đại học, NXB Y học, Hà Nội
3. Bộ môn Dược học cổ truyền – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam – *Thực hành Dược cổ truyền* – Tài liệu lưu hành nội bộ.

4. Vũ Đức Lợi (2017), *Thực hành thực vật, dược liệu, dược cổ truyền*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Đỗ Tất Lợi (2005), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học
2. Nguyễn Trung Hòa (2009), *Đông y toàn tập*, NXB Thuận Hóa
3. Phan Văn Chiêu (2009), *Đông Nam Dược Nghiệm phương*, NXB Thuận Hóa
4. Phạm Xuân Sinh (2010), *Một số chuyên đề thuốc cổ truyền*, NXB Y học
5. Viện Y học cổ truyền Việt Nam (1993), *Phương pháp bào chế và sử dụng đông dược*, NXB Y học, Hà Nội
6. Viện trung y Bắc Kinh (1998), *Phương tế học giảng nghĩa*, NXB Y học (TS. Dương Trọng Hiếu dịch)

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024

PHỤ TRÁCH KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Văn Quân

PGS.TS. Vũ Đức Lợi

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ, Ngành: Dược liệu-Dược cổ truyền;

Mã số đào tạo: 8720206

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Ứng dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến trong bào chế thuốc YHCT

* Tiếng Việt: Ứng dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến trong bào chế thuốc YHCT

* Tiếng Anh: Application of advanced technology and techniques in the preparation of traditional medicine

- Mã học phần/ mô đun: 24333

- Số tín chỉ: 2LT/2TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng: 60 tiết

+ Bài tập: 15 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 30 tiết

+ Kiểm tra: 1 tiết

+ Thời gian tự học: 24tiết

- Đối tượng học (năm thứ): 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
	Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>	Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>

Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
--------------------------------------	-------------------------------------	--------------------------------------	-------------------------------------	--------------------------------------	-------------------------------------	---	-------------------------------------	--------------------------

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Kỹ thuật bào chế và tiêu chuẩn hóa vị thuốc YHCT

+ Học phần học trước (đã học): Mối liên quan giữa thành phần hóa học với tác dụng của dược liệu, thuốc cổ truyền

+ Học phần song hành:

Sử dụng thuốc cổ truyền và dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Bào chế - Công nghiệp dược

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	ThS. Bùi Thị Ngoan	0986755129	Bào chế- CND	Ngoan83@gmail.com
2	ThS. Đào Văn Lưu	0986964323	Bào chế- CND	dsdaovanluu@gmail.com
3	DSCK1. Nguyễn Thị Thu Nga	0936249215	Bào chế- CND	Nguyenthungath1@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Trình bày được các trang thiết bị, máy móc, thiết bị hiện đại được ứng dụng trong bào chế, sản xuất thuốc.
MT HP2	Sử dụng được các trang thiết bị hiện đại để ứng dụng chuyển dạng bào chế thuốc YHCT sang các dạng bào chế hiện đại

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(3)	(4)
MT HP1	3	3	2
MT HP2	3	3	2

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modul (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

- 1 – MT HP có đóng góp ít vào MT CTĐT
- 2 – MT HP có đóng góp vừa vào MT CTĐT
- 3 – MT HP có đóng góp nhiều vào MT CTĐT

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP đối với MT CTĐT ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng được kiến thức về bào chế hiện đại để bào chế được các dạng thuốc có nguồn gốc từ dược liệu
CLO2	Xây dựng được tiêu chuẩn chất lượng cho các dạng thuốc bào chế
CLO3	Xây dựng và thực hiện được công tác đảm bảo chất lượng trong sản xuất thuốc có nguồn gốc từ dược liệu.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modul (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	3	4	5
CLO 1	2	2	2	3
CLO 2	2	2	2	3

CLO 3	2	2	2	3
-------	---	---	---	---

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Giảng đường, Máy chiếu, loa, mic...

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy dập viên
2	Máy đóng nang thủ công
3	Máy đóng nang bán tự động
4	Máy bao viên
5	Máy trộn đều
6	Máy xát hạt
7	Máy làm viên hoàn
8	Máy đóng chề thuốc
9	Tủ sấy chân không
10	Tủ sấy
11	Cân kỹ thuật
12	Máy thử độ rã
13	Máy đo độ cứng
14	Máy đo tỷ trọng của bột và hạt
15	Cân sấy ẩm
16	Nồi nấu cao
17.	Nồi cách thủy

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: tối thiểu 80% số giờ học trên lớp
- Bài tập: 0%
- Tự học: 24 giờ
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Dự giờ học tối thiểu 80% số giờ

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Ứng dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến trong bào chế thuốc YHCT dùng đào tạo cho đối tượng dược sỹ chuyên khoa I bao gồm các nội dung cơ bản về những yêu cầu kỹ thuật công nghệ để bào chế ra một chế phẩm thuốc có nguồn gốc dược liệu. Người học sẽ được cung cấp những kiến thức về các quá trình công nghệ cơ bản và thiết bị trong bào chế để thực hiện bào chế các dạng thuốc truyền thống như: thuốc nước, thuốc hoàn, thuốc dầu, cao xoa, cao dán và các dạng thuốc hiện đại như: thuốc cốm-pellet, thuốc viên nén, viên nang, thuốc tiêm, thuốc qua da và một số hệ mang thuốc mới. Học phần được trình bày nổi bật các nội dung: mục tiêu, nội dung chuyên môn, đảm bảo 4 yêu cầu cơ bản về kiến thức, tính chính xác và khoa học, cập nhật tiên bộ khoa học và vận dụng thực tiễn.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/ TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1. Một số dạng thuốc truyền thống. 1.1. Cao thuốc 1.2. Cồn thuốc 1.3. Rượu thuốc	8	Trình bày được định nghĩa, ưu nhược điểm, kỹ thuật bào chế, tiêu chuẩn chất lượng của Cao thuốc, cồn thuốc, rượu thuốc	CLO1 CLO2 CLO3	- GV sử dụng tài liệu và projector để hướng dẫn	- Phân chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài học	A1.2.
2	1.4. Chè thuốc 1.4. Thuốc dầu 1.5. Cao xoa, cao dán	8	Trình bày được định nghĩa, ưu nhược điểm, kỹ thuật bào chế, tiêu chuẩn chất lượng của chè thuốc, thuốc dầu, cao xoa,	CLO1 CLO2 CLO3	- GV sử dụng tài liệu và projector để hướng dẫn	- Phân chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài học	

			cao dán				
3	Chương 2. Kỹ thuật bào chế một số dạng thuốc hiện đại 2.1.Thuốc cốm-pellet 2.2.Thuốc viên nén 2.3. Thuốc nang	7	Trình bày được định nghĩa, ưu nhược điểm, kỹ thuật bào chế, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc cốm-pellet, thuốc viên nén, thuốc nang	CLO1 CLO2 CLO3	- GV sử dụng tài liệu và projector để hướng dẫn	- Phân chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài học	
4	2.4.Thuốc tiêm 2.5.Thuốc qua da 2.6.Các hệ mang thuốc mới	7	Trình bày được định nghĩa, ưu nhược điểm, kỹ thuật bào chế, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc tiêm, thuốc qua da, các hệ mang thuốc mới	CLO1 CLO2 CLO3	- GV sử dụng tài liệu và projector để hướng dẫn	- Phân chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung bài học	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Bài 1.Bào	4	Tim hiểu	CLO 1	Tủ sậy	Hướng dẫn thực	Quan	Bào

	ché cao thuốc		được thành phần, thực hiện được quy trình bào chế và kiểm soát các tiêu chuẩn chất lượng của cao thuốc	CLO2 CLO3	chân không; cân kỹ thuật, tủ sấy, nồi nấu cao	hiện thao tác, rèn luyện kỹ năng thực hành.	sát, thực hiện quy trình bào chế theo đúng kỹ thuật	ché cao thuốc
2	Bài 2. Bào chế Cồn thuốc, rượu thuốc	5	Tìm hiểu được thành phần, thực hiện được quy trình bào chế và kiểm soát các tiêu chuẩn chất lượng của cồn thuốc, rượu thuốc	CLO 1 CLO2 CLO3	Tủ sấy, tủ sấy chân không, cân kỹ thuật, nồi nấu cao	Hướng dẫn thực hiện thao tác, rèn luyện kỹ năng thực hành.	Quan sát, thực hiện quy trình bào chế theo đúng kỹ thuật	Bào chế cồn thuốc, rượu thuốc
3	Bài 3. Bào	4	Tìm hiểu	CLO 1	Cân kỹ	Hướng dẫn thực	Quan	Bào

	chế chè thuốc, thuốc hoàn		được thành phần, thực hiện được quy trình bào chế và kiểm soát các tiêu chuẩn chất lượng của chè thuốc, thuốc hoàn	CLO2 CLO3	thuật; Máy đóng chè thuốc, máy làm viên hoàn, máy rây	hiện thao tác, rèn luyện kỹ năng thực hành.	sát, thực hiện quy trình bào chế theo đúng kỹ thuật	chế chè thuốc, thuốc hoàn
4	Bài 4. Bào chế thuốc dầu, thuốc cao xoa, thuốc cao dán	5	Tìm hiểu được thành phần, thực hiện được quy trình bào chế và kiểm soát các tiêu chuẩn chất lượng của thuốc cao xoa, thuốc cao	CLO 1 CLO2 CLO3	Cân kỹ thuật, máy sấy, nôi cách thủy	Hướng dẫn thực hiện thao tác, rèn luyện kỹ năng thực hành.	Quan sát, thực hiện quy trình bào chế theo đúng kỹ thuật	Bào chế thuốc dầu, thuốc cao xoa, thuốc cao dán

			dán					
5	Bài 5. Bào chế thuốc viên nang	4	<p>Tìm hiểu được thành phần, thực hiện được quy trình bào chế và kiểm soát các tiêu chuẩn chất lượng của thuốc viên nang</p>	<p>CLO 1 CLO2 CLO3</p>	<p>Cân kỹ thuật, máy trộn bột, máy xát hạt, máy đóng nang thủ công, máy đóng nang bán tự động</p>	<p>Hướng dẫn thực hiện thao tác, rèn luyện kỹ năng thực hành.</p>	<p>Quan sát, thực hiện quy trình bào chế theo đúng kỹ thuật</p>	<p>Bào chế thuốc viên nang</p>
6	Bài 6. Bào chế thuốc cốm	4	<p>Tìm hiểu được thành phần, thực hiện được quy trình bào chế và kiểm soát các tiêu chuẩn chất lượng của thuốc cốm</p>	<p>CLO 1 CLO2 CLO3</p>	<p>Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy xát hạt, máy trộn bột, cân sấy ẩm</p>	<p>Hướng dẫn thực hiện thao tác, rèn luyện kỹ năng thực hành.</p>	<p>Quan sát, thực hiện quy trình bào chế theo đúng kỹ thuật</p>	<p>Bào chế thuốc cốm</p>

7	Bào chế thuốc viên nén	4	Tìm hiểu được thành phần, thực hiện được quy trình bào chế và kiểm soát các tiêu chuẩn chất lượng của thuốc viên nén	CLO 1 CLO2 CLO3	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy xát hạt, máy trộn bột, máy thử độ rã, máy đo độ cứng, máy đo tỷ trọng của bột và hạt, cân sấy ẩm	Hướng dẫn thực hiện thao tác, rèn luyện kỹ năng thực hành.	Quan sát, thực hiện quy trình bào chế theo đúng kỹ thuật	Bào chế thuốc viên nén
8	Bào chế một số dạng thuốc dùng qua da.	4	Tìm hiểu được thành phần, thực hiện được quy trình bào chế và kiểm soát các tiêu chuẩn chất lượng của một số dạng thuốc	CLO 1 CLO2 CLO3	Cân kỹ thuật, máy trộn, nồi cách thủy	Hướng dẫn thực hiện thao tác, rèn luyện kỹ năng thực hành.	Quan sát, thực hiện quy trình bào chế theo đúng kỹ thuật	Bào chế một số dạng thuốc dùng qua da

			dùng qua da.					
--	--	--	--------------	--	--	--	--	--

Ghi chú:

- (3) Số tiết (TH/LS/KT...): Xác định số tiết thực hành, lâm sàng, kiểm tra... của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubic 1: Rubic đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự >90% buổi học	Tham dự 80-90% buổi học	Tham dự 70-80% buổi học	Tham dự <70% buổi học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

Rubic 2: Rubic đánh giá bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Chuyên cần	CLO 4,5,6	10%	Đến đúng giờ quy định	-----	-----	Đến muộn trên 15 phút	

Chuẩn bị lý thuyết	CLO 1,2,3	20%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 50% số câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% số câu hỏi	
Thao tác thí nghiệm và xử lý số liệu	CLO 4,5,6	50%	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu tốt	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu khá	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm nhưng xử lý số liệu chưa đúng	Thực hiện không đúng quy trình thí nghiệm, xử lý số liệu sai	
Kết quả TN và trả lời câu hỏi	CLO 4, 5,6	20%	Kết quả TN đúng và trả lời đúng các câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 70% số câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 50% số câu hỏi	Kết quả TN sai hoặc trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG							

9.2.3. Rubric đánh giá lý thuyết

Rubric 3: Đánh giá lý thuyết

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Chuyên cần	CLO 1,2,3,4	10%	Đến đúng giờ quy định ----- Đến muộn trên 15 phút				
Kết quả thi TL	CLO 1,2,3,4	90%	Trả lời đúng trên 85% các câu hỏi	Trả lời đúng trên 70% các câu hỏi	Trả lời đúng trên 50% các câu hỏi	Trả lời đúng dưới 50% các câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG							

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CDR của học phần/mô đun (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	30%	Điểm chuyên cần	Điểm danh	10%	Rubric 3	CLO 1,2,3,4	Điểm danh SV tất cả cá buổi dạy lý thuyết.
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/Tự luận	Thi trắc nghiệm trên máy tính/Tự	90%	Rubric 3	CLO 1,2,3,4	Tổ chức thi trắc nghiệm tập trung tại

			luận				phòng thi .
Thực hành/ Lâm sàng	70%	Điểm bài thực hành	Thực hiện các TN	20%	Rubic 2	CLO 1,2,3,4	Đánh giá trực tiếp kết quả TN
		Điểm thi thực hành, lâm sàng	Bốc thăm thực hiện một bài TN	80%	Rubic 2	CLO 1,2,3,4	Đánh giá trực tiếp kết quả TN

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành theo bảng 9.3.1*

$$\text{Điểm học phần} = [(\text{Điểm Lý thuyết} \times 1) + (\text{Điểm thực hành} \times 2)]/3$$

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Trường Đại học Dược Hà Nội, Bộ môn Bào chế, *Kỹ thuật bào chế các dạng thuốc từ dược liệu*. Nhà xuất bản Y học

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Trường Đại học Dược Hà Nội, Bộ môn Bào chế, *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc- tập 1*. Nhà xuất bản Y học

[2] Trường Đại học Dược Hà Nội, Bộ môn Bào chế, *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc- tập 2*. Nhà xuất bản Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

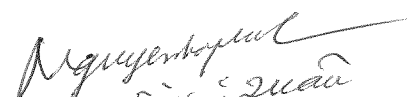
- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024


TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Tuấn


BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Bùi Thị Ngoan

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Bùi Thị Ngoan

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: Ngày tháng năm	Người cập nhật ThS. Bùi Thị Ngoan
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: Ngày tháng năm	Người cập nhật ThS. Bùi Thị Ngoan

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

SỬ DỤNG THUỐC CỔ TRUYỀN VÀ DƯỢC LIỆU AN TOÀN, HIỆU QUẢ, HỢP LÝ

Trình độ đào tạo: Sau đại học – Thạc sĩ Dược liệu - Dược học cổ truyền Định hướng nghiên cứu

Ngành: Dược liệu - Dược học cổ truyền.

Mã số đào tạo: 8720206

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Sử dụng thuốc cổ truyền và dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý
- * Tiếng Việt: Sử dụng thuốc cổ truyền và dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý
- * Tiếng Anh: Safe, effective, and rational use of traditional medicines and medicinal herbs
- Mã học phần: 24337
- Số tín chỉ: LT: 2; TH: 1
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết lý thuyết + 30 tiết thực hành
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành: 30 tiết
 - + Bài tập:..... tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm:tiết
 - + Kiểm tra: 5 tiết
 - + Thời gian tự học:tiết
- Đối tượng học: Dược chuyên khoa I
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):
 - + Học phần học trước (đã học):
 - + Học phần song hành:
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược lâm sàng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	ThS. Đỗ Thị Hồng Sâm	0838618181	DLS	hongsamdo@gmail.com
2	DSCKII. Nguyễn Duy Thúc	0913540042	DLS	duythuc07@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Hảo	0988264429	DLS	haohaobn@gmail.com
4	ThS. Hoàng Thị Phương	0968551123	DLS	li.hphuong510@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Trình bày được tác dụng bất lợi của thuốc cổ truyền trên bệnh nhân nói chung và các bệnh nhân là đối tượng đặc biệt nói riêng; tương tác của thuốc cổ truyền và tương tác thuốc cổ truyền với tân dược.
MT HP2	Trình bày được công tác Cảnh giác dược và Thông tin thuốc tại các cơ sở khám chữa bệnh.
MT HP3	Vận dụng các kiến thức về thuốc cổ truyền để hướng dẫn sử dụng thuốc đảm bảo an toàn, hiệu quả và kinh tế.
MT HP4	Thể hiện được sự chính xác, cẩn thận, tinh thần làm việc có trách nhiệm trong việc phát hiện, đánh giá các vấn đề về sử dụng thuốc cổ truyền, tiến tới việc sử dụng thuốc cổ truyền hợp lý trong điều trị.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	MT 1	MT 2	MT 3
MT HP1	2	2	2
MT HP2	2	2	2
MT HP3	2	1	2
MT HP4	2	2	2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Có kiến thức cơ bản về tác dụng bất lợi của thuốc cổ truyền trên các đối tượng bệnh nhân, tương tác của thuốc cổ truyền và tương tác thuốc cổ truyền với tân dược.
CLO2	Có kiến thức về Cảnh giác dược và Thông tin thuốc tại các cơ sở khám chữa bệnh.
CLO3	Vận dụng được những kiến thức về thuốc cổ truyền vào thực hành nghề nghiệp có hiệu quả, phục vụ cho công tác tư vấn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn.
CLO4	Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức và an toàn trong thực hành nghề nghiệp. Nhận thức đúng về vai trò người dược sĩ. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ

chuyên môn; có năng lực nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp và phục vụ nhu cầu xã hội.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa; 3 – Mức đóng góp nhiều

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(3)	(4)	(5)
CLO 1	1	2	
CLO 2	1	2	
CLO 3			1
CLO 4	2	2	2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu, loa, micro
2	Bảng, bút viết bảng/phấn
3	Máy tính kết nối Internet; Phần mềm tra cứu thuốc: DailyMed; EMC; Pubmed...

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có tài liệu.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10) để phục vụ quá trình học tập, đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, tự đọc giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần “Sử dụng thuốc cổ truyền và dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý” cung cấp thêm cho học viên kiến thức về sử dụng thuốc cổ truyền và vận dụng các kiến thức này vào thực tế công việc tư vấn sử dụng thuốc.

Học phần “Sử dụng thuốc cổ truyền và dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý” bao gồm các nội dung chính sau:

- Tác dụng bất lợi của thuốc cổ truyền
- Chú ý khi sử dụng thuốc cổ truyền trên các đối tượng bệnh nhân đặc biệt
- Tương tác thuốc cổ truyền
- Cảnh giác dược
- Thông tin thuốc tại cơ sở khám chữa bệnh

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (04 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của HV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1: Đại cương tác dụng bất lợi của thuốc cổ truyền	4/0	Hiểu biết về đại cương tác dụng bất lợi của thuốc cổ truyền	CLO 1 CLO 4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề.	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời câu hỏi 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ – trả lời	Không
2	Bài 2: Chú ý khi sử dụng thuốc cổ truyền trên các đối tượng bệnh nhân đặc	4/0		CLO 1 CLO 4	1. Thuyết trình 2. Động não	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời câu hỏi	Không

	biệt (Phần 1)				3. Giải quyết vấn đề.	3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ – trả lời	
3	Bài 3: Chú ý khi sử dụng thuốc cổ truyền trên các đối tượng bệnh nhân đặc biệt (Phần 2)	4/0		CLO 1 CLO 4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề.	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời câu hỏi 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ – trả lời	Không
4	Bài 4: Tương tác thuốc cổ truyền: - TT thuốc CT-thuốc CT - TT thuốc CT-thuốc tân dược	4/0	Hiểu biết về tương tác thuốc cổ truyền	CLO 1 CLO 4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề.	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời câu hỏi 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ – trả lời	Không
5	Bài 5: Cảnh giác dược tại cơ sở khám chữa bệnh (Phần 1)	4/0	Hiểu biết đại cương về Cảnh giác dược	CLO 2 CLO 4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề.	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời câu hỏi 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ – trả lời	Không
6	Bài 6: Cảnh giác dược tại cơ sở khám	3/1	Hiểu biết về quy trình cảnh giác dược tại cơ sở	CLO 2 CLO 4	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi	- Bài kiểm tra thường xuyên

	chữa bệnh (Phần 2)		khám chữa bệnh		2. Động não 3. Giải quyết vấn đề.	2. Suy nghĩ - Trả lời câu hỏi 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ – trả lời	- Thực hiện sau khi kết thúc phần 5 - Hình thức: tự luận/trắc nghiệm/bài tập lớn. - Nội dung kiến thức từ phần 1 đến phần 5
7	Bài 7: Cảnh giác dược tại cơ sở khám chữa bệnh (Phần 3)	4/0	Hiểu biết về sai sót liên quan đến thuốc: phát hiện và các giải pháp phòng tránh trong thực hành lâm sàng	CLO 2 CLO 4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề.	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời câu hỏi 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ – trả lời	Không
8	Bài 8: Thông tin thuốc tại cơ sở khám chữa bệnh	4/0	Hiểu biết về vai trò, nội dung và quy trình thông tin thuốc tại cơ sở khám chữa bệnh	CLO 2 CLO 4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề.	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời câu hỏi 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ – trả lời	Không
Kiểm tra (Theo lịch phòng ĐT SĐH)							

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu

ra

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của HV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Bài 1: Xây dựng danh mục Phản ứng bất lợi của thuốc cổ truyền (Phần 1)	04	Xây dựng được danh mục Phản ứng bất lợi của thuốc cổ truyền tại cơ sở khám chữa bệnh	CLO 3 CLO 4	1, 2, 3	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học. 2. Giải quyết vấn đề. 3. Quan sát 4. Vấn đáp	1. Chuẩn bị slide, và bài tập thực hành ra giấy (phân theo cá nhân/nhóm) 2. Trình bày silde, phản biện, tranh luận, thảo luận 3. Suy nghĩ, trả lời	Kiểm tra 1
2	Bài 2: Xây dựng danh mục Phản ứng bất lợi của thuốc cổ truyền (Phần 2)	04	Xây dựng được danh mục Phản ứng bất lợi của thuốc cổ truyền tại cơ sở khám chữa bệnh	CLO 3 CLO 4	1, 2, 3	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học. 2. Giải quyết vấn đề. 3. Quan sát 4. Vấn đáp	1. Chuẩn bị slide, và bài tập thực hành ra giấy (phân theo cá nhân/nhóm) 2. Trình bày silde, phản biện, tranh luận, thảo luận 3. Suy nghĩ, trả lời	Kiểm tra 2
3	Bài 3: Xây dựng danh mục Chú	04	Xây dựng được danh mục Chú	CLO 3 CLO 4	1, 2, 3	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung	1. Chuẩn bị slide, và bài tập thực hành ra giấy (phân theo	Kiểm tra 3

	ý sử dụng thuốc cổ truyền trên các đối tượng bệnh nhân đặc biệt (Phần 1)		ý sử dụng thuốc cổ truyền trên BN đặc biệt tại cơ sở khám chữa bệnh			thông tin lý thuyết đã học. 2. Giải quyết vấn đề. 3. Quan sát 4. Vấn đáp	cá nhân/nhóm) 2. Trình bày slide, phản biện, tranh luận, thảo luận 3. Suy nghĩ, trả lời	
4	Bài 4: Xây dựng danh mục Chú ý sử dụng thuốc cổ truyền trên các đối tượng bệnh nhân đặc biệt (Phần 2)	04	Xây dựng được danh mục Chú ý sử dụng thuốc cổ truyền trên BN đặc biệt tại cơ sở khám chữa bệnh	CLO 3 CLO 4	1, 2, 3	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học. 2. Giải quyết vấn đề. 3. Quan sát 4. Vấn đáp	1. Chuẩn bị slide, và bài tập thực hành ra giấy (phân theo cá nhân/nhóm) 2. Trình bày slide, phản biện, tranh luận, thảo luận 3. Suy nghĩ, trả lời	Kiểm tra 4
5	Bài 5: Xây dựng danh mục Tương tác thuốc bất lợi của thuốc cổ truyền (Phần 1)	04	Xây dựng được danh mục Tương tác thuốc cổ truyền tại cơ sở khám chữa bệnh	CLO 3 CLO 4	1, 2, 3	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học. 2. Giải quyết vấn đề. 3. Quan sát 4. Vấn đáp	1. Chuẩn bị slide, và bài tập thực hành ra giấy (phân theo cá nhân/nhóm) 2. Trình bày slide, phản biện, tranh luận, thảo luận 3. Suy nghĩ, trả lời	Kiểm tra 5
6	Bài 6: Xây dựng	04	Xây dựng được	CLO 3 CLO 4	1, 2, 3	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi	1. Chuẩn bị slide, và bài tập thực	Kiểm tra 6

	danh mục Tương tác thuốc bất lợi của thuốc cổ truyền (Phần 2)		danh mục Tương tác thuốc cổ truyền tại cơ sở khám chữa bệnh			và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học. 2. Giải quyết vấn đề. 3. Quan sát 4. Vấn đáp	hành ra giấy (phân theo cá nhân/nhóm) 2. Trình bày silde, phân biện, tranh luận, thảo luận 3. Suy nghĩ, trả lời	
7	Thực hiện quy trình thông tin thuốc cho bệnh nhân (Phần 1)	04	Xây dựng được danh mục Tương tác thuốc cổ truyền tại cơ sở khám chữa bệnh	CLO 3 CLO 4	1, 2, 3	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học. 2. Giải quyết vấn đề. 3. Quan sát 4. Vấn đáp	1. Chuẩn bị slide, và bài tập thực hành ra giấy (phân theo cá nhân/nhóm) 2. Trình bày silde, phân biện, tranh luận, thảo luận 3. Suy nghĩ, trả lời	Kiểm tra 7
8	Thực hiện quy trình thông tin thuốc cho bệnh nhân (Phần 2)	04	Xây dựng được danh mục Tương tác thuốc cổ truyền tại cơ sở khám chữa bệnh	CLO 3 CLO 4	1, 2, 3	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học. 2. Giải quyết vấn đề. 3. Quan sát 4. Vấn đáp	1. Chuẩn bị slide, và bài tập thực hành ra giấy (phân theo cá nhân/nhóm) 2. Trình bày silde, phân biện, tranh luận, thảo luận 3. Suy nghĩ, trả lời	Kiểm tra 8

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO2 CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo trích dẫn còn sai sót Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung,

				đúng, đủ thời lượng	đúng, đủ thời lượng	đúng, đủ thời lượng	đúng, vượt thời lượng ít	vượt thời lượng nhiều
4	Trả lời câu hỏi	CLO3	10%	<p>đúng, đủ thời lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe. 	<p>đúng, đủ thời lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<p>đúng, đủ thời lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<p>đúng, vượt thời lượng ít</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<p>vượt thời lượng nhiều</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe
5	<p>Làm việc nhóm</p> <p>1. Thành viên nhóm</p> <p>2. Trưởng nhóm</p>	CLO3	15%	<p>đúng, đủ thời lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<p>đúng, đủ thời lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<p>đúng, đủ thời lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề 	<p>đúng, vượt thời lượng ít</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<p>vượt thời lượng nhiều</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man

				- Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên	- Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	- Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	- Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	- Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên
--	--	--	--	--	---	--	---	---

Rubric2. Đánh giá bài kiểm tra / bài tập

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%
	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận
Hình thức trình bày;	20%	CLO 1	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Cầu thả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;
			Điểm	8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm

Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%
	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận
	20%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài tập	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Cầu thả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CDR của học phần/mô đun (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Thực hành	30%	Các bài thực hành	Điểm trung bình cộng điểm kiểm tra các bài thực hành	100%	Rubic 1 Rubic 2	CLO2 CLO3	Theo KH của bộ môn
Lý thuyết	10%	Điểm kiểm tra	Điểm kiểm tra thường xuyên	100%	Rubic 7	CLO1	Theo KH của bộ môn
	60%	Thi kết thúc học phần	Thi trắc nghiệm	100%	Không	CLO1	Thi trắc nghiệm trên máy tính theo KH của Học viện

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi bậc 2	Số câu hỏi bậc 3
CLO1	25%	13	13		
CLO2	50%	24		24	
CLO3	25%	13			13
Tổng	100%	50	13	24	13

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (Hiểu, Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm lý thuyết và Điểm thực hành theo bảng 9.3.1

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Y tế (2015), *Hướng dẫn Quốc gia về Cảnh giác dược*, Nhà XB Y học, Hà Nội.
2. Hoàng Thị Kim Huyền và J.R.B.J Brouwers (2014), *Dược lâm sàng – Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị - Tập II*, NXB Y học, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

Nghị định 131/2020/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2020 Ban hành Quy định về tổ chức, hoạt động dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

11. Hướng dẫn thực hiện


- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ môn đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Quân

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Đỗ Thị Hồng Sâm

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: Ngày/tháng/năm.	Người cập nhật
--	----------------

Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
--	-----------------------

được tại bệnh viện đạt hiệu quả.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT	1	2	2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Phân tích được kiến thức cơ bản quản lý nhà nước và chuyên môn về dược tại khoa Dược bệnh viện
CLO2	Đánh giá được các tiêu chí của hoạt động dược bệnh viện để lập kế hoạch và triển khai kế hoạch trong quản lý dược bệnh viện của khoa Dược bệnh viện
CLO3	Có kỹ năng phân biệt, viết báo cáo theo cá nhân và theo nhóm

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5
CLO1	2		3		
CLO2			3		

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Không

6.1.3. Thực hành: Hình thức thảo luận, viết bài tập, đánh giá tình huống.

6.2. Yêu cầu đối với người học

- Người học phải có giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy.

- Người học phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, tài liệu giảng dạy, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Người học có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thảo luận, thực hành.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình, tài liệu giảng dạy và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu

có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho bài tiểu luận lấy điểm thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Quản lý dược bệnh viện là học phần trang bị cho người học kiến thức về pháp chế trong tổ chức và hoạt động của khoa dược bệnh viện, quản lý thông tin, tư vấn sử dụng thuốc và quản lý hoạt hướng dẫn điều trị trên lâm sàng tại bệnh viện có hoặc không sử dụng thuốc YHCT, thuốc dược liệu. Từ đó, người học vận dụng vào hoạt động quản lý dược tại bệnh viện sau khi tốt nghiệp

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

ần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Người học	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	BÀI 1: Chức năng, nhiệm vụ khoa dược bệnh viện MỞ BÀI 1. Chức năng: 3 chức năng 2. Nhiệm vụ: KẾT LUẬN	1/0/2	Xác định được chức năng, nhiệm vụ của khoa dược bệnh viện theo quy định của pháp luật	CLO1	1. Thuyết trình 2. Động não	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. Suy nghĩ - trả lời	Không
	BÀI 2: Lập kế hoạch triển khai công tác dược bệnh viện MỞ BÀI 1. Tổng quan về lập kế hoạch 2. Phương pháp lập kế hoạch công việc 3. Cách thức tổ chức công việc hiệu quả 4. Quản lý và giám sát triển khai kế hoạch KẾT LUẬN	3/0/6	Phân tích được lập kế hoạch triển khai công tác dược tại khoa dược bệnh viện	CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	Không
Buổi 2 (4 tiết)	BÀI 3: Dự trữ mua thuốc. Đầu thầu mua thuốc, thực hành mua sắm thuốc tốt (GSP) MỞ BÀI 1. Mua thuốc	2/0/4	Giải thích được việc xây dựng danh mục thuốc bệnh viện phù hợp với mua sắm thuốc hiệu	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời	Không

	<p>2. Chu trình mua thuốc 3. Bảo quản và tồn kho KẾT LUẬN</p> <p>BÀI 4: Quản lý, theo dõi nhập - xuất - tồn tại khoa dược. Nguyên tắc sắp xếp và bảo quản thuốc. Các phương pháp kiểm soát tồn kho (ABC/VED).</p> <p>MỞ BÀI</p> <p>1. Các phương pháp kiểm soát tồn kho</p> <p>2. Các bước phân tích ABC/VED</p>		<p>Phân tích được công tác quản lý, theo dõi xuất nhập tồn thuốc tại kho khoa dược</p>	<p>CLO1 CLO2</p>	<p>1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	<p>Không</p>
<p>Buổi 3 (4 tiết)</p>	<p>BÀI 5: Cấp phát thuốc trong bệnh viện MỞ BÀI</p> <p>1. Chu trình cấp phát 2. Cấp phát tại kho 3. Hoàn trả thuốc và thu hồi vó thuốc 4. Cấp phát thuốc tại khoa lâm sàng 5. Cấp phát cho người bệnh, bao gói khi cấp phát 6. Chống nhầm lẫn trong cấp phát thuốc KẾT LUẬN</p>	<p>2/0/4</p>	<p>Phân tích được hoạt động cấp phát thuốc tại khoa dược và khoa lâm sàng trong chu trình cấp phát thuốc</p>	<p>CLO1</p>	<p>1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận: <i>Phân biệt sự khác nhau giữa cấp nội trú và cấp thuốc ngoại trú</i></p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép 4. Thảo luận – phản biện – trả lời</p>	<p>Không</p>
	<p>BÀI 6: Công tác dược lâm sàng, thông tin thuốc và theo</p>	<p>2/0/4</p>	<p>Phân tích được công tác dược</p>	<p>CLO1 CLO2</p>	<p>1. Thuyết trình</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi</p>	<p>Không</p>

	đôi ADR của thuốc trong bệnh viện MỞ BÀI 1. Công tác dược lâm sàng 2. Thông tin thuốc 3. Tương tác thuốc và theo dõi tác dụng bất lợi của thuốc [3] KẾT LUẬN		lâm sàng, thông tin thuốc và theo dõi tương tác thuốc - tác dụng bất lợi của thuốc tại bệnh viện			động não 2. Suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép 4. Tự đọc [4]	hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép 4. Tự đọc [4]	
Buổi 4 (3tiết)	BÀI 7: Thống kê và lưu trữ tài liệu của khoa dược MỞ BÀI 1. Thống kê 2. Lưu trữ tài liệu KẾT LUẬN	3/0/6	Xác định được nội dung thống kê và lưu trữ tài liệu của khoa dược	CLOI	Thuyết trình Động não Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	Không	
Thi KTHP	Chấm tiểu luận	4,0 tiết						KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra: Không áp dụng thực hành đối với học phần này

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Bài 1: Lập kế hoạch cung ứng thuốc	8/0/0/8	1. Vận dụng được quản trị học vào lập kế hoạch cung ứng thuốc, vị thuốc	CLO2 CLO3	Máy tính Projector	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ -	Đánh giá cho điểm bài 1

Buổi 1 - 2 (8 tiết)	2. xây dựng được quy trình, thủ tục, điều kiện để triển khai thực hiện kế hoạch cung ứng thuốc, vị thuốc hiệu quả					thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 5. Thuyết trình slide, phân biện 6. Viết báo cáo	
Buổi 3 – (4 tiết)	Bài 3: Phân tích thuốc theo ABC/VEN 1. Phân tích danh mục thuốc đã sử dụng theo ABC 2. Phân tích và đánh giá danh mục thuốc đã sử dụng theo VEN 3. Đánh giá ma trận ABC/VEN	8/0/0/8	1. Phân tích được danh mục thuốc đã sử dụng theo ABC 2. Phân tích được danh mục thuốc đã sử dụng theo VEN 3. Đánh giá được danh mục thuốc đã sử dụng theo ABC/VEN 4. Thử nghiệm được phân tích danh mục thuốc được liệu, thuốc YHCT theo ABC/VEN	CLO1 CLO2 CLO3	Máy tính Projecter	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình, phân biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 2
Buổi 4 (4 tiết)	Bài 3: Lập kế hoạch cấp phát thuốc 1. Xây dựng kế	8/0/0/8	1. Thiết kế được kế hoạch và quy trình cấp phát thuốc 2. Thiết kế được kế hoạch và quy trình	CLO1 CLO2 CLO3	Máy tính Projecter	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành	Đánh giá cho điểm bài 3

Buổi 6 (4 tiết)	hoạch cấp phát thuốc 2. Xây dựng kế hoạch cấp phát vị thuốc		cấp phát vị thuốc 3 – Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng tới cấp phát thuốc và vị thuốc 4. Đề xuất được việc triển khai quy trình cấp phát thuốc hiệu quả			thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình, phản biện 6. Viết báo cáo	
Buổi 7 -8 (3 tiết)	Bài 4. Quản lý thông tin thuốc, vị thuốc trong bệnh viện	6/0/0/6	1. Xác định được các yếu tố ảnh hưởng tới tiếp nhận, xử lý và cung cấp thông tin thuốc, vị thuốc 2. Đánh giá được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến tiếp nhận, xử lý và cung cấp thông tin thuốc, vị thuốc	CLO1 CLO2 CLO3	Máy tính Projecter	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 4

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%		Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	
Lập luận	30%		Lập luận logic, đầy đủ	Lập luận chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức trình bày;	20%	CLO 1 CLO2	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	100%

Rubric 2 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra	Mức độ		
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	4.0-5.4 điểm
				5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm

1	Nội dung báo cáo	25%		học phần	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung môn chuyên đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung môn chuyên đúng, theo trích dẫn còn sai sót Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung môn đúng, theo trích dẫn còn sai sót Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic
2	Hình thức các slides	10%			<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết
3	Kỹ năng trình bày	25%			<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe chưa tốt 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe

4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ không chính xác - Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man
5	<p>Làm việc nhóm</p> <p>1. Thành viên nhóm</p> <p>2. Trưởng nhóm</p>	15%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ không chính xác - Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man

Rubric 3. Đánh giá bài tiểu luận

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	Chú n đầu	Mức độ chất lượng		Điểm	
				8.5 -10 điểm	6.5-8.4 điểm		4.0-6.4 điểm
				8.5 -10 điểm	6.5-8.4 điểm	4.0-6.4 điểm	0-3.9 Điểm

Nội dung	Đặt vấn đề	10%	<ul style="list-style-type: none"> - Ngắn gọn, rõ ràng - Phù hợp giữa mục tiêu và tên tiêu luận 	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được các mục tiêu phù hợp với tên tiêu luận và dài không quá 1,5 trang.	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được mục tiêu phù hợp tên tiêu luận và dài không quá 2 trang.	Viết chưa thật súc tích; dẫn dắt để đưa ra được mục tiêu tương đối phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.	Viết dài dòng, không rõ ràng; đưa ra mục tiêu không phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.
		20%	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hóa được thông tin liên quan + Về cơ sở lý luận + Về thực tiễn trong nước + Về thực tiễn ngoài nước 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung; hoặc - Cả 3 nội dung trình bày cơ bản đáp ứng yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu hai nội dung; hoặc - 2/3 nội dung trình bày không đáp ứng yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu nội dung; trình bày cả 3 nội dung đáp ứng yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung; hoặc - Cả hai nội dung không đáp ứng yêu cầu
	Phương pháp, phương tiện tiên hành và kết quả	20%	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp và phương tiện nghiên cứu (chiếm 20% độ dài tiêu luận) - Phù hợp với mục tiêu - Tương đối chính xác 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ và chính xác cả 2 nội dung: phù hợp với mục tiêu và tương đối chính xác 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ một nội dung và một nội dung đạt trên 50% yêu cầu; hoặc: - 2 nội dung đáp ứng trên 2/3 yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng mỗi nội dung trên 50% yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Không đáp ứng mục tiêu - Số liệu không phù hợp - Minh chứng thiếu - Nhận xét bàn luận không có hoặc sai
		20%	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả - Đáp ứng được mục tiêu - Trung thực, đáng tin cậy - Minh chứng rõ ràng, chính xác - Nhận xét, bàn luận 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng mục tiêu - Minh chứng thực nghiệm/khảo sát đủ - Nhận xét, bàn luận rõ ràng, logic 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng mục tiêu - Minh chứng thực nghiệm/khảo sát đủ - Số liệu sai lệch nhỏ ($\pm 0,2$) - Nhận xét, bàn luận chung 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng mục tiêu 50% - Số liệu sai lệch $\pm 0,5$ - Minh chứng đủ - Nhận xét, bàn luận chung 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng mục tiêu 50% - Số liệu sai lệch $\pm 0,5$ - Minh chứng đủ - Nhận xét, bàn luận chung
ra học phần	CLO1 CLO2						100%

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	0	Điểm chuyên cần/thảo luận nhóm/ bài tập lớn/	Không	0	-	-	-
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	04 bài	25%/bài	Rubric 1 Rubric 2	CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun lý thuyết	70%	Viết tiểu luận/thi tự luận	Điểm thi viết tiểu luận/thi tự luận	100%	Rubric 3	CLO1 CLO2	Theo kế hoạch của Bộ môn/Học viện

(Ghi chú: Hình thức thi kết thúc học phần có thể thay đổi trong các hình thức thi theo quy định của Học viện tùy tính hình thực tế)

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm chấm viết báo cáo tiểu luận

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược (2022), *Quản lý dược bệnh viện*, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam. Lưu hành nội bộ.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ Y tế (2007). *Quản lý và Kinh tế dược*, Nhà xuất bản Y học 2007

[2]. Luật Dược 2016, Nghị định 54/2017/NĐ-CP về hướng dẫn Luật dược, Nghị định 131/NĐ-CP năm 2020; các thông tư do Bộ Y tế ban hành còn hiệu lực

[3]. Bộ Y tế (2011), Thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ Y tế quy định tổ chức và hoạt động của khoa dược bệnh viện (trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>)

11. Hướng dẫn thực hiện

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho người học vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Người học thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Quyết
Nguyễn Văn Quyết

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Quyết
Nguyễn Văn Quyết

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: Ngày/tháng/năm.	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: Ngày/tháng/năm.	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
THỰC HÀNH TỐT TRỒNG TRỌT VÀ THU HÁI CÂY THUỐC**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: THỰC HÀNH TỐT TRỒNG TRỌT VÀ THU HÁI CÂY THUỐC
- * Tiếng Anh: Good Agricultural and Collection Practice for medicinal plants-GACP
- Mã học phần/ mô đun: 24336
- Số tín chỉ: 01 LT/ 01 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 30 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: 01 tiết
 - + Thời gian tự học: 54 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Thạc sĩ ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền (Định hướng nghiên cứu)
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết:
 - + Học phần học trước:
 - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Thực vật – Dược liệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Nguyễn Duy Thuần	0913328031	thuanhvdyd@gmail.com
2	PGS. TS. Phương Thiện Thương	0972872418	phuongthienthuong@yahoo.com

3	PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy	0984398989	huyhup2010@gmail.com
4	TS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	hien@dotochy.com
5	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	ducloi82@gmail.com
6	TS. Phùng Thanh Long	0988003031	longphung.31@gmail.com
7	TS. Trần Thị Phượng	0866653197	phuongtran24288@gmail.com
8	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0965765929	hiennguyen.duchoan@gmail.com
9	ThS. Nguyễn Phương Nhi	0986528142	nguyennhi212@gmail.com
10	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Phân tích được các lý do cần phải thực hiện và các khái niệm, nội dung GACP theo các nguyên tắc và tiêu chuẩn của WHO (GACP-WHO) và quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng và sơ chế một số cây dược liệu theo GACP-WHO.
MT2	Thiết kế được một nghiên cứu xây dựng tài liệu kỹ thuật GACP-WHO cho một cây thuốc cụ thể ở Việt Nam.
MT3	Xây dựng được kế hoạch triển khai một vùng trồng và sơ chế dược liệu theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn của GACP-WHO.
MT4	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1	2		
MT HP2		2	
MT HP3		2	
MT HP4			2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Phân tích được các lý do cần phải thực hiện và các khái niệm, nội dung GACP theo các nguyên tắc và tiêu chuẩn của WHO (GACP-WHO) và quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng và sơ chế một số cây dược liệu theo GACP-WHO.
CLO2	Thiết kế được một nghiên cứu xây dựng tài liệu kỹ thuật GACP-WHO cho một cây thuốc cụ thể ở Việt Nam.
CLO3	Xây dựng được kế hoạch triển khai một vùng trồng và sơ chế dược liệu theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn của GACP-WHO.
CLO4	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5
CLO 1			2	2	2
CLO 2			2	3	3
CLO 3			2	3	2
CLO 4			2	3	2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

6.1.2. Lâm sàng: không có

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Cơ sở trồng cây thuốc đạt tiêu chuẩn GACP-WHO

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, tự đọc giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc dành cho đối tượng Thạc sĩ Dược học ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền (Định hướng nghiên cứu) cung cấp cho người học các nội dung Đại cương về GACP; Các nguyên tắc, tiêu chuẩn của GACP-WHO gồm Thực hành tốt trồng trọt và Thực hành tốt thu hái từ hoang dã; Nghiên cứu xây dựng tài liệu kỹ thuật theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn của GACP-WHO; Tổ chức triển khai vùng trồng cây thuốc theo GACP-WHO.

Từ đó người học có thể vận dụng các kiến thức đã học để thiết kế được một nghiên cứu xây dựng tài liệu kỹ thuật GACP-WHO cho một cây thuốc cụ thể ở Việt Nam và xây dựng kế hoạch triển khai được một vùng trồng và sơ chế dược liệu theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn của GACP-WHO.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại cương về GACP- WHO 1. Sự cần thiết phải thực hiện GACP-WHO 2. Các khái niệm cơ bản 3. Hiện trạng triển khai GACP-WHO ở Việt Nam	2/0/2	Trình bày được đại cương GACP-WHO	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
	Các nguyên tắc, tiêu chuẩn của GACP-WHO 1. Thực hành trồng trọt tốt (GAP)	2/0/2	1. Phân tích được các nguyên tắc, tiêu chuẩn của Thực hành trồng trọt tốt (GAP)	CLO 1 CLO 4	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phán biện, nhận xét	
2	Các nguyên tắc, tiêu chuẩn của GACP-WHO (tiếp) 2. Thực hành thu hái tốt từ hoang dã (GCP) 3. Phán chung	2/0/2	1. Phân tích được các nguyên tắc, tiêu chuẩn của Thực hành thu hái tốt từ hoang dã (GCP) 2. Trình bày được các nguyên tắc, tiêu chuẩn của Phán chung GACP-WHO	CLO 1 CLO 4	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phán biện, nhận xét	
	Nghiên cứu xây dựng tài liệu kỹ thuật theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn của GACP-WHO 1. Thiết kế nghiên cứu	2/0/2	Phân tích được các nội dung nghiên cứu xây dựng tài liệu kỹ thuật theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn của GACP-WHO	CLO 1 CLO 4	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
3	2. Xây dựng các quy trình 3. Xây dựng các tài liệu và biểu mẫu Tổ chức triển khai vùng trồng cây thuốc theo GACP-WHO 1. Các bước triển khai 2. Thiết kế vùng trồng 3. Xây dựng cơ sở hạ tầng và mua sắm, lắp đặt trang thiết bị * 4. Đào tạo nhân sự * 5. Hồ sơ công bố GACP	4/0/4	Phân tích được các nội dung tổ chức triển khai vùng trồng cây thuốc theo GACP-WHO	CLO 1 CLO 4	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm Hướng dẫn tự đọc (phần *)	- Phân biện, nhận xét - Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phân biện, nhận xét - Tự đọc theo hướng dẫn (phần *)	
4	Quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng và sơ chế một số cây được liệt kê theo GACP-WHO.	3/0/3	Phân tích được quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng và sơ chế một số cây được liệt kê theo GACP-WHO.	CLO 1 CLO 4	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phân biện, nhận xét	
5	Kiểm tra	0/1/1		CLO 1	Kiểm tra tự luận ngắn kết hợp trắc nghiệm khách quan	Làm bài kiểm tra theo yêu cầu	Bài kiểm tra thường xuyên
6	Tiểu luận kết thúc học phần	0/0/8		CLO 1			

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1+2+3	Thực hành Thiết kế nghiên cứu xây dựng tài liệu kỹ thuật GACP-WHO	12/0/12	Thiết kế được một nghiên cứu xây dựng tài liệu kỹ thuật GACP-WHO cho một cây thuốc cụ thể ở Việt Nam.	CLO 2 CLO 4		1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành theo yêu cầu 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Tiến hành thực hành 4. Báo cáo kết quả thực hành	
4+5+6	Thực hành Xây dựng kế hoạch triển khai được một vùng trồng và sơ chế được liệu theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn của GACP-WHO.	12/0/12	Xây dựng được 01 kế hoạch triển khai một vùng trồng và sơ chế được liệu theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn của GACP-WHO.	CLO 3 CLO 4		1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành theo yêu cầu 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Tiến hành thực hành 4. Báo cáo kết quả thực hành	
7+8	Báo cáo thực hành	6 tiết		CLO 2 CLO 3 CLO 4		Báo cáo, thảo luận theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	Báo cáo theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1. Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Kết quả đúng, đầy đủ Lập luận logic	Kết quả đúng đến 85% Lập luận logic, chưa đầy đủ	Kết quả đúng đến 70% Có lập luận; chưa rõ logic	Kết quả đúng đến 55% Có lập luận; chưa logic	Kết quả đúng dưới 40% Lập luận sai, không lập luận
Lập luận	30%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bỏ cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bỏ cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bỏ cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả	Chữ viết xấu, khó đọc; Bỏ cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu trả; Không có bỏ cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;
Hình thức trình bày;	20%						

Rubric 2. Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO3	- Nội dung môn chuyên đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp	- Nội dung môn chuyên đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp	- Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp - Nội dung chưa theo hệ thống	Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp	

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung đúng hệ thống, logic Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chưa theo hệ thống, logic Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chưa theo hệ thống, logic Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng vượt thời lượng nhiều Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) 	<ul style="list-style-type: none"> Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) 	<ul style="list-style-type: none"> Trả lời còn nhiều chỗ nội dung không chính xác 	<ul style="list-style-type: none"> Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác 	<ul style="list-style-type: none"> Trả lời sai cơ bản nội dung, lan man

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	CLO4	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Ít chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 1. - Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên

Rubric 3. Thảo luận nhóm (không có slides đi kèm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	8,5 - 10 điểm	7,0 - 8,4 điểm	7,0 - 8,4 điểm	4,0 - 5,4 điểm	0 - 3,9 điểm
Thái độ tham gia	30	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tích cực tham gia thảo luận	Tham gia thảo luận mức độ vừa phải	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng thảo luận	30	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Trọng tâm, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Rubric 4. Đánh giá tiểu luận

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			
				8,5 - 10 điểm	7,0 - 8,4 điểm	5,0 - 6,9 điểm	0 - 4,9 điểm
Đặt vấn đề	<ul style="list-style-type: none"> - Ngắn gọn, rõ ràng - Phù hợp giữa mục tiêu và tên tiểu luận 	10%	CLO 1 CLO 2	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được các mục tiêu phù hợp với tên tiểu luận và dài không quá 1,5 trang.	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt tương đối tốt để đưa ra được mục tiêu phù hợp tên tiểu luận và dài không quá 2 trang.	Viết chưa thật súc tích; dẫn dắt để đưa ra được mục tiêu tương đối phù hợp tên tiểu luận và dài quá 2 trang.	Viết dài dòng, không rõ ràng; đưa ra mục tiêu không phù hợp tên tiểu luận và dài quá 2 trang.
Tổng quan tài liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hóa được thông tin liên quan trọng: + Về cơ sở lý luận + Về thực tiễn trong nước + Về thực tiễn ngoài nước 	20%		Đáp ứng yêu cầu đầy đủ cả 3 nội dung về cơ sở lý luận, thực tiễn trong nước và nước ngoài	Thiếu 1 nội dung hoặc - Cả 3 nội dung trình bày cơ bản đáp ứng yêu cầu	Trình bày cả 3 nội dung đáp ứng yêu cầu	Thiếu hai nội dung hoặc - 2/3 nội dung trình bày không đáp ứng yêu cầu

Tiêu chí		Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			
					8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
Phương pháp, phương tiện tiến hành và kết quả	Phương pháp và phương tiện nghiên cứu	Phương pháp và phương tiện nghiên cứu	20%	Đáp ứng đầy đủ và chính xác cả 4 nội dung: phù hợp với mục tiêu và tương đối chính xác	Đáp ứng đầy đủ một nội dung và một nội dung đạt trên 50% yêu cầu; hoặc	Đáp ứng mỗi nội dung trên 50% yêu cầu	Thiếu 1 nội dung hoặc	0 – 4,9 điểm
	- Phù hợp với mục tiêu	- Tương đối chính xác	- Đáp ứng 4 nội dung đầy đủ; hoặc		- 2 nội dung đáp ứng trên 2/3 yêu cầu	Đáp ứng ít nhất 2 nội dung và các nội dung còn lại đạt yêu cầu	- Cả hai nội dung không đáp ứng yêu cầu	
Kết luận và đề xuất	Kết quả	Kết quả	20%	Đáp ứng cả 4 nội dung đầy đủ và chính xác	Đáp ứng 4 nội dung đầy đủ; hoặc	Đáp ứng ít nhất 2 nội dung và các nội dung còn lại đạt yêu cầu	- Từ 3/4 nội dung không đạt yêu cầu; hoặc	
	- Đáp ứng được mục tiêu	- Trung thực, đáng tin cậy	- Minh chứng rõ ràng, chính xác		- cả 4 nội dung đều đạt trong đó 3 nội dung đạt trên 75%		- Thiếu 2 nội dung	
Tài liệu tham khảo	- Thâu tóm được nội dung	- Thâu tóm được nội dung	10%	Thâu tóm được nội dung yêu cầu đầy đủ và chính xác và có đề xuất xác đáng	Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và tiêu chí còn lại đạt trên 50% hoặc	Cả 2 nội dung đáp ứng yêu cầu trên 50%	- Thiếu 1 nội dung hoặc	
	- Đề xuất đúng vấn đề	- Đề xuất đúng vấn đề	- cả 2 tiêu chí đáp ứng trên 70%			- Cả 2 nội dung không đạt yêu cầu		
Tài liệu tham khảo	- Trích dẫn đủ, đúng quy định	- Trích dẫn đủ, đúng quy định	10%	Viết tài liệu tham khảo đúng quy định; Trích dẫn đủ số tài liệu > 20, trích dẫn đúng quy định về	Trích dẫn đúng quy định trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 10-20	Trích dẫn có trên 3 lỗi không đúng quy định, trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và	- Mắc nhiều lỗi trích dẫn sai quy định, viết tài liệu tham khảo sai quy định	
	- Viết tài liệu tham khảo đúng quy định	- Viết tài liệu tham khảo đúng quy định						

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài 			<p>cách viết và vào phần nội dung tiêu chí, có cả tài liệu trong nước và nước ngoài</p>		ngoài nước với số lượng 5-9 hoặc chỉ có tài liệu trong nước hoặc nước ngoài	hoặc số tài liệu tham khảo quá ít (<5)
Trình bày	<ul style="list-style-type: none"> - Format đúng quy định - Bảng biểu rõ ràng, chính xác - Lỗi chính tả: 	10%		<p>Đúng và chính xác các nội dung yêu cầu</p>	<p>Format đúng quy định, 2/3 số Bảng biểu rõ ràng, chính xác, lỗi chính tả 5-10</p>	<p>Format một vài chỗ chưa đúng quy định,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiều Bảng biểu rối mắt khó hiểu hoặc vẽ sai 	<ul style="list-style-type: none"> - Format > 5 chỗ chưa đúng quy định, - Nhiều Bảng biểu rối mắt khó hiểu hoặc vẽ sai - Lỗi chính tả > 20

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1 Rubric 3	CLO1	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	Báo cáo thực hành	100%	Rubric 1 Rubric 2	CLO2 CLO3 CLO4	Theo KH bài giảng
Điểm kết thúc học phần	60%	Tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Rubric 4	CLO1	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm tiểu luận kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết = điểm tiểu luận kết thúc học phần

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng = điểm báo cáo phần thực hành

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ Y tế (2019), *Thông tư 19/2019/TT-BYT Quy định thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên*

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Viện Dược liệu (2023), *Quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng và sơ chế một số cây dược liệu theo GACP-WHO*, NXB. Nông nghiệp, NXB. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

[2]. WHO (2003), *WHO guidelines on Good Agricultural and Collection Practices (GACP) for medicinal plants*, Geneva, Switzerland.

11. Hướng dẫn thực hiện

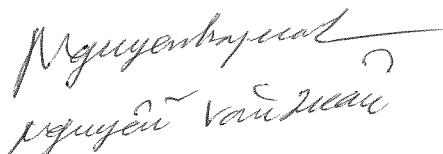
- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024

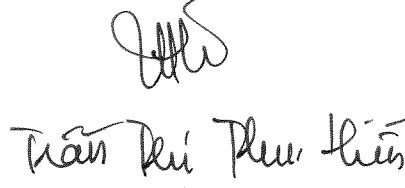
TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Mạnh

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Thị Thu Hiền

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Sử dụng thuốc cổ truyền điều trị một số bệnh thường gặp

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ, Ngành: Dược liệu-DHCT. Mã số đào tạo: 8720206

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Sử dụng thuốc cổ truyền điều trị một số bệnh thường gặp

* Tiếng Anh: Using traditional Pharmacy to treat some common disease

- Mã học phần: 24337

- Số tín chỉ: 3TC trong đó: LT 2; TH: 1 TC

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành: 15 tiết

+ Bài tập:..... tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm:tiết

+ Kiểm tra:.....tiết

+ Thời gian tự học:tiết

- Đối tượng học (năm thứ): DSCKI

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Tài nguyên cây thuốc, Sử dụng thuốc cổ truyền và dược

liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	Ducloi82@gmail.com
2	TS. Phùng Thanh Long	0988003031	ptlong@gmail.com
3	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lethuhadhn2906@gmail.com
4	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com
5	Các Giảng viên mời giảng theo nhu cầu của Bộ môn (PGS.TS. Trần Thị Thu Vân, PGS.TS. Đoàn Minh Thụy, TS. Nguyễn Tiến Chung...)		

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

MT kiến thức:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về bệnh nội tiết, tiêu hóa, cơ xương khớp, hô hấp theo nguyên tắc YHCT.

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về thuốc cổ truyền điều trị bệnh nội tiết, tiêu hóa, cơ xương khớp, hô hấp theo nguyên tắc YHCT.

MT Kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Xác định được chỉ tiêu đánh giá bệnh.

- Xác định được thuốc cổ truyền thường dùng trong điều trị bệnh nội tiết, tiêu hóa, cơ xương khớp, hô hấp theo nguyên tắc YHCT.

- Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược học cổ truyền nói chung và bào chế một số dạng thuốc YHCT nói riêng.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
-------------	-----------------------

CLO1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về về bệnh nội tiết, tiêu hóa, cơ xương khớp, hô hấp theo nguyên tắc YHCT.
CLO2	Trình bày được các kiến thức cơ bản về thuốc cổ truyền điều trị bệnh nội tiết, tiêu hóa, cơ xương khớp, hô hấp theo nguyên tắc YHCT.
CLO3	Xác định được chỉ tiêu đánh giá bệnh các bệnh trên.
CLO4	Xác định được thuốc cổ truyền thường dùng trong điều trị bệnh nội tiết, tiêu hóa, cơ xương khớp, hô hấp theo nguyên tắc YHCT.
CLO5	Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược học cổ truyền nói chung và bào chế các dạng thuốc YHCT nói riêng.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	Ghi chú
CLO 1			3			Không đóng góp cho các PLO khác
CLO 2				3		
CLO 3				3		
CLO 4			3	3		
CLO 5					3	

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết:

VD: Máy chiếu, loa, mic, bảng, ...

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy vi tính/laptop, máy chiếu, loa, mic, phần mềm giảng online
2	Các thuốc cổ truyền thường dùng điều trị bệnh nội tiết, tiêu hóa, hô hấp, xương khớp.

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Dự lớp: theo quy định chung của Học viện
- Bài tập: chuẩn bị ở nhà
- Tự học: có thời gian học viên tự học tập nghiên cứu tài liệu.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: theo quy định chung của Học viện

7. Mô tả chung học phần

Học phần dành cho đối tượng DS sau đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành DL-DHCT, cung cấp cho người học các nội dung về các bệnh nội tiết, tiêu hóa, hô hấp, xương khớp và các thuốc cổ truyền điều trị các bệnh này. Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại được các nhóm thuốc và vị thuốc, dạng thuốc cổ truyền điều trị các bệnh trên, có kỹ năng sử dụng các vị thuốc, một số dạng thuốc cổ truyền trong điều trị các bệnh trên.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
----------------------------------	--	-------------------------------	---	---	-------------------------------	----------------------------	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tuần 1	I. Đặc điểm bệnh nội tiết, tiêu hóa, cơ xương khớp, hô hấp	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	Bài kiểm tra giữa kỳ
Tuần 2	II. Các chỉ tiêu đánh giá các bệnh trên	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 3	III. Các thuốc cổ truyền điều trị bệnh nội tiết	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 4	IV. Các thuốc cổ truyền điều trị bệnh tiêu hóa	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 5	IV. Các thuốc cổ truyền điều trị bệnh cơ xương khớp, hô hấp	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng
-----------------------------------	---	--------------------------------------	-------------------------------------	---	--	----------------------------	-------------------------	---

								8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tuần 2	Bài 1: Xác định các chỉ tiêu đánh giá bệnh nội tiết, tiêu hóa, cơ xương khớp, hô hấp	2	CLO 3,4	5	Mục 2	Trao đổi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	Đánh giá kết quả các bài thực hành
Tuần 3	Bài 2: Thuốc cổ truyền trong điều trị bệnh nội tiết	2	CLO 3,4	5	Mục 3	Trao đổi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	
Tuần 4	Bài 3: Thuốc cổ truyền trong điều trị bệnh tiêu hóa	2	CLO 3,4	5	Mục 4	Trao đổi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	
Tuần 5	Bài 4: Thuốc cổ truyền trong điều trị bệnh cơ xương khớp	2	CLO 3,4	5	Mục 5	Trao đổi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	
Tuần	Bài 5:	5	CLO 3,4,	5	Mục 5	Trao	Thực	

6	Thuốc cổ truyền trong điều trị bệnh hô hấp		5			đổi/hướng dẫn	hành/thảo luận nhóm/báo cáo	
---	--	--	---	--	--	---------------	-----------------------------	--

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/LS/KT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, lâm sàng, bài tập, thảo luận, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự >90% buổi học	Tham dự 80-90% buổi học	Tham dự 70-80% buổi học	Tham dự <70% buổi học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Chuyên cần	CLO 5	10%	Đến đúng giờ quy định ----- Đến muộn trên 15 phút				
Chuẩn bị lý thuyết	CLO 2,3	20%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 50% số câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% số câu hỏi	

Thao tác thí nghiệm và xử lý số liệu	CLO 4	50%	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu tốt	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu khá	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm nhưng xử lý số liệu chưa đúng	Thực hiện không đúng quy trình thí nghiệm, xử lý số liệu sai
Kết quả TN và trả lời câu hỏi	CLO 4, 5	20%	Kết quả TN đúng và trả lời đúng các câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 70% số câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 50% số câu hỏi	Kết quả TN sai hoặc trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi
ĐIỂM TỔNG						

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi 10 – 8.5	Khá 8.4 – 7.0	Trung bình 6.9 – 5.0	Yếu 4.9 – 0.0	
Hình thức	CLO 3, 4, 5	10%	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định	-----		Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định	
Bố cục	CLO 3, 4, 5	10%	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic	-----		Không theo quy định, không lô-gic	
Tài liệu tham khảo	CLO 3, 4	10%	Phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức	-----		Rất ít TLTK, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức	
Nội dung chính 1:	CLO 3, 4	30%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Nội dung chính 2:	CLO 3, 4	20%					
Nội dung chính 3:	CLO 3, 4	20%					
ĐIỂM TỔNG							

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CĐR của học phần (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	10 + 60	Điểm chuyên cần		10%		CLO5	
		Điểm thảo luận nhóm, bài tập lớn,					

						
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...		60%		CLO 1,2,3	
Thực hành	30	Điểm chuyên cần					
		Điểm bài thực hành		30%		CLO 3,4,5	

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Tên Chủ đề (nội dung, chương...)	Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
				Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
		TNKQ	TNKQ	TNKQ	TNKQ	
Chủ đề 1: Đặc điểm bệnh nội tiết, tiêu hóa, cơ xương khớp, hô hấp		Chuẩn KT, KN cần kiểm tra (Ch)				
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 20 Số điểm:	Số câu 28 Số điểm	Số câu: 27 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 75 ... điểm=.16.66%	
Chủ đề 2: Các chỉ tiêu đánh giá các bệnh trên						
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 41 Số điểm	Số câu: 108 Số điểm	Số câu: 40 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 189 ... điểm=.36,67..%	
Chủ đề 3: Các thuốc cổ truyền thường dùng điều trị các bệnh nội tiết, tiêu hóa						
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 51 Số điểm	Số câu 107 Số điểm	Số câu: 43 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 201 ... điểm=36,67%	
Chủ đề 4: Các thuốc cổ truyền thường dùng điều trị các bệnh cơ xương						

khớp, hô hấp					
Số câu	Số câu: 16	Số câu: 24	Số câu: 11	Số câu	Số câu: 51
Số điểm Tỷ lệ %	Số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm	... điểm = 10,0%
Tổng số câu	Số câu: 161	Số câu: 235	Số câu: 120		Số câu: 516
Tổng số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm		Số điểm
Tỷ lệ %	15 %	70 %	15 %		

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Y tế (2010), *Một số chuyên đề thuốc cổ truyền*, NXB Y học, Hà Nội
2. Bộ Y tế (2014), *Dược học cổ truyền* – Sách đào tạo Dược sỹ đại học, NXB Y học, Hà Nội
3. Bộ môn Dược học cổ truyền – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam – *Thực hành Dược cổ truyền* – Tài liệu lưu hành nội bộ.
4. Vũ Đức Lợi (2017), *Thực hành thực vật, dược liệu, dược cổ truyền*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Đỗ Tất Lợi (2005), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học
2. Nguyễn Trung Hòa (2009), *Đông y toàn tập*, NXB Thuận Hóa
3. Phan Văn Chiêu (2009), *Đông Nam Dược Nghiệm phương*, NXB Thuận Hóa
4. Phạm Xuân Sinh (2010), *Một số chuyên đề thuốc cổ truyền*, NXB Y học
5. Viện Y học cổ truyền Việt Nam (1993), *Phương pháp bào chế và sử dụng đông dược*, NXB Y học, Hà Nội
6. Viện trung y Bắc Kinh (1998), *Phương tế học giảng nghĩa*, NXB Y học (TS. Dương Trọng Hiếu dịch)
7. Thuốc cổ truyền trong điều trị bệnh nội tiết, tiêu hóa, cơ xương khớp, hô hấp (TL lưu hành nội bộ)

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024.

PHỤ TRÁCH KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Văn Quân



PGS.TS. Vũ Đức Lợi

13. Tiến trình cập nhật đề cương

<p>Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i></p>	<p>Người cập nhật</p>
<p>Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i></p>	<p>Người cập nhật</p>

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
THỰC HÀNH TỐT TRONG KINH DOANH THUỐC CÓ NGUỒN GỐC TỪ DƯỢC
LIỆU

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ Ngành: Dược liệu – Dược học cổ truyền

Mã số đào tạo: 8720206

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Thực hành tốt trong kinh doanh thuốc có nguồn gốc từ dược liệu

* Tiếng Anh: Good practices in business of herbal medicine.

- Mã học phần/ mô đun: PHAR

- Số tín chỉ: 4 (2,0 LT/2,0 TH)

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 200 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 60 tiết

+ Thời gian tự học: 110 tiết

- Đối tượng học : Cao học

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Pháp chế Dược, Quản lý và kinh tế dược

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Nguyễn Văn Quân	0975399782	quanphuongduoc@gmail.com
2	ThS Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com
3	ThS Nguyễn Thị Thom	0336011685	ntthom196@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Trang bị kiến thức cho sinh viên về các GPs trên cơ sở qui định của pháp luật, văn bản chuyên môn; người học hiểu và nắm được những nội dung cơ bản của GMP, GSP, GPP, GLP, GDP, GACP. Ngoài ra, học phần này sẽ cung cấp các kiến thức liên quan đến marketing thuốc nguồn gốc từ dược liệu.

Cụ thể:

MT1. Vận dụng được các nội dung của GPs vào hoạt động nghề nghiệp tại các tổ chức sản xuất, cung ứng và sử dụng thuốc

MT2. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đảm bảo chất toàn diện lượng thuốc

MT3: Thực hiện được việc đưa những hoạt động cung ứng và hoạt động marketing cụ thể cho một thuốc nguồn gốc từ dược liệu.

MT4. Áp dụng được những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, thực

Có trách nhiệm làm việc nhóm, phản biện, chủ động và trách nhiệm khi thực hiện GPs và marketing thuốc thảo dược.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Hiểu được các nội dung của GLP, GSP, GDP, GPP
CLO2	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng tới tồn trữ, kiểm nghiệm, lưu thông thuốc, dược liệu khô và dụng cụ y tế

CLO3	Phân tích được các qui định của GMP liên quan đến nhà xưởng, thiết bị, nhân sự, hồ sơ và qui trình trong quá trình sản xuất và bảo quản thuốc tại nhà máy sản xuất dược phẩm.
CLO4	Nhận diện được về các mô hình tổ chức và quản lý nhà nước về dược; các mô hình công ty, sản xuất kinh doanh thuốc; mô hình quản lý chất lượng thuốc liên quan đến hoạt động nghề nghiệp
CLO5	Có được kiến thức về marketing và marketing dược, nguồn lực marketing, quản trị kế hoạch marketing, các đặc trưng của thuốc nguồn gốc từ dược liệu và thị trường thuốc nguồn gốc dược liệu để xây dựng chiến lược marketing sản phẩm thuốc có nguồn gốc dược liệu

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5
CLO 1	2		2		2
CLO 2	1		2		2
CLO3					
CLO 4			2		2
CLO 5			2		2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Không

6.1.3. Thực hành: Hình thức thảo luận, viết bài tập, đánh giá tình huống.

6.2. Yêu cầu đối với người học

- Người học phải có giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy.

- Người học phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, tài liệu giảng dạy, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Người học có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thảo luận, thực hành.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình, tài liệu giảng dạy và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho bài tiểu luận lấy điểm thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Mặt khác, học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về marketing thuốc có nguồn gốc từ dược liệu, quản lý thuốc có nguồn gốc dược liệu, đặc điểm triết học của thuốc dược liệu từ đó đưa ra các giải pháp ứng dụng trong thực hiện các chính sách marketing thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền. Khai thác những đặc trưng của marketing thuốc có nguồn gốc dược liệu để phân biệt với marketing thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/K T/ Tự học)	CDR của bài học (chương) / chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1. NGUYÊN TẮC “THỰC HÀNH TỐT SẢN XUẤT THUỐC” (GMP)	3	Phân tích được nguyên tắc Thực hành tốt sản xuất thuốc	CLO1 CLO3	1. Thuyết trình 2. Động não	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. Suy nghĩ - trả lời	
2	Bài 2. NGUYÊN TẮC “THỰC HÀNH TỐT PHÒNG KIỂM NGHIỆM THUỐC” (GLP)	3	Phân tích được về nguyên tắc Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
3	Bài 3. NGUYÊN TẮC “THỰC HÀNH TỐT BẢO QUẢN THUỐC” (GSP)	3	Phân tích được về nguyên tắc Thực hành tốt bảo quản thuốc	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời	

4	<p>Bài 4. NGUYỄN TÁC “THỰC HÀNH TỐT PHÂN PHỐI THUỐC” (GDP)</p>	3	<p>Phân tích được nguyên tắc Thực hành tốt phân phối thuốc</p>	<p>CLO1 CLO2</p>	<p>1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
5	<p>Bài 5. NGUYỄN TÁC “THỰC HÀNH TỐT NHÀ THUỐC” (GPP)</p>	3	<p>Phân tích được nguyên tắc Thực hành tốt nhà thuốc</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3</p>	<p>1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận: <i>Phân biệt sự khác nhau giữa cấp nội trú và cấp thuốc ngoại trú</i></p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép 4. Thảo luận – phản biện – trả lời</p>	

6	<p>Bài 6: Nguyên tắc “thực hành tốt nuôi trồng, thu hái được liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác được liệu tự nhiên” (gacp)</p> <p>3</p>	Phân tích được nguyên tắc Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái được liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác được liệu tự nhiên		1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn phân tự đọc	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép 4. Tự đọc
7	<p>Bài 7: Marketing và Marketing Được MỞ BÀI</p> <p>1. Đại cương marketing và marketing được</p> <p>2. Các nguồn lực marketing</p> <p>3. Quản trị marketing</p> <p>3.1. Các phân tích quản trị</p> <p>3.2. Các yếu tố trong quản trị doanh nghiệp ảnh hưởng tới marketing</p> <p>3.3. Xây dựng kế hoạch marketing</p> <p>KẾT LUẬN</p> <p>2</p>	Phân tích được marketing và marketing được	CLO4 CLO5	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn phân tự đọc [3.3]	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép 4. Tự đọc [3.3]

<p>8</p>	<p>Bài 8: THUỐC NGUỒN GỐC DƯỢC LIỆU MỞ BÀI</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đặc điểm 2. Các nhóm thuốc từ dược liệu 3. Thị trường dược liệu và thuốc dược liệu 4. Thuốc cổ truyền <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Quan điểm triết học 4.2. Quản lý nhà nước về Thuốc cổ truyền và thuốc dược liệu <p>KẾT LUẬN</p>	<p>4</p>	<p>Phân tích được thuốc có nguồn gốc dược liệu</p>	<p>CLO1 CLO4 CLO5</p>	<p>1. Thuyết trình</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn phân tự đọc [2] 	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép 4. Tự đọc [2] 	<p>Kiểm tra định kỳ + Hình thức: Tự luận, tham gia thảo luận, kiểm tra 45 phút, nộp bài tập lớn + Thời điểm: (sau khi kết thúc chương 2) + Hệ số 2</p>
<p>9</p>	<p>Bài 9: PHÁT TRIỂN CÁC CHÍNH SÁCH MARKETING TRONG KINH DOANH THUỐC NGUỒN GỐC DƯỢC LIỆU MỞ BÀI</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chính sách sản phẩm 2. Chính sách giá 3. Chính sách phân phối 4. Chính sách xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh 4.1. Quảng cáo 5. Các chính sách khác 6. Phân biệt marketing thuốc có nguồn gốc dược 	<p>4</p>	<p>Phân tích được các chính sách marketing trong kinh doanh thuốc nguồn gốc từ dược liệu</p>	<p>CLO4 CLO5</p>	<p>1. Thuyết trình</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn phân tự đọc [5] 	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép 4. Tự đọc [5] 	<p>Kiểm tra định kỳ + Hình thức: Tự luận, tham gia thảo luận, kiểm tra 45 phút, nộp bài tập lớn + Thời điểm: (sau khi kết thúc chương 2) + Hệ số 2</p>

	liệu với marketing thực phẩm bảo vệ sức khỏe. KẾT LUẬN							
10	Bài 10: ĐO LƯỜNG KẾT QUẢ MARKETING MỞ BÀI 1. Các chỉ báo đo lường 2. Công cụ đo lường 3. Phương pháp đo lường 4. Hiệu quả của marketing KẾT LUẬN	Đo lường được kết quả marketing	CLO4 CLO5	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn phân tự đọc [3]	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép 4. Tự đọc [4]			

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sáng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sáng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết TH/LS/ KT/ Tự học	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của người học	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

1	Xây dựng hồ sơ sản xuất tốt thuốc viên nguồn gốc được liệu	4	Triển khai xây dựng được hồ sơ sản xuất tốt thuốc viên nguồn gốc được liệu	CLO1, CLO3	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	1. Thuyết trình ngắn gọn và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Ván đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 1
2	Xây dựng hồ sơ thực hành tốt sản xuất thuốc nước nguồn gốc được liệu	4	Triển khai xây dựng được hồ sơ sản xuất tốt thuốc nước nguồn gốc được liệu	CLO1 CLO3	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	1. Thuyết trình ngắn gọn và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Ván đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 2
3	Xây dựng hồ sơ máy móc liên quan tới thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc	4	Triển khai xây dựng được hồ sơ máy móc liên quan tới kiểm nghiệm tốt	CLO1, CLO2	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	1. Thuyết trình ngắn gọn và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình	Đánh giá cho điểm bài 3

4	Xây dựng hồ sơ kỹ thuật liên quan tới thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc viên	4	Triển khai xây dựng được hồ sơ kỹ thuật liên quan tới kiểm nghiệm thuốc viên nguồn gốc dược liệu	CLO1, CLO2	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Ván đáp	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Ván đáp	huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 4
5	Thực hành tốt tồn trữ thuốc tại khoa dược bệnh viện	4	Đánh giá được hiệu quả sắp xếp thuốc trong thực hành tốt tồn trữ bảo quản thuốc tại khoa dược	CLO1, CLO3	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Ván đáp	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Ván đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 5

6	Biệt trừ thuốc	4	Đánh giá được hiệu quả biệt trừ thuốc trong tồn trữ thuốc	CLO1 CLO3	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 6
7	Xử lý các tình huống trong thực hành tốt phân phối thuốc nguồn gốc được liệu	4	Xử lý một số tình huống trong thực hành tốt trong phân phối thuốc nguồn gốc được liệu	CLO1 CLO2	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phản biện 6. Đóng vai khách hàng 7. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 7
8	Phân tích chi phí ảnh hưởng tới thực hành tốt nhà thuốc có	4	Phân tích được các chi phí ảnh hưởng tới vận	CLO1 CLO2	Máy chiếu, máy tính,	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời	Đánh giá cho điểm bài 8

9	kinh doanh thuốc nguồn gốc được liệu	Bài 7: Lập kế hoạch marketing	4		hành của nhà thuốc GPP	CLO4 CLO5		phần, bảng	thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	3. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 5. Thuyết trình slide, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 9
10	Bài 8: Phân tích SWOT, SMART trong marketing 1 thuốc nguồn gốc được liệu	Phân tích được một kết quả từ sản phẩm nguồn gốc được liệu thực tiễn trong vận dụng Phân tích SWOT, SMART	4	CLO4 CLO5		Máy chiếu, máy tính, phần, bảng	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 10			

11	Bài 10: Phân tích 3C, 7S trong marketing 1 thuốc nguồn gốc được liệu	4	Phân tích được một kết quả từ sản phẩm nguồn gốc được liệu thực tiễn trong vận dụng Phân tích 3C, 7S	CLO4 CLO5	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 11
12	Bài 11: Phân tích PEST trong marketing 1 thuốc nguồn gốc được liệu	4	Phân tích được một kết quả từ sản phẩm nguồn gốc được liệu thực tiễn trong vận dụng Phân tích PEST	CLO4 CLO5	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 12
13	Bài 13: Phân tích cách thức quảng cáo nhóm thuốc nguồn gốc được liệu trên VTV	4	Đánh giá được hiệu quả của các phương pháp quảng cáo thuốc nguồn gốc được	CLO4 CLO5	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình	Đánh giá cho điểm bài 13

14	Bài 14: Thương mại điện tử ứng dụng trong marketing thuốc nguồn gốc được liệt	4	liệu trên VTV hiệu quả	CLO4 CLO5	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp Phòng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết quả trình bày	huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phản biện 6. Viết báo cáo 1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phản biện 6. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 14
15	Bài tổng hợp	4	Khái quát các bài	CLO1 - CLO12	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	Phòng vấn, kiểm tra, kết quả trình bày		Đánh giá cho điểm bài 15

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO2	Kết quả đúng, đầy đủ Lập luận logic	Kết quả đúng đến 85% Lập luận logic, chưa đầy đủ	Kết quả đúng đến 70% Có lập luận; chưa rõ logic	Kết quả đúng đến 55% Có lập luận; chưa logic	Kết quả đúng dưới 40% Lập luận sai, không lập luận	100%
Hình thức trình bày;	30%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bỏ cục chệch, mạch lạc; Không chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bỏ cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bỏ cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bỏ cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	
	20%							

Rubric 2 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	- Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng	- Nội dung môn chuyên môn đúng, theo đúng dẫn	- Nội dung môn chuyên môn trích dẫn còn sai sót	Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp	Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp	

				CLO2 CLO3	đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung đúng hệ thống, logic	đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic	- Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic	- Nội dung chưa theo hệ thống logic
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung đúng hệ thống, logic	đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic	đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic	- Nội dung chưa theo hệ thống logic	- Nội dung chưa theo hệ thống logic
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung đúng hệ thống, logic	đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic	đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic	- Nội dung chưa theo hệ thống logic	- Nội dung chưa theo hệ thống logic
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung đúng hệ thống, logic	đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic	đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic	- Nội dung chưa theo hệ thống logic	- Nội dung chưa theo hệ thống logic

					- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề	- Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề	- Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề	
					- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề	- Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề	- Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề	
					- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề	- Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề	- Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề	
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	CLO3	15%	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	

Rubric 3. Đánh giá bài tiểu luận

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ chất lượng			Điểm
				8.5 - 10 điểm	6.5-8.4 điểm	4.0-6.4 điểm	
Nội dung	- Ngắn gọn, rõ ràng	10%	CLO1	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt	Viết chưa thật súc tích; dẫn dắt	Viết dài dòng, không rõ ràng;
Đặt vấn đề				Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt	Viết chưa thật súc tích; dẫn dắt	Viết dài dòng, không rõ ràng;
				8.5 - 10 điểm	6.5-8.4 điểm	4.0-6.4 điểm	0-3.9 Điểm

	<ul style="list-style-type: none"> - Không thấu tóm được nội dung - Đề xuất chung chung hoặc sai 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm được nội dung, tích cực - Đề xuất chung chung 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm được nội dung hạn chế, tồn tại - Đề xuất được khác phục tồn tại, hạn chế 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ nội dung - Đề xuất đúng khác phục tồn tại, hạn chế 		<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm được nội dung - Đề xuất đúng vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ, đúng quy định - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định - Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ, đúng quy định - Tài liệu tham khảo
	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm được nội dung tích cực - Đề xuất chung chung 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm được nội dung hạn chế, tồn tại - Đề xuất được khác phục tồn tại, hạn chế 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ nội dung - Đề xuất đúng khác phục tồn tại, hạn chế 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ nội dung - Đề xuất đúng khác phục tồn tại, hạn chế 	<p>10%</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ, đúng quy định - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định - Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ, đúng quy định - Tài liệu tham khảo 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ, đúng quy định - Tài liệu tham khảo
	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm được nội dung tích cực - Đề xuất chung chung 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm được nội dung hạn chế, tồn tại - Đề xuất được khác phục tồn tại, hạn chế 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ nội dung - Đề xuất đúng khác phục tồn tại, hạn chế 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ nội dung - Đề xuất đúng khác phục tồn tại, hạn chế 	<p>10%</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ, đúng quy định - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định - Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ, đúng quy định - Tài liệu tham khảo 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ, đúng quy định - Tài liệu tham khảo
	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm được nội dung tích cực - Đề xuất chung chung 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm được nội dung hạn chế, tồn tại - Đề xuất được khác phục tồn tại, hạn chế 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ nội dung - Đề xuất đúng khác phục tồn tại, hạn chế 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ nội dung - Đề xuất đúng khác phục tồn tại, hạn chế 	<p>10%</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ, đúng quy định - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định - Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ, đúng quy định - Tài liệu tham khảo 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ, đúng quy định - Tài liệu tham khảo
	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm được nội dung tích cực - Đề xuất chung chung 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm được nội dung hạn chế, tồn tại - Đề xuất được khác phục tồn tại, hạn chế 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ nội dung - Đề xuất đúng khác phục tồn tại, hạn chế 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ nội dung - Đề xuất đúng khác phục tồn tại, hạn chế 	<p>10%</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ, đúng quy định - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định - Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ, đúng quy định - Tài liệu tham khảo 	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm đủ, đúng quy định - Tài liệu tham khảo

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	0	Điểm chuyên cần/thảo luận nhóm/bài tập lớn/	Không	0	-	-	-
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	04 bài	25%/bài	Rubric 1 Rubric 2	CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun lý thuyết	70%	Viết tiểu luận/thi tự luận	Điểm thi viết tiểu luận/thi tự luận	100%	Rubric 3	CLO1 CLO2	Theo kế hoạch của môn/Học viện

(Ghi chú: Hình thức thi kết thúc học phần có thể thay đổi trong các hình thức thi theo quy định của Học viện tùy tình hình thực tế)

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm chấm viết báo cáo tiểu luận

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược (2022), *Quản lý dược bệnh viện*, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam. Lưu hành nội bộ.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ Y tế (2007). *Quản lý và Kinh tế dược*, Nhà xuất bản Y học 2007

[2]. Luật Dược 2016, Nghị định 54/2017/NĐ-CP về hướng dẫn Luật dược, Nghị định 131/NĐ-CP năm 2020; các thông tư do Bộ Y tế ban hành còn hiệu lực

[3]. Bộ Y tế (2011), Thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ Y tế quy định tổ chức và hoạt động của khoa dược bệnh viện (trong trang website <https://thuvienphapluat.vn/>)

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho người học vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Người học thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt


Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024


BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Tuấn


Nguyễn Văn Tuấn

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
HƯƠNG LIỆU VÀ MỸ PHẨM NGUỒN GỐC DƯỢC LIỆU**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: HƯƠNG LIỆU VÀ MỸ PHẨM NGUỒN GỐC DƯỢC LIỆU
- * Tiếng Anh: Flavours and cosmetics from medical materials
- Mã học phần/ mô đun: 24339
- Số tín chỉ: 02 LT/ 02 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 200 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 60 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: 02 tiết
 - + Thời gian tự học: 108 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Thạc sĩ ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền (Định hướng nghiên cứu)
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết:
 - + Học phần học trước:
 - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Thực vật – Dược liệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Nguyễn Duy Thuần	0913328031	thuanhvdyd@gmail.com
2	PGS. TS. Phương Thiện Thương	0972872418	phuongthienthuong@yahoo.com

3	PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy	0984398989	huyhup2010@gmail.com
4	TS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	hien@dotochy.com
5	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	ducloi82@gmail.com
6	TS. Phùng Thanh Long	0988003031	longphung.31@gmail.com
7	TS. Trần Thị Phương	0866653197	phuongtran24288@gmail.com
8	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0965765929	hiennguyen.duochn@gmail.com
9	ThS. Nguyễn Phương Nhị	0986528142	nguyennhi212@gmail.com
10	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Phân tích được các nội dung về hương liệu có nguồn gốc từ dược liệu: Đại cương, nguồn gốc, tính chất, phương pháp tách và bán tổng hợp, một số hương liệu đặc trưng, vai trò của hương liệu
MT2	Phân tích được các nội dung về mỹ phẩm có nguồn gốc từ dược liệu: nguyên liệu cơ bản, phương pháp và kỹ thuật sản xuất, chất lượng và kiểm tra đánh giá chất lượng
MT3	Thực hiện một số kỹ thuật chưng cất tinh dầu, điều chế hương liệu và xây dựng công thức và pha chế một số mỹ phẩm thông thường
MT4	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1	3		
MT HP2	3		
MT HP3		3	
MT HP4			2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Phân tích được các nội dung về hương liệu có nguồn gốc từ dược liệu: Đại cương, nguồn gốc, tính chất, phương pháp tách và bán tổng hợp, một số hương liệu đặc trưng, vai trò của hương liệu
CLO2	Phân tích được các nội dung về mỹ phẩm có nguồn gốc từ dược liệu: nguyên liệu cơ bản, phương pháp và kỹ thuật sản xuất, chất lượng và kiểm tra đánh giá chất lượng
CLO3	Thực hiện một số kỹ thuật chưng cất tinh dầu, điều chế hương liệu và xây dựng công thức và pha chế một số mỹ phẩm thông thường
CLO4	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5
CLO 1			2	2	2
CLO 2			2	3	3
CLO 3			2	3	2
CLO 4			2	3	2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

6.1.2. Lâm sàng: không có

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Tủ sấy, tủ hút, tủ đựng dụng cụ thí nghiệm, tủ hoá chất
2	Tủ bảo quản mẫu tiêu bản/ dược liệu
3	Mẫu tiêu bản tươi/ khô/ mẫu dược liệu
4	Phòng thực hành trang bị máy chiếu/ màn hình
5	Các TTB phục vụ chiết xuất: cân kỹ thuật, cân phân tích, cân hàm ẩm, máy thái dược liệu, máy xay dược liệu, hệ thống bình ngưng, bình ngưng kiệt, hệ thống chiết hồi lưu, bồn cách thủy, bể siêu âm, máy chiết siêu âm, máy khuấy từ gia nhiệt, máy lọc hút chân không, ...

6	Các TTB phục vụ cô cao, bảo chế sản phẩm trung gian: máy cô quay chân không, bồn cách thủy, tủ sấy, máy sấy tầng sôi, bộ lọc hút chân không, ...
7	Các TTB phục vụ kiểm tra chất lượng trong quá trình chiết xuất và bảo chế sản phẩm trung gian từ dược liệu: máy quang phổ UV-Vis, hệ thống sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao, hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao, phân cực kế, ...
8	Các dụng cụ, dung môi, hoá chất thường quy

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, tự đọc giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Hương liệu và mỹ phẩm nguồn gốc dược liệu dành cho đối tượng Thạc sĩ Dược học ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền (Định hướng nghiên cứu) cung cấp cho người học các nội dung về hương liệu có nguồn gốc từ dược liệu bao gồm đại cương, nguồn gốc, tính chất, phương pháp tách và bán tổng hợp, một số hương liệu đặc trưng, vai trò của hương liệu; các nội dung về mỹ phẩm có nguồn gốc từ dược liệu bao gồm nguyên liệu cơ bản, phương pháp và kỹ thuật sản xuất, chất lượng và kiểm tra đánh giá chất lượng.

Từ đó người học có thể vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện một số kỹ thuật điều chế hương liệu và xây dựng công thức pha chế một số mỹ phẩm thông thường.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại cương về mùi Các nguồn hương liệu thiên nhiên	1/0/1 1/0/1	Trình bày được đại cương về mùi: thuyết hoá học, thuyết lý học, thuyết sinh học Trình bày được các nguồn hương liệu thiên nhiên: tinh dầu, nhựa thơm, hợp chất thơm từ động vật	CLO 1 CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
	Các phương pháp tách hợp chất thơm thiên nhiên	1/0/1	Phân tích được các phương pháp tách hợp chất thơm thiên nhiên	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phản biện, nhận xét	
2	Một số phương pháp thông dụng tách hợp chất quan trọng trong tinh dầu	1/0/1	Phân tích được một số phương pháp thông dụng tách hợp chất quan trọng trong tinh dầu	CLO 1 CLO 4	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phản biện, nhận xét	
2	Tổng hợp và bán tổng hợp một số hợp chất có hương tính	1/0/1	Trình bày được phương pháp tổng hợp và bán tổng hợp một số hợp chất có hương tính	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
2+3	Một số tinh dầu quan trọng * Tự đọc: Phương pháp thử tinh dầu	7/0/7	Trình bày được một số tinh dầu quan trọng	CLO 1 CLO 4	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm Hướng dẫn tự đọc	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phản biện, nhận xét	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
4	Gới thiệu chung về hương liệu	1/0/1	Trình bày được nguyên liệu cơ bản của hương liệu, tính bốc hơi của hương, sự giữ hương	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Tự đọc theo hướng dẫn - Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
	Xây dựng hợp hương * Tự đọc: Một số hợp hương và hợp chất định hương thông dụng	2/0/2	Phân tích được công thức và các bước xây dựng một số hợp hương	CLO 1 CLO 4	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm Hướng dẫn tự đọc	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phản biện, nhận xét - Tự đọc theo hướng dẫn	
5	Các dạng hương liệu đặc trưng	1/0/1	Trình bày được các dạng hương liệu đặc trưng (dạng dung dịch cồn, dạng nhũ, dạng rắn)	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
	Sinh lý cơ bản của các đối tượng mỹ phẩm Nguyên liệu cơ bản dùng trong mỹ phẩm * Tự đọc: Một số chất hoạt động bề mặt được sử dụng nhiều trong phôi ché dầu gội	1/0/1 2/0/2	Trình bày được sinh lý cơ bản của các đối tượng mỹ phẩm Phân tích được các nguyên liệu cơ bản dùng trong mỹ phẩm	CLO 2 CLO 2 CLO 4	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm Hướng dẫn tự đọc	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phản biện, nhận xét - Tự đọc theo hướng dẫn	
	Sử dụng nước trong công nghệ mỹ phẩm	1/0/1	Trình bày được các nội dung sử dụng nước trong công nghệ mỹ phẩm và nhũ mỹ phẩm	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Thực hành chưng cất tinh dầu	15/0/15	Chưng cất được 01 loại tinh dầu theo yêu cầu	CLO 3 CLO 4	Các TTB theo yêu cầu	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành 5. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành theo yêu cầu 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Tiến hành thực hành 4. Báo cáo kết quả thực hành	
2	Thực hành điều chế hương liệu theo đơn	15/0/15	Điều chế được 01 loại hương liệu theo đơn	CLO 3 CLO 4	Các TTB theo yêu cầu	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành 5. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành theo yêu cầu 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Tiến hành thực hành 4. Báo cáo kết quả thực hành	
3	Thực hành pha chế mỹ phẩm thông thường	15/0/15	Pha chế được 01 sản phẩm mỹ phẩm thông thường	CLO 3 CLO 4	Các TTB theo yêu cầu	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề	1. Chuẩn bị bài thực hành theo yêu cầu 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Tiến hành thực hành	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
4	Thực hành xây dựng công thức mỹ phẩm	12/0/15	Xây dựng được 01 công thức mỹ phẩm	CLO 3 CLO 4		3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành 5. Vấn đáp	4. Báo cáo kết quả thực hành	
5	Báo cáo thực hành	3 tiết		CLO 3 CLO 4		1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành theo yêu cầu 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Tiến hành thực hành	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1. Đánh giá bài thực hành phòng thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra	Mô tả mức chất lượng	Điểm
-------------------	--------------	--------------	----------------------	------

Thao tác thí nghiệm, kỹ năng thu thập số liệu	40	CLO 3 CLO 4	8,5 - 10 điểm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn gàng và nhanh, thu thập được kết quả chính xác	7,0 - 8,4 điểm	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được kết quả khá chính xác	4,0 - 5,4 điểm	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được kết quả chưa chính xác	0 - 3,9 điểm	Không thu thập được số liệu	100%
Kết quả thí nghiệm	40	CLO 3 CLO 4	8,5 - 10 điểm	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý kết quả/ vẽ hình đúng, nhưng nhận xét và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo	7,0 - 8,4 điểm	Đầy đủ bảng số liệu nhưng chưa có xử lý kết quả/ vẽ hình	4,0 - 5,4 điểm	Chưa đầy đủ kết quả, chưa xử lý kết quả/ vẽ hình và chưa có nhận xét	0 - 3,9 điểm	Chưa đầy đủ kết quả, chưa có xử lý kết quả/ vẽ hình	
Câu trả lời	20	CLO 3 CLO 4	8,5 - 10 điểm	Trả lời đúng $\geq 85\%$ câu hỏi	7,0 - 8,4 điểm	Trả lời đúng 70% đến dưới 85% câu hỏi	4,0 - 5,4 điểm	Trả lời đúng 40% đến dưới 55% câu hỏi	0 - 3,9 điểm	Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi	

Rubric 2. Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
Lập luận	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức trình bày;	20%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ;	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai	

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm	
			chế, mạch lạc; Không lỗi chính tả	chế; mô tả kết quả chưa rõ ràng	không mô tả được kết quả	ràng; còn một số lỗi chính tả	nhiều lỗi chính tả;	

Rubric 3. Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn trích dẫn còn sai sót Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít - Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	CLO4	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Tham gia ý kiến chung 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Ít chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 	<ul style="list-style-type: none"> - Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
				2. – Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên	2. – Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	2. – Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	2. – Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	2. – Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên

Rubric 4. Thảo luận nhóm (không có slides đi kèm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	8,5 - 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	7,0 – 8,4 điểm	4,0 – 5,4 điểm	0 – 3,9 điểm
Thái độ tham gia	30	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tích cực tham gia thảo luận	Tham gia thảo luận mức độ vừa phải	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng thảo luận	30	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Trọng tâm, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Rubric 5. Đánh giá tiểu luận

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Ngắn gọn, rõ ràng - Phù hợp giữa mục tiêu và tên tiểu luận 	10%	CLO 1 CLO 2	<p>Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được các mục tiêu phù hợp với tên tiểu luận và dài không quá 1,5 trang.</p>	<p>Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt tương đối tốt để đưa ra được mục tiêu hợp tên tiểu luận và dài không quá 2 trang.</p>	<p>Viết chưa thật súc tích; dẫn dắt để đưa ra được mục tiêu tương đối phù hợp tên tiểu luận và dài quá 2 trang.</p>	<p>Viết dài dòng, không rõ ràng; đưa ra mục tiêu không phù hợp tên tiểu luận và dài quá 2 trang.</p>
Tổng quan tài liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hóa được thông tin liên quan trọng: <ul style="list-style-type: none"> + Về cơ sở lý luận + Về thực tiễn trong nước + Về thực tiễn ngoài nước 	20%		<p>Đáp ứng yêu cầu đầy đủ cả 3 nội dung về cơ sở lý luận, thực tiễn trong nước và nước ngoài</p>	<p>Thiếu 1 nội dung hoặc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả 3 nội dung trình bày cơ bản đáp ứng yêu cầu 	<p>Trình bày cả 3 nội dung đáp ứng yêu cầu</p>	<p>Thiếu hai nội dung hoặc</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2/3 nội dung trình bày không đáp ứng yêu cầu
Phương pháp, phương tiện tiến hành và kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp và tiện nghi nghiên cứu - Phù hợp với mục tiêu - Tương đối chính xác <p>Kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng được mục tiêu - Trung thực, đáng tin cậy - Minh chứng rõ ràng, chính xác 	20%		<p>Đáp ứng đầy đủ và chính xác cả 2 nội dung: phù hợp với mục tiêu và tương đối chính xác</p>	<p>Đáp ứng đầy đủ một nội dung và một nội dung đạt trên 50% yêu cầu; hoặc</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 nội dung đáp ứng trên 2/3 yêu cầu 	<p>Đáp ứng mỗi nội dung trên 50% yêu cầu</p>	<p>Thiếu 1 nội dung hoặc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả hai nội dung không đáp ứng yêu cầu
		20%		<p>Đáp ứng cả 4 nội dung đầy đủ; hoặc</p> <ul style="list-style-type: none"> - cả 4 nội dung đều đạt trong đó 3 nội dung đạt trên 75% 	<p>Đáp ứng 4 nội dung đầy đủ; hoặc</p> <ul style="list-style-type: none"> - cả 4 nội dung đều đạt trong đó 3 nội dung đạt trên 75% 	<p>Đáp ứng ít nhất 2 nội dung và các nội dung còn lại đạt yêu cầu</p>	<p>Từ 3/4 nội dung không đạt yêu cầu; hoặc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 2 nội dung

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
Kết luận và đề xuất	- Nhận xét, bàn luận ngắn gọn, logic, xác đáng						
	- Thâu tóm được nội dung - Đề xuất đúng vấn đề	10%		- Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và tiêu chí còn lại đạt trên 50% hoặc - cả 2 tiêu chí đáp ứng trên 70%	Cả 2 nội dung đáp ứng yêu cầu trên 50%	- Thiếu 1 nội dung Hoặc - Cả 2 nội dung không đạt yêu cầu	
Tài liệu tham khảo	- Trích dẫn đủ, đúng quy định - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định - Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài	10%		Viết tài liệu tham khảo đúng quy định; Trích dẫn đủ số tài liệu > 20, trích dẫn đúng quy định về cách viết và vào phần nội dung tiêu chí, có cả tài liệu trong nước và nước ngoài	Trích dẫn đúng quy định trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 10-20	Trích dẫn có trên 3 lỗi không đúng quy định, trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 5-9 hoặc chỉ có tài liệu trong nước hoặc nước ngoài	- Mắc nhiều lỗi trích dẫn sai quy định, viết tài liệu tham khảo sai quy định hoặc số tài liệu tham khảo quá ít (<5)
Trình bày	- Format đúng quy định - Bảng biểu rõ ràng, chính xác - Lỗi chính tả:	10%		Format đúng quy định, 2/3 số Bảng biểu rõ ràng, chính xác, lỗi chính tả 5-10	Format một vài chỗ chưa đúng quy định, - Bảng biểu rời mắt khó hiểu, - Lỗi chính tả 11-20	- Format > 5 chỗ chưa đúng quy định, - Nhiều Bảng biểu rời mắt khó hiểu hoặc vẽ sai - Lỗi chính tả > 20	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 2 Rubric 4	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	Báo cáo thực hành	100%	Rubric 1 Rubric 2 Rubric 3	CLO3 CLO4	Theo KH bài giảng
Điểm kết thúc học phần	60%	Tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Rubric 5	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm tiểu luận kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết = điểm tiểu luận kết thúc học phần

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng = điểm báo cáo phần thực hành

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Vương Ngọc Chính (2013), *Hương liệu mỹ phẩm*, NXB. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Văn Ngọc Hương (2007), *Hương liệu và ứng dụng*, NXB. Khoa học và kỹ thuật

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đào Thị Thu Hương
Đào Thị Thu Hương

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: Ngày/tháng/năm.	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: Ngày/tháng/năm.	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ứng dụng AI trong lĩnh vực Dược

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ, Ngành: Dược liệu-DHCT. Mã số đào tạo: 8720206

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Ứng dụng AI trong lĩnh vực Dược

9/*Tiếng Anh: Application of AI in the field of Pharmacy

- Mã học phần: 24344

- Số tín chỉ: 2TC trong đó: LT 2; TH: 0 TC

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành: 0 tiết

+ Bài tập:..... tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm:tiết

+ Kiểm tra:.....tiết

+ Thời gian tự học:tiết

- Đối tượng học (năm thứ): 2

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Tài nguyên cây thuốc, chiết xuất Dược liệu, kỹ thuật bào

chế vị thuốc cổ truyền,....

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	Ducloi82@gmail.com
2	TS.Phùng Thanh Long	0988003031	ptlong@gmail.com
3	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lethuhadhn2906@gmail.com
4	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com
5	Các Giảng viên mời giảng theo nhu cầu của Bộ môn		

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

MT kiến thức:

-Trình bày được các kiến thức cơ bản về AI

-Trình bày được các kiến thức cơ bản về ứng dụng AI trong các hoạt động nghề nghiệp Dược

MT Kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Vận dụng kiến thức AI vào trong hoạt động nghiên cứu, sản xuất sử dụng Dược phẩm

- Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược học cổ truyền nói chung và phương thuốc cổ truyền nói riêng.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về AI
CLO2	-Trình bày được các kiến thức cơ bản về ứng dụng AI trong các hoạt động nghề nghiệp Dược
CLO3	- Vận dụng kiến thức AI vào trong hoạt động nghiên cứu, sản xuất sử dụng Dược phẩm
CLO4	- Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao

	trình độ chuyên môn về dược học cổ truyền nói chung và phương thuốc cổ truyền nói riêng.
--	--

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	Ghi chú
CLO 1			3	2		Không đóng góp cho các PLO khác
CLO 2			3	2		
CLO 3				3	2	
CLO 4				3	2	

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết:

VD: Máy chiếu, loa, mic, bảng, ...

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành

--	--

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Dự lớp: theo quy định chung của Học viện
- Bài tập: chuẩn bị ở nhà
- Tự học: có thời gian học viên tự học tập nghiên cứu tài liệu.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: theo quy định chung của Học viện

7. Mô tả chung học phần

Học phần dành cho đối tượng Thạc sĩ Dược là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Dược liệu-Dược cổ truyền, cung cấp cho người học các nội dung về AI và việc ứng dụng AI vào trong các hoạt động nghề nghiệp Dược. Từ đó người học có thể vận dụng các kiến thức về AI trong thực tiễn triển khai các công việc lĩnh Dược.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tuần 1	I. Tổng quan về AI	5	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	Bài kiểm tra giữa kỳ
Tuần 2	II.Kế hoạch chiến lược nghiên cứu và phát triển AI của Hoa	5	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên	

	Kỳ				đề	vấn đề
Tuần 3	III. Ứng dụng AI trong lĩnh vực Y tế	5	CLO 1, 2,3	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề
Tuần 4	IV. Ứng dụng AI trong ngành Dược	5	CLO 1, 2,3	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề
Tuần 5	V. Ứng dụng AI trong ngành Dược (tiếp)	5	CLO 1, 2,3,4	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự >90% buổi học	Tham dự 80-90% buổi học	Tham dự 70-80% buổi học	Tham dự <70% buổi học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Chuyên cần	CLO 5	10%	Đến đúng giờ quy định ----- Đến muộn trên 15 phút				
Chuẩn bị lý thuyết	CLO 2,3	20%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 50% số câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% số câu hỏi	
Thao tác thí nghiệm và xử lý số liệu	CLO 4	50%	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu tốt	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu khá	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm nhưng xử lý số liệu chưa đúng	Thực hiện không đúng quy trình thí nghiệm, xử lý số liệu sai	
Kết quả TN và trả lời câu hỏi	CLO 4, 5	20%	Kết quả TN đúng và trả lời đúng các câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 70% số câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 50% số câu hỏi	Kết quả TN sai hoặc trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG							

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Hình thức	CLO 3, 4,5	10%	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định ----- Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định				
Bố cục	CLO 3,4,5	10%	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic ----- Không theo quy định, không lô-gic				
Tài liệu tham khảo	CLO 3, 4	10%	Phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức ----- Rất ít TLTK, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức				
Nội dung chính 1:	CLO 3,4	30%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Nội dung chính 2:	CLO 3,4	20%					
Nội dung chính 3:	CLO 3,4	20%					
ĐIỂM TỔNG							

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần	Trọng số điểm	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	CDR của học phần	Mô tả cách thực hiện
------------	---------------	-------------------	--------------	--------------	--------	------------------	----------------------

đánh giá chính	(%)			(%)		(CLO)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	70	Điểm chuyên cần					
		Điểm thảo luận nhóm, bài tập lớn,					
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...		70%		CLO 1,2,3,4,5	
Điểm chuyên cần	30	Điểm chuyên cần		30%		CLO 3,4,5	
		Điểm bài thực hành					

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Tên Chủ đề (nội dung, chương...)	Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
				Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
		TNKQ	TNKQ	TNKQ	TNKQ	
Chủ đề 1: Tổng quan về AI		Chuẩn KT, KN cần kiểm tra (Ch)				
Số câu Số điểm Tỷ lệ %		Số câu: 20 Số điểm:	Số câu 28 Số điểm	Số câu: 27 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 75 ... điểm=.16.66%
Chủ đề 2: Kế hoạch chiến lược nghiên cứu và phát triển AI của Hoa Kỳ						
Số câu Số điểm Tỷ lệ %		Số câu: 41 Số điểm	Số câu: 108 Số điểm	Số câu: 40 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 189 ... điểm=.36.67..%
Chủ đề 3: Ứng dụng AI trong lĩnh vực Y tế						

Số câu Số điểm Tỉ lệ %	Số câu: 51 Số điểm	Số câu: 107 Số điểm	Số câu: 43 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 201 ... điểm=36,67%
Chủ đề 4: Ứng dụng AI trong ngành Dược					
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	Số câu: 16 Số điểm	Số câu: 24 Số điểm	Số câu: 11 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 51 ... điểm=.10,0%
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %	Số câu: 161 Số điểm 15 %	Số câu: 235 Số điểm 70 %	Số câu: 120 Số điểm 15 %		Số câu: 516 Số điểm

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực chuyên cần* bảng 9.3.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Sách giáo trình: Ứng dụng AI trong lĩnh vực Dược.
2. Harry Yang (2023), Data Science, AI, and Machine Learning in Drug Development, First edition published 2023 by CRC Press.
3. Nathan brow, David Thurston, Artificial Intelligence in Drug Discovery, The Royal Society of Chemistry 2021
4. Anil Philip, A handbook of artificial intelligence in drug delivery, Academic Press publications 2023

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Nguyễn Trung Hòa (2009), *Đông y toàn tập*, NXB Thuận Hóa
2. Phan Văn Chiêu (2009), *Đông Nam Dược Nghiệm phương*, NXB Thuận Hóa
3. Phạm Xuân Sinh (2010), *Một số chuyên đề thuốc cổ truyền*, NXB Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024

PHỤ TRÁCH KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Văn Quân

PGS.TS. Vũ Đức Lợi

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp Dược

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ, Ngành: Dược liệu-DHCT. Mã số đào tạo: 8720206

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:
- * Tiếng Việt: Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp Dược
- * Tiếng Anh: Innovation and pharmaceutical startup
- Mã học phần: 243311
- Số tín chỉ: 2TC trong đó: LT 2; TH: 0 TC
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành: tiết
 - + Bài tập:..... tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm:tiết
 - + Kiểm tra:.....tiết
 - + Thời gian tự học:tiết
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

- + Học phần tiên quyết: Tài nguyên cây thuốc, chiết xuất Dược liệu, kỹ thuật bào

chế vị thuốc cổ truyền,....

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	Ducloi82@gmail.com
2	TS.Phùng Thanh Long	0988003031	ptlong@gmail.com
3	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lethuhadhn2906@gmail.com
4	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com
5	Các Giảng viên mời giảng theo nhu cầu của Bộ môn		

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

MT kiến thức:

-Trình bày được các kiến thức cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp

-Trình bày được các kiến thức cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp Dược

MT Kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Vận dụng kiến thức đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp vào trong hoạt động nghiên cứu, sản xuất sử dụng Dược phẩm

- Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược học cổ truyền nói chung và phương thuốc cổ truyền nói riêng.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp
CLO2	Trình bày được các kiến thức cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp Dược
CLO3	Vận dụng kiến thức đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp vào trong hoạt động nghiên cứu, sản xuất sử dụng Dược phẩm
CLO4	Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao

trình độ chuyên môn về dược học và về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO có đóng góp ít vào PLO

2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO

3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	Ghi chú
CLO 1			3	2		Không đóng góp cho các PLO khác
CLO 2			3	2		
CLO 3				3	2	
CLO 4				3	3	

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết:

VD: Máy chiếu, loa, mic, bảng, ...

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
	Máy chiếu, laptop, máy vi tính, ...

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Dự lớp: theo quy định chung của Học viện

- Bài tập: chuẩn bị ở nhà

- Tự học: có thời gian học viên tự học tập nghiên cứu tài liệu.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: theo quy định chung của Học viện

7. Mô tả chung học phần

Học phần dành cho đối tượng Thạc sĩ Dược là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Dược liệu-Dược cổ truyền, cung cấp cho người học các nội dung về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp vào trong các hoạt động nghề nghiệp Dược. Từ đó người học có thể vận dụng các kiến thức về đổi mới sáng tạo khởi nghiệp trong thực tiễn triển khai các công việc lĩnh Dược.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tuần 1	I. Giới thiệu về khởi nghiệp	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	Bài kiểm tra giữa kỳ
Tuần 2	II. Đổi mới sáng tạo, khởi sự và kinh doanh	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 3	III. Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	CLO 1, 2,3	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên	

					đề	vấn đề
Tuần 4	IV. Lộ trình và các nguồn lực cho khởi nghiệp, hệ sinh thái khởi nghiệp	3	CLO 1, 2,3	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề
Tuần 5	V.Đổi mới sáng tạo lĩnh vực Dược	3	CLO 1, 2,3,4	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề
Tuần 6.	V.Đổi mới sáng tạo lĩnh vực Dược (tiếp)	3	CLO 1, 2,3,4	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Mức độ tham dự theo TKB	50	<i>Tham dự >90% buổi học</i>	<i>Tham dự 80-90% buổi học</i>	<i>Tham dự 70-80% buổi học</i>	<i>Tham dự <70% buổi học</i>	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Chuyên cần	CLO 5	10%	Đến đúng giờ quy định ----- Đến muộn trên 15 phút				
Chuẩn bị lý thuyết	CLO 2,3	20%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 50% số câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% số câu hỏi	
Thao tác thí nghiệm và xử lý số liệu	CLO 4	50%	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu tốt	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu khá	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm nhưng xử lý số liệu chưa đúng	Thực hiện không đúng quy trình thí nghiệm, xử lý số liệu sai	
Kết quả TN và trả lời câu hỏi	CLO 4, 5	20%	Kết quả TN đúng và trả lời đúng các câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 70% số câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 50% số câu hỏi	Kết quả TN sai hoặc trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG							

9.2.3. Rubric đánh giá tiêu luận

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Hình thức	CLO 3, 4,5	10%	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định ----- Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định				
Bố cục	CLO 3,4,5	10%	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic ----- Không theo quy định, không lô-gic				
Tài liệu tham khảo	CLO 3, 4	10%	Phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức ----- Rất ít TLTK, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức				
Nội dung chính 1:	CLO 3,4	30%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Nội dung chính 2:	CLO 3,4	20%					
Nội dung chính 3:	CLO 3,4	20%					
ĐIỂM TỔNG							

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CĐR của học phần (CLO)	Mô tả cách thực hiện
-----------------	-------------------	-------------------	--------------	------------------	--------	------------------------	----------------------

giá chính							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	70	Điểm chuyên cần					
		Điểm thảo luận nhóm, bài tập lớn,					
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...		70%		CLO 1,2,3,4,5	
Điểm chuyên cần	30	Điểm chuyên cần		30%		CLO 3,4,5	
		Điểm bài thực hành					

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Tên Chủ đề (nội dung, chương...)	Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
				Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
	TNKQ	TNKQ	TNKQ	TNKQ		
Chủ đề 1: Giới thiệu về khởi nghiệp		Chuẩn KT, KN cần kiểm tra (Ch)				
Số câu Số điểm Tỷ lệ %		Số câu: 20 Số điểm:	Số câu 28 Số điểm	Số câu: 27 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 75 ... điểm=.16.66%
Chủ đề 2: Đổi mới sáng tạo, khởi sự và kinh doanh						
Số câu Số điểm Tỷ lệ %		Số câu: 41 Số điểm	Số câu: 108 Số điểm	Số câu: 40 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 189 ... điểm=.36,67..%
Chủ đề 3: Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Lộ trình và các nguồn lực cho khởi nghiệp, hệ sinh thái khởi						

nghiệp					
Số câu	Số câu: 51	Số câu: 107	Số câu: 43	Số câu	Số câu: 201
Số điểm Tỷ lệ %	Số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm	... điểm=36,67%
Chủ đề 4: Đổi mới sáng tạo lĩnh vực Dược					
Số câu	Số câu: 16	Số câu: 24	Số câu: 11	Số câu	Số câu: 51
Số điểm Tỷ lệ %	Số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm	... điểm=.10,0%
Tổng số câu	Số câu: 161	Số câu: 235	Số câu: 120		Số câu: 516
Tổng số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm		Số điểm
Tỷ lệ %	15 %	70 %	15 %		

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm chuyên cần* bảng 9.3.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Giáo trình: Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp lĩnh vực Dược.
2. Lars Schweizer, Theodor Dingermann, Otto Quintus Russe, Christian Jansen, Advances in Pharma Business Management and Research, Springer 2020.
3. David A. Mancuso, and Isobel M. Grenada, Nova , Pharmaceutical Industry: Innovation and Developments, 2011. Nova Science Publishers.
4. Oliver Gassmann, Gerrit Reepmeyer, Leading Pharmaceutical Innovation, Springer 2020.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Nguyễn Trung Hòa (2009), *Đông y toàn tập*, NXB Thuận Hóa
2. Phan Văn Chiêu (2009), *Đông Nam Dược Nghiệm phương*, NXB Thuận Hóa
3. Phạm Xuân Sinh (2010), *Một số chuyên đề thuốc cổ truyền*, NXB Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024

PHỤ TRÁCH KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Văn Quân

PGS.TS. Vũ Đức Lợi

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp Dược

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ, Ngành: Dược liệu-DHCT. Mã số đào tạo: 8720206

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:
- * Tiếng Việt: Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp Dược
- * Tiếng Anh: Innovation and pharmaceutical startup
- Mã học phần: 243311
- Số tín chỉ: 2TC trong đó: LT 2; TH: 0 TC
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành: tiết
 - + Bài tập:..... tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm:tiết
 - + Kiểm tra:.....tiết
 - + Thời gian tự học:tiết
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

- + Học phần tiên quyết: Tài nguyên cây thuốc, chiết xuất Dược liệu, kỹ thuật bào

chế vị thuốc cổ truyền,....

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	Ducloi82@gmail.com
2	TS. Phùng Thanh Long	0988003031	ptlong@gmail.com
3	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lethuhadhn2906@gmail.com
4	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com
5	Các Giảng viên mời giảng theo nhu cầu của Bộ môn		

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

MT kiến thức:

-Trình bày được các kiến thức cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp

-Trình bày được các kiến thức cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp Dược

MT Kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Vận dụng kiến thức đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp vào trong hoạt động nghiên cứu, sản xuất sử dụng Dược phẩm

- Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược học cổ truyền nói chung và phương thuốc cổ truyền nói riêng.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp
CLO2	Trình bày được các kiến thức cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp Dược
CLO3	Vận dụng kiến thức đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp vào trong hoạt động nghiên cứu, sản xuất sử dụng Dược phẩm
CLO4	Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao

trình độ chuyên môn về được học và về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp.
--

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	Ghi chú
CLO 1			3	2		Không đóng góp cho các PLO khác
CLO 2			3	2		
CLO 3				3	2	
CLO 4				3	3	

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết:

VD: Máy chiếu, loa, mic, bảng, ...

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
	Máy chiếu, laptop, máy vi tính, ...

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Dự lớp: theo quy định chung của Học viện
- Bài tập: chuẩn bị ở nhà

- Tự học: có thời gian học viên tự học tập nghiên cứu tài liệu.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: theo quy định chung của Học viện

7. Mô tả chung học phần

Học phần dành cho đối tượng Thạc sĩ Dược là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Dược liệu-Dược cổ truyền, cung cấp cho người học các nội dung về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp vào trong các hoạt động nghề nghiệp Dược. Từ đó người học có thể vận dụng các kiến thức về đổi mới sáng tạo khởi nghiệp trong thực tiễn triển khai các công việc lĩnh Dược.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tuần 1	I. Giới thiệu về khởi nghiệp	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	Bài kiểm tra giữa kỳ
Tuần 2	II. Đổi mới sáng tạo, khởi sự và kinh doanh	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 3	III. Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	CLO 1, 2,3	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên	

					đề	vấn đề
Tuần 4	IV. Lộ trình và các nguồn lực cho khởi nghiệp, hệ sinh thái khởi nghiệp	3	CLO 1, 2,3	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề
Tuần 5	V.Đổi mới sáng tạo lĩnh vực Dược	3	CLO 1, 2,3,4	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề
Tuần 6.	V.Đổi mới sáng tạo lĩnh vực Dược (tiếp)	3	CLO 1, 2,3,4	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự >90% buổi học	Tham dự 80-90% buổi học	Tham dự 70-80% buổi học	Tham dự <70% buổi học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Chuyên cần	CLO 5	10%	Đến đúng giờ quy định ----- Đến muộn trên 15 phút				
Chuẩn bị lý thuyết	CLO 2,3	20%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 50% số câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% số câu hỏi	
Thao tác thí nghiệm và xử lý số liệu	CLO 4	50%	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu tốt	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu khá	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm nhưng xử lý số liệu chưa đúng	Thực hiện không đúng quy trình thí nghiệm, xử lý số liệu sai	
Kết quả TN và trả lời câu hỏi	CLO 4, 5	20%	Kết quả TN đúng và trả lời đúng các câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 70% số câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 50% số câu hỏi	Kết quả TN sai hoặc trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG							

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Hình thức	CLO 3, 4,5	10%	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định ----- Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định				
Bố cục	CLO 3,4,5	10%	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic ----- Không theo quy định, không lô-gic				
Tài liệu tham khảo	CLO 3, 4	10%	Phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức ----- Rất ít TLTK, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức				
Nội dung chính 1:	CLO 3,4	30%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Nội dung chính 2:	CLO 3,4	20%					
Nội dung chính 3:	CLO 3,4	20%					
ĐIỂM TỔNG							

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CDR của học phần (CLO)	Mô tả cách thực hiện
-----------------	-------------------	-------------------	--------------	------------------	--------	------------------------	----------------------

giá chính							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	70	Điểm chuyên cần					
		Điểm thảo luận nhóm, bài tập lớn,					
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...		70%		CLO 1,2,3,4,5	
Điểm chuyên cần	30	Điểm chuyên cần		30%		CLO 3,4,5	
		Điểm bài thực hành					

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Tên Chủ đề (nội dung, chương...)	Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
				Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
	TNKQ	TNKQ	TNKQ	TNKQ		
Chủ đề 1: Giới thiệu về khởi nghiệp		Chuẩn KT, KN cần kiểm tra (Ch)				
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 20 Số điểm:	Số câu 28 Số điểm	Số câu: 27 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 75 ... điểm=.16.66%	
Chủ đề 2: Đổi mới sáng tạo, khởi sự và kinh doanh						
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 41 Số điểm	Số câu: 108 Số điểm	Số câu: 40 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 189 ... điểm=.36,67..%	
Chủ đề 3: Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Lộ trình và các nguồn lực cho khởi nghiệp, hệ sinh thái khởi						

nghiệp					
Số câu	Số câu: 51	Số câu: 107	Số câu: 43	Số câu	Số câu: 201
Số điểm Tỷ lệ %	Số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm	... điểm=36,67%
Chủ đề 4: Đổi mới sáng tạo lĩnh vực Dược					
Số câu	Số câu: 16	Số câu: 24	Số câu: 11	Số câu	Số câu: 51
Số điểm Tỷ lệ %	Số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm	... điểm=.10,0%
Tổng số câu	Số câu: 161	Số câu: 235	Số câu: 120		Số câu: 516
Tổng số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm		Số điểm
Tỷ lệ %	15 %	70 %	15 %		

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm chuyên cần* bảng 9.3.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Giáo trình: *Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp* lĩnh vực Dược.
2. Lars Schweizer, Theodor Dingermann, Otto Quintus Russe, Christian Jansen, *Advances in Pharma Business Management and Research*, Springer 2020.
3. David A. Mancuso, and Isobel M. Grenada, Nova , *Pharmaceutical Industry: Innovation and Developments*, 2011. Nova Science Publishers.
4. Oliver Gassmann, Gerrit Reepmeyer, *Leading Pharmaceutical Innovation*, Springer 2020.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Nguyễn Trung Hòa (2009), *Đông y toàn tập*, NXB Thuận Hóa
2. Phan Văn Chiêu (2009), *Đông Nam Dược Nghiệm phương*, NXB Thuận Hóa
3. Phạm Xuân Sinh (2010), *Một số chuyên đề thuốc cổ truyền*, NXB Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024

PHỤ TRÁCH KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Văn Quân

PGS.TS. Vũ Đức Lợi

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ, Ngành: Dược liệu-Dược cổ truyền;

Mã số đào tạo: **8720206**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE VÀ MỸ PHẨM
- * Tiếng Việt: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe và mỹ phẩm
- * Tiếng Anh: Health protection foods and cosmetics
- Mã học phần/ mô đun: 243312
- Số tín chỉ: 03 (02 LT/01TH)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 121 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành: 30 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: 1 tiết
 - + Thời gian tự học: 60.tiết
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Không
 - + Học phần học trước: Dược liệu, Hóa Dược, Bào chế 1, Bào chế 2
 - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Bào chế-công nghiệp dược

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Bùi Thị Ngoan	0986755129	Ngoan83@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Thu Nga	0936249215	Nguyenthungath1@gmail.com
3	ThS. Đào Văn Lưu	0986964323	dsdaovanluu@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Ký hiệu mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Vận dụng được kiến thức về thực phẩm bảo vệ sức khỏe và mỹ phẩm trong phát triển nghề nghiệp.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT	1	3	2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Nghiên cứu, sản xuất một số loại thực phẩm bảo vệ sức khỏe
CLO2	Nghiên cứu, sản xuất được một số mỹ phẩm

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	3	4	5
CLO1	2	2	2	3
CLO2	2	2	2	3
CLO3	2	2	2	3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

6.1.2. Lâm sàng: Không áp dụng đối với học phần này

6.1.3. Thực hành: Không áp dụng đối với học phần này

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có giáo trình.

- Sinh viên phải tham khảo tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10) để đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới (nếu có).

- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Xem bài học trước; chuẩn bị cho bài học mới theo các nội dung ghi tại mục 8); tự học phần tự đọc và thời gian ôn học phục vụ cho các bài

thảo luận/kiểm tra/thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham gia lý thuyết tối thiểu 80% .

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Thực phẩm bảo vệ sức khỏe và mỹ phẩm cung cấp cho người học những nội dung cơ bản thành phần, kỹ thuật nghiên cứu, sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe và mỹ phẩm. Học phần giúp người học phân tích, hệ thống hóa kiến thức thực phẩm bảo vệ sức khỏe để vận dụng vào hoạt động trong quá trình hành nghề dược.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lqua n đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết/b)	Chương 1.Đại cương về mỹ phẩm 1.Lịch sử sử dụng mỹ phẩm 2.Định nghĩa 3.Phân loại. 4.Mục đích, tác dụng. 5.Phạm vi sử dụng. 6.Đối tượng của mỹ phẩm	03/0/ 7	1.Trình bày được kiến thức đại cương về mỹ phẩm.	CLO1	1.Phương pháp thuyết trình. 2.Phương pháp động não	1.Nghe giảng , ghi chép, suy nghĩ , đặt câu hỏi. 2.Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.	Không
Buổi 2 (4 tiết/b)	Chương 2.Nguyên liệu, thành phần dùng trong mỹ phẩm 1.Các nhóm tá dược cơ bản dùng trong mỹ	03/0/ 7	1. Trình bày được các thành phần nguyên liệu dùng trong bào chế mỹ phẩm. 2.Vận dụng được cách sử dụng, phối hợp các	CLO1	1.Phương pháp thuyết trình. 2.Phương pháp động não 3. Giải	1.Nghe giảng , ghi chép, suy nghĩ , đặt câu hỏi. 2.Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.	Không

	<p>phẩm.</p> <p>2.Một số vấn đề liên quan đến nước sử dụng trong sản xuất mỹ phẩm.</p> <p>3.Một số vấn đề liên quan đến đóng gói mỹ phẩm.[3]</p>		<p>thành phần nguyên liệu để bào chế mỹ phẩm.</p>		<p>quyết vấn đề</p> <p>4. Hướng dẫn phân tự đọc</p>	<p>3.Nghe, ghi chép, suy nghĩ- trả lời.</p> <p>4. Tự đọc phân [3]</p>	
<p>Buổi 3 (3 tiết/b)</p>	<p>Chương 3.Các sản phẩm đặc trưng</p> <p>1.Mỹ phẩm chăm sóc da.</p> <p>2.Mỹ phẩm chăm sóc môi.</p> <p>3.Mỹ phẩm chăm sóc móng.</p> <p>4.Mỹ phẩm chăm sóc răng, miệng</p> <p>5.Mỹ phẩm chăm sóc tóc.</p> <p>6.Tổng quan quy trình sản xuất mỹ phẩm</p>	<p>03/0/7</p>	<p>1. Trình bày được thành phần của các sản phẩm mỹ phẩm đặc trưng.</p> <p>2.Phân tích được vai trò các thành phần của mỹ phẩm.</p> <p>3. Thiết kế được công thức bào chế một số sản phẩm mỹ phẩm đặc trưng.</p>	<p>CLO1</p>	<p>1.Phương pháp thuyết trình..</p> <p>2.Phương pháp thảo luận nhóm (Thảo luận về kỹ thuật điều chế mỹ phẩm chăm sóc tóc)</p>	<p>1.Nghe giảng , ghi chép, suy nghĩ , đặt câu hỏi.</p> <p>2.Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>3.Nghe, ghi chép, suy nghĩ- trả lời.</p> <p>4.Thảo luận – Phản biện – tranh luận.</p>	<p>Không</p>
<p>Buổi 4 (3 tiết/b)</p>	<p>Chương 4.Kiểm tra, đánh giá mỹ phẩm</p> <p>1.Tổng quan về kiểm tra và đánh giá mỹ phẩm.</p> <p>2.Kiểm tra mỹ phẩm.</p> <p>3.Một số kỹ thuật trong phân tích mỹ phẩm.</p> <p>4.Một số phương pháp</p>	<p>03/0/7</p>	<p>1.Chọn lựa được phương pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng mỹ phẩm.</p> <p>2.Mô tả được một số phương pháp phân tích các chế phẩm mỹ phẩm đặc trưng.</p>	<p>CLO1</p>	<p>1.Phương pháp thuyết trình.</p> <p>2.Phương pháp động não</p>	<p>1.Nghe giảng , ghi chép, suy nghĩ , đặt câu hỏi.</p> <p>2.Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>3.Nghe, ghi chép, suy nghĩ- trả lời.</p>	<p>Không</p>

	phân tích các chế phẩm đặc trưng.						
Buổi 5 (2 tiết/b)	Chương 5.Thực trạng, một số vấn đề quản lý, sử dụng mỹ phẩm 1.Tình hình sử dụng mỹ phẩm. 2.Một số chất bị cấm hoặc sử dụng giới hạn. 3.Những lời cảnh báo.	03/0/7	1.Trình bày được tình hình sử dụng mỹ phẩm. 2.Giải thích được nguyên nhân một số chất bị cấm hoặc giới hạn sử dụng trong bào chế mỹ phẩm .	CLO1	1.Phương pháp thuyết trình. 2.Phương pháp động não	1.Nghe giảng , ghi chép, suy nghĩ , đặt câu hỏi. 2.Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. 3.Nghe, ghi chép, suy nghĩ- trả lời.	Không
Buổi 6 (3 tiết/b)	Định nghĩa, công bố, phân loại và lịch sử phát triển của thực phẩm bảo vệ sức khỏe	03/0/7	1.Trình bày được các khái niệm cơ bản về thực phẩm bảo vệ sức khỏe	CLO2	1.Phương pháp thuyết trình. 2.Phương pháp động não	1.Nghe giảng , ghi chép, suy nghĩ , đặt câu hỏi. 2.Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. 3.Nghe, ghi chép, suy nghĩ- trả lời.	Không
Buổi 7 (3 tiết/b)	Tác dụng của thực phẩm bảo vệ sức khỏe	03/0/7	1.Phân tích được tác dụng của thực phẩm bảo vệ sức khỏe.	CLO2	1.Phương pháp thuyết trình. 2.Phương pháp động não	1.Nghe giảng , ghi chép, suy nghĩ , đặt câu hỏi. 2.Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. 3.Nghe, ghi chép, suy nghĩ- trả lời.	Không
Buổi 8 (3tiết/ b)	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe với các bệnh mãn tính	03/0/7	1.Phân tích được tác dụng của thực phẩm bảo vệ sức khỏe với các bệnh mãn tính.	CLO2	1.Phương pháp thuyết trình. 2.Phương pháp	1.Nghe giảng , ghi chép, suy nghĩ , đặt câu hỏi.	Không

					pháp động não	2.Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. 3.Nghe, ghi chép, suy nghĩ- trả lời.	
Buổi 9(3 tiết/b)	Thành phần và vai trò của các thành phần trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe	03/0/ 7	1.Phân tích được vai trò của các thành phần trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe.	CLO2	1.Phương pháp thuyết trình. 2.Phương pháp động não	1.Nghe giảng , ghi chép, suy nghĩ , đặt câu hỏi. 2.Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. 3.Nghe, ghi chép, suy nghĩ- trả lời.	Không
Buổi 10 (3 tiết/b)	Nghiên cứu, sản xuất, phân phối và quản lý thực phẩm bảo vệ sức khỏe	03/0/ 7	Trình bày được các phương pháp nghiên cứu thực phẩm bảo vệ sức khỏe. phương pháp phân phối và quản lý thực phẩm bảo vệ sức khỏe.	CLO2	1.Phương pháp thuyết trình. 2.Phương pháp động não	1.Nghe giảng , ghi chép, suy nghĩ , đặt câu hỏi. 2.Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. 3.Nghe, ghi chép, suy nghĩ- trả lời.	Không
	Thi kết thúc học phần	01 tiết					KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Bài 1. Bột nhão làm sạch răng	4	1. Phân tích được vai trò các thành phần và cấu trúc hóa lý của chế phẩm. 2. Bảo chế được bột nhão làm sạch răng	CLO 2	Tủ sấy chân không; cân kỹ thuật, tủ sấy, nồi nấu cao	Hướng dẫn thực hiện thao tác, rèn luyện kỹ năng thực hành.	Quan sát, thực hiện quy trình bào chế theo đúng kỹ thuật	Bào chế cao thuốc
2	Bài 2. Bào chế kem chống nắng	5	1. Phân tích được vai trò các thành phần và cấu trúc hóa lý của chế phẩm. 2. Bào chế được kem chống nắng.	CLO 2	Tủ sấy, tủ sấy chân không, cân kỹ thuật, nồi nấu cao	Hướng dẫn thực hiện thao tác, rèn luyện kỹ năng thực hành.	Quan sát, thực hiện quy trình bào chế theo đúng kỹ thuật	Bào chế cồn thuốc, rượu thuốc
3	Bài 3. Bào chế Kem	4	1. Phân tích được	CLO 2	Cân kỹ thuật;	Hướng dẫn thực hiện thao tác, rèn	Quan sát,	Bào chế

	giữ ẩm , chống lão hóa da		vai trò các thành phần và cấu trúc hóa lý của chế phẩm. 2.Bào chế được kem giữ ẩm, chống lão hóa da.		Máy đóng chè thuốc, máy làm viên hoàn, máy rây	luyện kỹ năng thực hành.	thực hiện quy trình bào chế theo đúng kỹ thuật	chè thuốc, thuốc hoàn
4	Bài 4.Bào chế dầu gội đầu	5	1.Phân tích được vai trò các thành phần và cấu trúc hóa lý của chế phẩm. 2.Bào chế được dầu gội đầu	CLO 2	Cân kỹ thuật, máy sấy, nôi cách thủy	Hướng dẫn thực hiện thao tác, rèn luyện kỹ năng thực hành.	Quan sát, thực hiện quy trình bào chế theo đúng kỹ thuật	Bào chế thuốc dầu, thuốc cao xoa, thuốc cao dán
5	Bài 5.Bào chế thực phẩm bảo vệ sức khỏe dạng viên nang	4	Tìm hiểu được thành phần, thực hiện được quy trình bào chế và kiểm soát các tiêu chuẩn chất lượng của viên nang	CLO 2	Cân kỹ thuật, máy trộn bột, máy xát hạt, máy đóng nang thủ công, máy đóng	Hướng dẫn thực hiện thao tác, rèn luyện kỹ năng thực hành.	Quan sát, thực hiện quy trình bào chế theo đúng kỹ thuật	Bào chế thuốc viên nang

					nang bán tự động			
6	Bài 6. Bảo chế thực phẩm bảo vệ sức khỏe dạng cốm	4	Tìm hiểu được thành phần, thực hiện được quy trình bào chế và kiểm soát các tiêu chuẩn chất lượng của cốm	CLO 2	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy xát hạt, máy trộn bột, cân sấy ẩm	Hướng dẫn thực hiện thao tác, rèn luyện kỹ năng thực hành.	Quan sát, thực hiện quy trình bào chế theo đúng kỹ thuật	Bào chế thuốc cốm
7	Bào chế thực phẩm bảo vệ sức khỏe dạng viên nén	4	Tìm hiểu được thành phần, thực hiện được quy trình bào chế và kiểm soát các tiêu chuẩn chất lượng của thuốc viên nén	CLO 2	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy xát hạt, máy trộn bột, máy thử độ rã, máy đo độ cứng, máy đo tỷ trọng của bột và hạt, cân sấy ẩm	Hướng dẫn thực hiện thao tác, rèn luyện kỹ năng thực hành.	Quan sát, thực hiện quy trình bào chế theo đúng kỹ thuật	Bào chế thuốc viên nén
8	Bào chế thực phẩm bảo vệ sức	4	Tìm hiểu được thành phần, thực	CLO 2	Cân kỹ thuật, máy trộn,	Hướng dẫn thực hiện thao tác, rèn luyện kỹ năng thực hành.	Quan sát, thực hiện	Bào chế một số

	khỏe dạng dung dịch		hiện được quy trình bào chế và kiểm soát các tiêu chuẩn chất lượng của một số dung dịch uống.		nội cách thủy		quy trình bào chế theo đúng kỹ thuật	dạng thuốc dùng qua da
--	---------------------------	--	--	--	---------------------	--	---	------------------------------------

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá bài thực hành

Rubic 1: Rubric đánh giá bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Chuyên cần	CLO 4,5,6	10%	Đến đúng giờ quy định	-----	-----	Đến muộn trên 15 phút	
Chuẩn bị lý thuyết	CLO 1,2,3	20%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 50% số câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% số câu hỏi	
Thao tác thí nghiệm và xử lý số liệu	CLO 4,5,6	50%	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu tốt	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu khá	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm nhưng xử lý số liệu chưa đúng	Thực hiện không đúng quy trình thí nghiệm, xử lý số liệu sai	
Kết quả TN và trả lời câu hỏi	CLO 4, 5,6	20%	Kết quả TN đúng và trả lời đúng các câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 70% số câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 50% số câu hỏi	Kết quả TN sai hoặc trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG							

9.2.2. Rubric đánh giá lý thuyết

Rubric 2: Đánh giá lý thuyết

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Chuyên cần	CLO 1,2,3,4	10%	Đến đúng giờ quy định	-----	-----	-----	Đến muộn trên 15 phút
Kết quả thi TL	CLO 1,2,3,4	90%	Trả lời đúng trên 85% các câu hỏi	Trả lời đúng trên 70% các câu hỏi	Trả lời đúng trên 50% các câu hỏi	-----	Trả lời đúng dưới 50% các câu hỏi
ĐIỂM TỔNG							

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CDR của học phần/mô đun (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	70%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/Tự luận	Thi trắc nghiệm trên máy tính? Tự luận	70%	Rubric 2	CLO 1; CLO2	Thực hiện theo kế hoạch của học viện
Thực hành	30%	Điểm thao tác tại phòng thực hành	Thi thực hành	30%	Rubric 1	CLO 1; CLO2	Thực hiện sau khi kết thúc nội dung học thực hành.

9.4. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần = Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/tự luận x 0,7 + Điểm thực hành x 0,3

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo quy chế đào tạo ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

- Học viện y dược học cổ truyền Việt Nam, Bộ môn Bảo chế-Công nghiệp dược, *Giáo trình Thực phẩm bảo vệ sức khỏe và mỹ phẩm* (Tài liệu lưu hành nội bộ).

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- Bộ y tế (2017) Dược điển Việt Nam V
- Hoàng Ngọc Hùng, Vũ Chu Hùng (2005), *Tá dược và chất phụ gia dùng trong dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm*, Nhà xuất bản Y học
- Trần Đáng (2017), *Thực phẩm chức năng*, Nhà xuất bản Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Đức
Nguyễn Văn Đức

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Bùi Thị Ngoan
 Bùi Thị Ngoan

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Sau đại học – Thạc sĩ Dược liệu - Dược học cổ truyền Định hướng nghiên cứu
 Ngành: Dược liệu - Dược học cổ truyền.

Mã số đào tạo: **8720206**

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Cảnh giác dược
- * Tiếng Việt: Cảnh giác dược
- * Tiếng Anh: Pharmacovigilance
- Mã học phần: 243313
- Số tín chỉ: 1 LT/1 TH
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 15 tiết lý thuyết + 30 tiết thực hành
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Thực hành: 30 tiết
 - + Bài tập:..... tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm:tiết
 - + Kiểm tra: 5 tiết
 - + Thời gian tự học:tiết
- Đối tượng học: Dược chuyên khoa I
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):
 - + Học phần học trước (đã học):
 - + Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược lâm sàng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
----	----------------------------	---------------	--------	-------

1	ThS. Đỗ Thị Hồng Sâm	0838618181	DLS	hongsamdo@gmail.com
2	DsCKII. Nguyễn Duy Thức	0913540042	DLS	duythuc07@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Hảo	0988264429	DLS	haohaobn@gmail.com
4	ThS. Hoàng Thị Phương	0968551123	DLS	li.hphuong510@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Trình bày được các nội dung cơ bản của hoạt động Cảnh giác Dược và vai trò của nhân viên y tế trong công tác giám sát ADR
MT HP2	Đánh giá được mối liên quan giữa thuốc nghi ngờ - biến cố bất lợi và thực hiện được báo cáo ADR
MT HP3	Áp dụng được một số phương pháp Cảnh giác Dược trong việc triển khai hoạt động giám sát ADR tại cơ sở khám, chữa bệnh
MT HP4	Nhận thức được vai trò của dược sĩ và các nhân viên y tế khác trong hoạt động Cảnh giác Dược tại cơ sở khám, chữa bệnh

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	MT 1	MT 2	MT 3
MT HP1	2	2	2
MT HP2	2	2	2
MT HP3	2	1	2
MT HP4	2	2	2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Có kiến thức cơ bản về hoạt động Cảnh giác Dược tại các cơ sở khám chữa bệnh
CLO2	Vận dụng được những kiến thức về Cảnh giác Dược trong việc đánh giá biến cố bất lợi của thuốc và hoạt động giám sát ADR tại cơ sở khám, chữa bệnh
CLO3	Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức và an toàn trong thực hành nghề nghiệp. Nhận thức đúng về vai trò người dược sĩ. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn; có năng lực nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp và phục vụ nhu cầu xã hội.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa; 3 – Mức đóng góp nhiều

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(3)	(4)	(5)

CLO 1	1	2	
CLO 2	1	2	
CLO 3			1

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Máy chiếu, loa, mic, bảng, bút viết bảng/phấn.

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu, loa, micro
2	Bảng, bút viết bảng/phấn
3	Máy tính kết nối Internet; Phần mềm tra cứu thuốc: DailyMed; EMC; Pubmed...

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có tài liệu.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10) để phục vụ quá trình học tập, đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, tự đọc giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần “Cảnh giác dược” cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng cập nhật về Cảnh giác Dược bao gồm phát hiện, đánh giá, xử trí, cung cấp thông tin thuốc và dự phòng phản ứng có hại hoặc các vấn đề khác liên quan đến sử dụng thuốc (chất lượng thuốc, sai sót trong sử dụng thuốc, thất bại điều trị).

Học phần “Cảnh giác dược” bao gồm các nội dung chính sau:

- Đại cương về Cảnh giác dược và hoạt động cảnh giác dược tại Việt Nam

- Hoạt động Cảnh giác dược tại cơ sở khám chữa bệnh

- Sai sót liên quan đến thuốc: Phát hiện và các giải pháp phòng tránh trong thực hành lâm sàng

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (04 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của HV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1: Đại cương về Cảnh giác được và hoạt động cảnh giác được tại Việt Nam	04	Hiểu biết về hoạt động Cảnh giác được tại Việt Nam	CLO 1 CLO 3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề.	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời câu hỏi 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời	Không
2	Bài 2: Hoạt động Cảnh giác được tại cơ sở khám chữa bệnh (phần 1)	04	Hiểu biết về hoạt động Cảnh giác được tại cơ sở khám chữa bệnh	CLO 1 CLO 3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề.	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời câu hỏi 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời	Không
3	Bài 3: Hoạt động Cảnh giác được tại cơ sở khám chữa bệnh (phần 2)	04/01		CLO 1 CLO 3	1. Thuyết trình 2. Động não	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời câu hỏi 3. Nghe, ghi chép,	- Thực hiện sau khi kết thúc phần 3 - Hình thức: tự luận/trắc nghiệm/bài tập lớn. - Nội dung kiến thức từ

					3. Giải quyết vấn đề.	suy nghĩ – trả lời	phần 1 đến phần 3
4	Bài 4: Sai sót liên quan đến thuốc: Phát hiện và các giải pháp phòng tránh trong thực hành lâm sàng	03	Hiểu biết về sai sót liên quan đến thuốc	CLO 1 CLO 3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề.	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời câu hỏi 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ – trả lời	Không
Kiểm tra (Theo lịch phòng ĐT SĐH)							

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của HV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Bài 1: Tiếp cận ca lâm sàng về phát hiện, đánh giá và xử trí ADR (Phần 1)	04	Phát hiện, đánh giá và xử trí ADR tại cơ sở khám chữa bệnh	CLO 2 CLO 3	1, 2, 3	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học. 2. Giải quyết vấn đề. 3. Quan sát 4. Vấn đáp	1. Chuẩn bị slide, và bài tập thực hành ra giấy (phân theo cá nhân/nhóm) 2. Trình bày silde, phản biện, tranh luận, thảo luận 3. Suy nghĩ, trả lời	Kiểm tra 1

2	Bài 2: Tiếp cận ca lâm sàng về phát hiện, đánh giá và xử trí ADR (Phần 2)	04		CLO 2 CLO 3	1, 2, 3	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học. 2. Giải quyết vấn đề. 3. Quan sát 4. Vấn đáp	1. Chuẩn bị slide, và bài tập thực hành ra giấy (phân theo cá nhân/nhóm) 2. Trình bày silde, phản biện, tranh luận, thảo luận 3. Suy nghĩ, trả lời	Kiểm tra 2
3	Bài 3: Thực hiện báo cáo ADR, tra cứu thông tin và đánh giá mối liên quan giữa thuốc nghi ngờ và biến có bất lợi xảy ra trên bệnh nhân (Phần 1)	04	Báo cáo ADR, tra cứu thông tin và đánh giá mối liên quan giữa thuốc nghi ngờ và biến có bất lợi xảy ra trên bệnh nhân	CLO 2 CLO 3	1, 2, 3	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học. 2. Giải quyết vấn đề. 3. Quan sát 4. Vấn đáp	1. Chuẩn bị slide, và bài tập thực hành ra giấy (phân theo cá nhân/nhóm) 2. Trình bày silde, phản biện, tranh luận, thảo luận 3. Suy nghĩ, trả lời	Kiểm tra 3
4	Bài 4: Thực hiện báo cáo adr, tra cứu thông tin và đánh giá mối liên quan	04		CLO 2 CLO 3	1, 2, 3	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học. 2. Giải quyết vấn đề.	1. Chuẩn bị slide, và bài tập thực hành ra giấy (phân theo cá nhân/nhóm) 2. Trình bày silde,	Kiểm tra 4

	giữa thuốc nghi ngờ và biến cố bất lợi xảy ra trên bệnh nhân (Phần 2)					3. Quan sát 4. Vấn đáp	phản biện, tranh luận, thảo luận 3. Suy nghĩ, trả lời	
5	Bài 5: Truyền thông và quản lý nguy cơ liên quan đến thuốc tại cơ sở khám chữa bệnh (Phần 1)	04	Truyền thông và quản lý được nguy cơ liên quan đến thuốc tại cơ sở khám chữa bệnh	CLO 2 CLO 3	1, 2, 3	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học. 2. Giải quyết vấn đề. 3. Quan sát 4. Vấn đáp	1. Chuẩn bị slide, và bài tập thực hành ra giấy (phân theo cá nhân/nhóm) 2. Trình bày silde, phản biện, tranh luận, thảo luận 3. Suy nghĩ, trả lời	Kiểm tra 5
6	Bài 6: Truyền thông và quản lý nguy cơ liên quan đến thuốc tại cơ sở khám chữa bệnh (Phần 2)	04	Truyền thông và quản lý được nguy cơ liên quan đến thuốc tại cơ sở khám chữa bệnh	CLO 2 CLO 3	1, 2, 3	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học. 2. Giải quyết vấn đề. 3. Quan sát 4. Vấn đáp	1. Chuẩn bị slide, và bài tập thực hành ra giấy (phân theo cá nhân/nhóm) 2. Trình bày silde, phản biện, tranh luận, thảo luận 3. Suy nghĩ, trả lời	Kiểm tra 6
7	Bài 7: Triển khai một số phương	04	Triển khai được một số phương	CLO 2 CLO 3	1, 2, 3	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung	1. Chuẩn bị slide, và bài tập thực hành ra giấy (phân theo	Kiểm tra 7

	pháp giám sát ADR chủ động trong thực hành lâm sàng (Phần 1)		pháp giám sát ADR chủ động trong thực hành lâm sàng			thông tin lý thuyết đã học. 2. Giải quyết vấn đề. 3. Quan sát 4. Vấn đáp	cá nhân/nhóm) 2. Trình bày silde, phản biện, tranh luận, thảo luận 3. Suy nghĩ, trả lời	
8	Bài 8: Triển khai một số phương pháp giám sát adr chủ động trong thực hành lâm sàng (Phần 2)	04		CLO 2 CLO 3	1, 2, 3	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học. 2. Giải quyết vấn đề. 3. Quan sát 4. Vấn đáp	1. Chuẩn bị slide, và bài tập thực hành ra giấy (phân theo cá nhân/nhóm) 2. Trình bày silde, phản biện, tranh luận, thảo luận 3. Suy nghĩ, trả lời	Kiểm tra 8

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO2 CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo trích dẫn còn sai sót Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung

				đúng, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe.	đúng, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe chưa tốt	đúng, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe	đúng, vượt thời lượng ít - Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe	vượt thời lượng nhiều - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe
4	Trả lời câu hỏi	CLO3	10%	- Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề	- Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề	- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề	- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề	- Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	CLO3	15%	1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phán công cụ thể - Giám sát thành viên	1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phán công cụ thể - Giám sát thành viên	1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Ít chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phán công cụ thể - Giám sát thành viên	1. - Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể	1. - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể

				- Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên	- Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	- Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	- Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	- Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên
--	--	--	--	--	---	--	---	---

Rubric2. Đánh giá bài kiểm tra / bài tập

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm	
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm		
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%	
			Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận		
	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;			
Hình thức trình bày;	30%	CLO 1	20%	Mô tả mức chất lượng					Điểm
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	

Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
	Lập luận		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức trình bày;	20%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài tập	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Cấu thả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CDR của học phần/mô đun (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Thực hành	30%	Các bài thực hành	Điểm trung bình cộng điểm kiểm tra các bài thực hành	100%	Rubic 1 Rubic 2	CLO2 CLO3	Theo KH của bộ môn
Lý thuyết	10%	Điểm kiểm tra	Điểm kiểm tra thường xuyên	100%	Rubic 2	CLO1	Theo KH của bộ môn
	60%	Thi kết thúc học phần	Thi trắc nghiệm	100%	Không	CLO1	Thi trắc nghiệm trên máy tính theo KH của Học viện

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Chuẩn đầu ra học phân/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi bậc 2	Số câu hỏi bậc 3
CLO1	50%	25	5	15	5
CLO2	50%	25	5	15	5
Tổng	100%	50	10	30	10

Bậc 1: Tài hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tài tạo (Hiểu, Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Y tế (2015), *Hướng dẫn Quốc gia về Cảnh giác dược*, Nhà XB Y học, Hà Nội.
2. Hoàng Thị Kim Huyền và J.R.B.J Brouwers (2014), *Dược lâm sàng – Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị - Tập II*, NXB Y học, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

Nghị định 131/2020/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2020 Ban hành Quy định về tổ chức, hoạt động dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

11. Hướng dẫn thực hiện

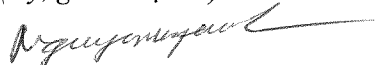
- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Quân

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Đỗ Thị Hồng Sâm

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
XÁC ĐỊNH CẤU TRÚC HỢP CHẤT TỰ NHIÊN
BẰNG CÁC PHƯƠNG PHÁP PHỔ**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: XÁC ĐỊNH CẤU TRÚC HỢP CHẤT TỰ NHIÊN BẰNG CÁC PHƯƠNG PHÁP PHỔ
- * Tiếng Anh: Determining the structure of natural compounds using spectroscopy methods
- Mã học phần/ mô đun: 243314
- Số tín chỉ: 02 LT/ 01 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 30 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: 02 tiết
 - + Thời gian tự học: 88 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Thạc sĩ ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền (Định hướng nghiên cứu)
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết:
 - + Học phần học trước:
 - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Thực vật – Dược liệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
----	----------------------------	---------------	-------

1	PGS. TS. Nguyễn Duy Thuần	0913328031	thuanhvvd@gmail.com
2	PGS. TS. Phương Thiện Thương	0972872418	phuongthienthuong@yahoo.com
3	PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy	0984398989	huyhup2010@gmail.com
4	TS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	hien@dotochy.com
5	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	ducloi82@gmail.com
6	TS. Phùng Thanh Long	0988003031	longphung.31@gmail.com
7	TS. Trần Thị Phương	0866653197	phuongtran24288@gmail.com
8	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0965765929	hienguyen.duochn@gmail.com
9	ThS. Nguyễn Phương Nhị	0986528142	nguyennhi212@gmail.com
10	TS. Trần Văn Thanh	0913060926	thanhtv63@gmail.com
11	ThS. Nguyễn Phương Dung	0914610555	dsphuongdung@gmail.com
12	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Phân tích được các nội dung về đại cương các phương pháp phổ, phương pháp phổ hồng ngoại và phổ Raman, phương pháp phổ tử ngoại và khả kiến
MT2	Phân tích được các nội dung về phương pháp phổ cộng hưởng từ hạt nhân và phổ khối
MT3	Đo phổ và phân tích, xác định cấu trúc hợp chất tự nhiên bằng các phương pháp phổ
MT4	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1	2		
MT HP2	2		
MT HP3		2	
MT HP4			2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Phân tích được các nội dung về đại cương các phương pháp phổ, phương pháp phổ hồng ngoại và phổ Raman, phương pháp phổ tử ngoại và khả kiến
CLO2	Phân tích được các nội dung về phương pháp phổ cộng hưởng từ hạt nhân và phổ khối
CLO3	Đo phổ và phân tích, xác định cấu trúc hợp chất tự nhiên bằng các phương pháp phổ
CLO4	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5
CLO 1			2	2	2
CLO 2			2	3	3
CLO 3			2	3	2
CLO 4			2	3	2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

6.1.2. Lâm sàng: không có

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Tủ sấy, tủ hút, tủ đựng dụng cụ thí nghiệm, tủ hoá chất
2	Tủ bảo quản mẫu tiêu bản/ dược liệu
3	Mẫu tiêu bản tươi/ khô/ mẫu dược liệu
4	Phòng thực hành trang bị máy chiếu/ màn hình
5	Các TTB phục vụ chiết xuất: cân kỹ thuật, cân phân tích, cân hàm ẩm, máy thái dược liệu, máy xay dược liệu, hệ thống bình ngâm, bình ngưng kết, hệ thống chiết hồi lưu, bồn cách thuỷ, bể siêu âm, máy chiết siêu âm, máy khuấy từ gia nhiệt, máy lọc hút chân không, ...

6	Các TTB phục vụ cô cao, bào chế sản phẩm trung gian: máy cô quay chân không, bồn cách thủy, tủ sấy, máy sấy tầng sôi, bộ lọc hút chân không, ...
7	Các TTB phục vụ kiểm tra chất lượng trong quá trình chiết xuất và bào chế sản phẩm trung gian từ dược liệu: máy quang phổ UV-Vis, máy quang phổ hồng ngoại, máy quang phổ cộng hưởng từ hạt nhân, máy đo phổ khối, ...
8	Các dụng cụ, dung môi, hoá chất thường quy

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, tự đọc giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Xác định cấu trúc hợp chất tự nhiên bằng các phương pháp phổ dành cho đối tượng Thạc sĩ Dược học ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền (Định hướng nghiên cứu) cung cấp cho người học các nội dung cơ sở lý thuyết và ứng dụng quang phổ, các phương pháp quang phổ thường dùng hiện nay trong xác định cấu trúc các hợp chất tự nhiên (phương pháp phổ hồng ngoại và phổ Raman, phương pháp phổ tử ngoại và khả kiến, phổ cộng hưởng từ hạt nhân và phổ khối)

Từ đó người học có thể vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện đo phổ và phân tích, xác định cấu trúc một số hợp chất tự nhiên.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1+2	Mở đầu Phương pháp phổ hồng ngoại và phổ Raman 1. Dao động của nguyên tử trong phân tử 2. Phổ hồng ngoại của hydrocarbon 3. Phổ hồng ngoại của các hợp chất khác * (tự đọc) 4. Phổ Raman 5. Phổ kế hồng ngoại và Raman	1/0/1	Trình bày được đại cương về cùng phổ quang học, định luật Lambert Beer và sơ đồ khối của phổ kế quang học 1. Trình bày được dao động của nguyên tử trong phân tử 2. Phân tích được phổ hồng ngoại của hydrocarbon và các hợp chất khác 3. Trình bày được phổ Raman và phổ kế hồng ngoại và Raman	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm Hướng dẫn tự đọc (phần *)	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
3	Phương pháp phổ từ ngoại và khả kiến 1. Cơ sở lý thuyết 2. Phổ từ ngoại và khả kiến của một số hợp chất 3. Phương pháp phân tích định lượng 4. Cấu tạo của phổ kế từ ngoại và khả kiến * 5. Dung môi đo phổ từ ngoại, khả kiến *	4/0/4	1. Trình bày được cơ sở lý thuyết phương pháp phổ từ ngoại và khả kiến 2. Phân tích được phổ từ ngoại và khả kiến của một số hợp chất 3. Trình bày được phương pháp phân tích định lượng; cấu tạo của phổ kế từ ngoại và khả kiến; dung môi đo phổ từ ngoại, khả kiến	CLO 1 CLO 4	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm Hướng dẫn tự đọc (phần *)	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phân biệt, nhận xét - Tự đọc theo hướng dẫn (phần *)	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
6	Nhũ mỹ phẩm Các sản phẩm đặc trưng	2/0/2	Trình bày các sản phẩm mỹ phẩm đặc trưng	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
7	Kỹ thuật sản xuất mỹ phẩm	2/0/2	Trình bày được kỹ thuật sản xuất mỹ phẩm	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
	Vệ sinh và bảo quản trong mỹ phẩm	1/0/1	Trình bày được các nội dung vệ sinh và bảo quản trong mỹ phẩm	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
	Kiểm tra và đánh giá mỹ phẩm	2/0/2	Trình bày được các nội dung kiểm tra và đánh giá mỹ phẩm	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
8	Bao bì và đóng gói sản phẩm mỹ phẩm	1/0/1	Trình bày được các nội dung về bao bì và đóng gói sản phẩm mỹ phẩm	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
	Thảo luận nhóm Kiểm tra	2/2/2		CLO 1 CLO 2	Thảo luận nhóm Kiểm tra tự luận ngắn kết hợp trắc nghiệm khách quan	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phán biện, nhận xét - Làm bài kiểm tra theo yêu cầu	Bài kiểm tra thường xuyên
9	Tiểu luận kết thúc học phần	0/0/18		CLO 1 CLO 2			

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
4+5+6	<p>Phương pháp phổ cộng hưởng từ hạt nhân</p> <ol style="list-style-type: none"> Năng lượng cộng hưởng Độ dịch chuyển hoá học Tương tác spin-spin Phương pháp phân tích phổ cộng hưởng từ hạt nhân ¹H Phân tích phổ cộng hưởng từ hạt nhân ¹³C Phổ cộng hưởng từ hạt nhân của một số hạt nhân khác * Một số phương pháp hỗ trợ phân tích phổ cộng hưởng từ hạt nhân * Phân tích phổ cộng hưởng từ hạt nhân hai chiều 2D-NMR Phổ cộng hưởng từ hạt nhân của một số hợp chất Phổ kế cộng hưởng từ hạt nhân 	12/0/12	<ol style="list-style-type: none"> Trình bày được nội dung năng lượng cộng hưởng, độ dịch chuyển hoá học, tương tác spin-spin Phân tích được các phương pháp phổ cộng hưởng từ hạt nhân ¹H, ¹³C và một số hạt nhân khác Trình bày được một số phương pháp hỗ trợ phân tích phổ cộng hưởng từ hạt nhân và phổ cộng hưởng từ hạt nhân hai chiều 2D-NMR Phân tích được phổ cộng hưởng từ hạt nhân của một số hợp chất Trình bày được cấu tạo và nguyên tắc của phổ kế cộng hưởng từ hạt nhân 	CLO 2 CLO 4	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm Hướng dẫn tự đọc (phần *)	<ul style="list-style-type: none"> Đọc tài liệu Lắng nghe, trao đổi Trả lời câu hỏi Phản biện, nhận xét Tự đọc theo hướng dẫn (phần *) 	
7+8	<p>Phổ khối các hợp chất hữu cơ</p>	6/0/6	<ol style="list-style-type: none"> Trình bày được quá trình ion hoá phân tử, cơ chế phân mảnh phân tử 	CLO 2 CLO 4	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	<ul style="list-style-type: none"> Đọc tài liệu Lắng nghe, trao đổi 	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
8	1. Quá trình ion hoá phân tử 2. Cơ chế phân mảnh phân tử* 3. Phổ khối các hợp chất hữu cơ 4. Nguyên lý cấu tạo khối phổ kế Kiểm tra	0/2/2	2. Phân tích được phổ khối các hợp chất hữu cơ 3. Trình bày được nguyên lý cấu tạo khối phổ kế		kết hợp thảo luận nhóm Hướng dẫn tự đọc (phần*)	- Trả lời câu hỏi - Phân biện, nhận xét - Tự đọc theo hướng dẫn (phần*)	Bài kiểm tra thường xuyên
9	Tiểu luận kết thúc học phần	0/0/18		CLO 1 CLO 2 CLO 1 CLO 2	Kiểm tra tự luận ngắn kết hợp trắc nghiệm khách quan	Làm bài kiểm tra theo yêu cầu	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1+2	Thực hành đo và phân tích phổ hồng ngoại	8/0/8	Đo và phân tích phổ hồng ngoại	CLO 3 CLO 4	Các yêu cầu	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học	1. Chuẩn bị bài thực hành theo yêu cầu 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	Trang thiết bị quy chiều ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
			ngoại của 01 hợp chất			2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành 5. Vấn đáp	3. Tiến hành thực hành 4. Báo cáo kết quả thực hành	
3+4	Thực hành đo và phân tích phổ tử ngoại – khả kiến	8/0/8	Đo và phân tích được phổ tử ngoại – khả kiến của 01 hợp chất	CLO 3 CLO 4	Các TTB theo yêu cầu	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành 5. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành theo yêu cầu 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Tiến hành thực hành 4. Báo cáo kết quả thực hành	
5+6	Thực hành phân tích phổ cộng hưởng tử hạt nhân	8/0/8	Phân tích được phổ cộng hưởng tử hạt nhân của 01 hợp chất	CLO 3 CLO 4	Các TTB theo yêu cầu	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành theo yêu cầu 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Tiến hành thực hành 4. Báo cáo kết quả thực hành	
7	Thực hành phân tích phổ khối	4/0/4	Phân tích được phổ	CLO 3 CLO 4		1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm	1. Chuẩn bị bài thực hành theo yêu cầu	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
8	Báo cáo thực hành	2 tiết	khối của 01 hợp chất	CLO 3 CLO 4		tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Vấn đáp Báo cáo, thảo luận theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Tiến hành thực hành 4. Báo cáo kết quả thực hành Báo cáo theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1. Đánh giá bài thực hành phòng thí nghiệm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				Điểm	
			8,5 - 10 điểm	7,0 - 8,4 điểm	7,0 - 8,4 điểm	4,0 - 5,4 điểm		0 - 3,9 điểm
Thao tác thí nghiệm, kỹ năng	40	CLO 3 CLO 4	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thao tác gọn găng và nhanh, thu thập được kết quả chính xác	Thực hiện đúng các bước thí nghiệm, thu thập được kết quả chính xác nhưng thao tác lúng túng và chậm	Thực hiện đúng thí các bước thí nghiệm, thu thập được kết quả khá chính xác	Thực hiện chưa đúng các bước thí nghiệm, thu thập được kết quả chưa chính xác	Không thu thập được số liệu	100%

thu thập số liệu								
Kết quả thí nghiệm	40	CLO 3 CLO 4	Đầy đủ bảng số liệu, xử lý kết quả/ vẽ hình đúng và có nhận xét đầy đủ, thấu đáo	Đầy đủ bảng số liệu nhưng chưa có xử lý kết quả/ vẽ hình	Chưa đầy đủ kết quả, chưa xử lý kết quả/ vẽ hình và chưa có nhận xét	Chưa đầy đủ kết quả, chưa có xử lý kết quả/ vẽ hình		
Câu trả lời	20	CLO 3 CLO 4	Trả lời đúng $\geq 85\%$ câu hỏi	Trả lời đúng 70% đến dưới 85% câu hỏi	Trả lời đúng 40% đến dưới 55% câu hỏi	Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi		

Rubric 2. Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				Điểm	
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm		0-3.9 điểm
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Kết quả đúng, đầy đủ Lập luận logic	Kết quả đúng đến 85% Lập luận logic, chưa đầy đủ	Kết quả đúng đến 70% Có lập luận; chưa rõ logic	Kết quả đúng đến 55% Có lập luận; chưa logic	Kết quả đúng dưới 40% Lập luận sai, không lập luận	100%
Lập luận	30%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bỏ cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bỏ cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bỏ cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả	Chữ viết xấu, khó đọc; Bỏ cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu trả; Không có bộ cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	
Hình thức trình bày;	20%							

Rubric 3. Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung môn chuyên môn trích dẫn còn sai sót Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	<p>thú quan tâm của người nghe.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<p>người nghe chưa tốt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<p>quan tâm của người nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<p>thú quan tâm của người nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<p>quan tâm của người nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man
5	<p>Làm việc nhóm</p> <p>1. Thành viên nhóm</p> <p>2. Trưởng nhóm</p>	15%	CLO4	<p>1. - Tham gia nhiệt tình</p> <p>- Hoàn thành công việc được phân công</p> <p>- Chia sẻ công việc thành viên</p> <p>- Tham gia ý kiến chung</p> <p>2. - Kế hoạch rõ ràng</p> <p>- Phân công cụ thể</p> <p>- Giám sát thành viên</p> <p>- Kiểm soát kết quả</p>	<p>1. - Tham gia nhiệt tình</p> <p>- Hoàn thành công việc được phân công</p> <p>- Chia sẻ công việc thành viên</p> <p>- Ít tham gia ý kiến chung</p> <p>2. - Kế hoạch rõ ràng</p> <p>- Phân công cụ thể</p> <p>- Giám sát thành viên</p> <p>- Kiểm soát kết quả</p>	<p>1. - Tham gia nhiệt tình</p> <p>- Hoàn thành công việc được phân công</p> <p>- Không chia sẻ công việc thành viên</p> <p>- Ít tham gia ý kiến chung</p> <p>2. - Kế hoạch đầy đủ</p> <p>- Không phân công cụ thể</p> <p>- Giám sát thành viên</p>	<p>1. - Tham gia không nhiệt tình</p> <p>- Chưa hoàn thành công việc được phân công</p> <p>- Không chia sẻ công việc thành viên</p> <p>- Ít tham gia ý kiến chung</p> <p>2. - Kế hoạch không rõ ràng</p> <p>- Không phân công cụ thể</p> <p>- Giám sát thành viên</p>	

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5-6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
				- Đánh giá thành viên	- Chưa đánh giá thành viên	- Chưa đánh giá thành viên	- Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	- Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên

Rubric 4. Thảo luận nhóm (không có slides đi kèm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	8,5 - 10 điểm	7,0 - 8,4 điểm	7,0 - 8,4 điểm	4,0 - 5,4 điểm	0 - 3,9 điểm
Thái độ tham gia	30	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tích cực tham gia thảo luận	Tham gia thảo luận mức độ vừa phải	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng thảo luận	30	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Trọng tâm, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Rubric 5. Đánh giá tiêu luận

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng		
				8,5 - 10 điểm	7,0 - 8,4 điểm	5,0 - 6,9 điểm
Nội dung	- Ngắn gọn, rõ ràng - Phù hợp giữa mục tiêu và tên tiêu luận	10%	CLO 1 CLO 2	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được các mục tiêu phù hợp với tên tiêu luận và dài không quá 1,5 trang.	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt tương đối tốt để đưa ra được mục tiêu phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.	Viết chưa thật súc tích; dẫn dắt để đưa ra được mục tiêu tương đối phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.
						Viết dài dòng, không rõ ràng; đưa ra mục tiêu không phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
Tổng quan tài liệu	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống hóa được thông tin liên quan quan trọng: Về cơ sở lý luận Về thực tiễn trong nước Về thực tiễn ngoài nước 	20%		Đáp ứng yêu cầu đầy đủ cả 3 nội dung về cơ sở lý luận, thực tiễn trong nước và nước ngoài	dài không quá 2 trang.	Trình bày cả 3 nội dung đáp ứng yêu cầu	- Thiếu hai nội dung hoặc - 2/3 nội dung trình bày không đáp ứng yêu cầu
				Đáp ứng đầy đủ và chính xác cả 2 nội dung: phù hợp với mục tiêu và tương đối chính xác	- Đáp ứng đầy đủ một nội dung và một nội dung đạt trên 50% yêu cầu; hoặc - 2 nội dung đáp ứng trên 2/3 yêu cầu	Đáp ứng mỗi nội dung trên 50% yêu cầu	- Thiếu 1 nội dung hoặc - Cả hai nội dung không đáp ứng yêu cầu
Phương pháp, phương tiện tiến hành và kết quả	<ul style="list-style-type: none"> Phương pháp và tiện nghiên cứu Phù hợp với mục tiêu Tương đối chính xác 	20%		Đáp ứng cả 4 nội dung đầy đủ và chính xác	Đáp ứng 4 nội dung đầy đủ; hoặc - cả 4 nội dung đều đạt trong đó 3 nội dung đạt trên 75%	Đáp ứng ít nhất 2 nội dung và các nội dung còn lại đạt yêu cầu	- Từ 3/4 nội dung không đạt yêu cầu; hoặc - Thiếu 2 nội dung
				Kết quả	- Đáp ứng được mục tiêu	Đáp ứng 4 nội dung đầy đủ; hoặc - cả 4 nội dung đều đạt trong đó 3 nội dung đạt trên 75%	Đáp ứng ít nhất 2 nội dung và các nội dung còn lại đạt yêu cầu
Kết luận và đề xuất	- Thâu tóm được nội dung	10%		Thâu tóm được nội dung yêu cầu đầy đủ	- Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và	Cả 2 nội dung đáp ứng yêu cầu trên 50%	- Thiếu 1 nội dung Hoặc

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
	- Đề xuất đúng vấn đề			chính xác và có đề xuất xác đáng	tiêu chí còn lại đạt trên 50% hoặc - cả 2 tiêu chí đáp ứng trên 70%		- Cả 2 nội dung không đạt yêu cầu
Tài liệu tham khảo	- Trích dẫn đủ, đúng quy định - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định - Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài	10%		Viết tài liệu tham khảo đúng quy định; Trích dẫn đủ số tài liệu > 20, trích dẫn đúng quy định về cách viết và vào phần nội dung tiêu chí, có cả tài liệu trong nước và nước ngoài	Trích dẫn đúng quy định trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 10-20	Trích dẫn có trên 3 lỗi không đúng quy định, trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 5-9 hoặc chỉ có tài liệu trong nước hoặc nước ngoài	- Mắc nhiều lỗi trích dẫn sai quy định, viết tài liệu tham khảo sai quy định hoặc số tài liệu tham khảo quá ít (<5)
Trình bày	- Format đúng quy định - Bảng biểu rõ ràng, chính xác - Lỗi chính tả:	10%		Đúng và chính xác cả 3 nội dung yêu cầu	Format đúng quy định, 2/3 số Bảng biểu rõ ràng, chính xác, lỗi chính tả 5-10	Format một vài chỗ chưa đúng quy định, Bảng biểu ròi mất khó hiểu, - Lỗi chính tả 11-20	- Format > 5 chỗ chưa đúng quy định, - Nhiều Bảng biểu ròi mất khó hiểu hoặc vẽ sai - Lỗi chính tả > 20

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 2 Rubric 4	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	Báo cáo thực hành	100%	Rubric 1 Rubric 2 Rubric 3	CLO3 CLO4	Theo KH bài giảng
Điểm kết thúc học phần	60%	Tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Rubric 5	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm tiểu luận kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết = điểm tiểu luận kết thúc học phần

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng = điểm báo cáo phần thực hành

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Nguyễn Đình Triệu (2007), *Các phương pháp phổ trong hoá học hữu cơ và hoá sinh*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Donald L. Pavia, Gary M. Lampman, George S. Kriz and James R. Vyvyan (2013), *Introduction to Spectroscopy*, Cengage Learning, Fifth Edition.

11. Hướng dẫn thực hiện

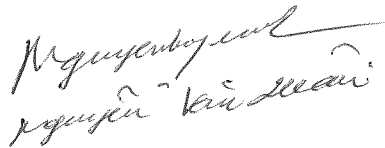
- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024

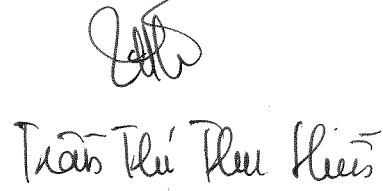
TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Mạnh

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Thị Thu Hiền

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN THUỐC TỪ DƯỢC LIỆU**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN THUỐC TỪ DƯỢC LIỆU

* Tiếng Anh: Herbal medicines discovery and development

- Mã học phần/ mô đun: 24341

- Số tín chỉ: 02 LT/ 0TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 0 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: 0 tiết

+ Thời gian tự học: 70 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Thạc sĩ Dược học ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền (Định hướng nghiên cứu)

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Thực vật – Dược liệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Nguyễn Duy Thuần	0913328031	thuanhvdyd@gmail.com
2	PGS. TS. Phương Thiện Thương	0972872418	phuongthienthuong@yahoo.com
3	PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy	0984398989	huyhup2010@gmail.com

4	TS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	hien@dotochy.com
5	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	ducloi82@gmail.com
6	TS. Phùng Thanh Long	0988003031	longphung.31@gmail.com
7	TS. Trần Thị Phương	0866653197	phuongtran24288@gmail.com
8	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Nắm vững và hiểu được lịch sử phát triển thuốc, các thành tựu đạt được trong nghiên cứu phát triển thuốc mới từ dược liệu; nội dung của nghiên cứu và phát triển thuốc từ dược liệu
MT2	Phân tích được các nội dung sàng lọc trong nghiên cứu và phát triển thuốc, nghiên cứu hóa học cây thuốc, nghiên cứu tác dụng dược lý, độc tính, nghiên cứu bào chế và hoàn thiện một thuốc mới, nghiên cứu lâm sàng
MT3	Trình bày được các xu hướng mới trong nghiên cứu và phát triển thuốc
MT4	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1	3		
MT HP2	3		
MT HP3	2		
MT HP4			2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Nắm vững và hiểu được lịch sử phát triển thuốc, các thành tựu đạt được trong nghiên cứu phát triển thuốc mới từ dược liệu; nội dung của nghiên cứu và phát triển thuốc từ dược liệu

CLO2	Phân tích được các nội dung sàng lọc trong nghiên cứu và phát triển thuốc, nghiên cứu hóa học cây thuốc, nghiên cứu tác dụng dược lý, độc tính, nghiên cứu bào chế và hoàn thiện một thuốc mới, nghiên cứu lâm sàng
CLO3	Trình bày được các xu hướng mới trong nghiên cứu và phát triển thuốc
CLO4	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5
CLO 1			3	3	3
CLO 2			3	3	3
CLO 3			3	3	3
CLO 4			2	2	2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

6.1.2. Lâm sàng: không có

6.1.3. Thực hành: không có

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, tự đọc giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Nghiên cứu phát triển thuốc từ dược liệu dành cho đối tượng Thạc sĩ Dược học ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền (Định hướng nghiên cứu) là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Dược học ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền (Định hướng nghiên cứu), giữ vai trò trong việc cung cấp cho người học lịch sử phát triển thuốc, các thành tựu đạt được trong nghiên cứu phát triển thuốc mới từ dược liệu; nội dung của nghiên cứu và phát triển thuốc từ dược liệu; sàng lọc trong nghiên cứu và phát triển thuốc, nghiên cứu hóa học cây thuốc, nghiên cứu tác dụng dược lý, độc tính, nghiên cứu bào chế và hoàn thiện một thuốc mới, nghiên cứu lâm sàng; các xu hướng mới trong nghiên cứu và phát triển thuốc.

Từ đó người học có thể nhận biết được tầm quan trọng của dược liệu và thuốc cổ truyền trong chăm sóc sức khỏe, góp phần bảo tồn và phát triển dược liệu, thuốc cổ truyền.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	30%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Theo KH của Bộ môn
Điểm kết thúc học phần	70%	Tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm tiểu luận kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết = điểm tiểu luận kết thúc học phần

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng = điểm báo cáo phần thực hành

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Thực vật - Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2024), *Nghiên cứu phát triển thuốc từ dược liệu*, Tài liệu giảng dạy sau đại học.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ Y tế (2018), *Thông tư 21/2018/TT-BYT Quy định việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, dược liệu*

Bảng 8.1.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Lịch sử phát triển thuốc, các thành tựu đạt được trong nghiên cứu phát triển thuốc mới từ dược liệu	2/0/4	Phân tích được lịch sử phát triển thuốc, các thành tựu đạt được trong nghiên cứu phát triển thuốc mới từ dược liệu	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
	Nội dung của nghiên cứu và phát triển thuốc từ dược liệu	2/0/4	Phân tích được nội dung của nghiên cứu và phát triển thuốc từ dược liệu	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
2	Sàng lọc trong nghiên cứu và phát triển thuốc	4/0/8	Phân tích được các nội dung sàng lọc trong nghiên cứu và phát triển thuốc	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
3	Nghiên cứu hóa học cây thuốc	4/0/8	Phân tích được các nội dung nghiên cứu hoá học cây thuốc	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
4	Nghiên cứu tác dụng dược lý, độc tính	4/0/8	Phân tích được các nội dung nghiên cứu tác dụng dược lý, độc tính	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
5	Nghiên cứu bảo chế và hoàn thiện một thuốc mới	4/0/8	Phân tích được các nội dung nghiên cứu bảo chế và hoàn thiện một thuốc mới	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
6	Nghiên cứu lâm sàng	2/0/4	Phân tích được các nội dung nghiên cứu lâm sàng	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
7	Các xu hướng mới trong nghiên cứu và phát triển thuốc	2/0/4	Trình bày được các xu hướng mới trong nghiên cứu và phát triển thuốc	CLO 3	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
8	Nghiên cứu phát triển thuốc được liệu, thuốc cổ truyền (bài tập thảo luận nhóm)	6/0/6	Vận dụng các kiến thức đã học để thiết kế một nghiên cứu phát triển thuốc mới từ dược liệu	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	Bài tập thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phản biện, nhận xét	
9	Tiêu luận kết thúc học phần	0/0/16		CLO 1 CLO 2 CLO 3			

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1. Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn trích dẫn còn sai sót Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic
2	Hình thức các slides	10%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều Thuyết trình khó khăn, chưa tạo 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều Thuyết trình khó khăn, chưa tạo

Mức độ								
STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	thú quan tâm của người nghe. - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề	thú quan tâm của người nghe chưa tốt - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề	được sự hứng thú của người nghe - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề	thú quan tâm của người nghe - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề	được sự hứng thú của người nghe - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	CLO 4	1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả	1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả	1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Chưa kiểm soát kết quả	1. - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên	

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
				- Đánh giá thành viên	- Chưa đánh giá thành viên	- Chưa đánh giá thành viên	- Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	- Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên

Rubric 2. Đánh giá tiểu luận

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
Nội dung	- Ngắn gọn, rõ ràng - Phù hợp giữa mục tiêu và tên tiểu luận	10%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được các mục tiêu phù hợp với tên tiểu luận và dài không quá 1,5 trang.	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt tương đối tốt để đưa ra được mục tiêu phù hợp tên tiểu luận và dài không quá 2 trang.	Viết chưa thật súc tích; dẫn dắt để đưa ra được mục tiêu tương đối phù hợp tên tiểu luận và dài quá 2 trang.	Viết dài dòng, không rõ ràng; đưa ra mục tiêu không phù hợp tên tiểu luận và dài quá 2 trang.
Tổng quan tài liệu	- Hệ thống hóa được thông tin liên quan trọng: + Về cơ sở lý luận + Về thực tiễn trong nước + Về thực tiễn ngoài nước	20%		Đáp ứng yêu cầu đầy đủ cả 3 nội dung về cơ sở lý luận, thực tiễn trong nước và nước ngoài	- Thiếu 1 nội dung hoặc - Cả 3 nội dung trình bày cơ bản đáp ứng yêu cầu	Trình bày cả 3 nội dung đáp ứng yêu cầu	- Thiếu hai nội dung hoặc - 2/3 nội dung trình bày không đáp ứng yêu cầu
Phương pháp, phương pháp nghiên cứu	Phương pháp và phương tiện nghiên cứu	20%		Đáp ứng đầy đủ và chính xác cả 2 nội dung: phù hợp với	- Đáp ứng đầy đủ một nội dung và một nội dung	Đáp ứng mỗi nội dung trên 50% yêu cầu	- Thiếu 1 nội dung hoặc

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
tận thiện hành và kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với mục tiêu - Tương đối chính xác 			<ul style="list-style-type: none"> đúng đạt trên 50% yêu cầu; hoặc - 2 nội dung đáp ứng trên 2/3 yêu cầu 		<ul style="list-style-type: none"> - Cả hai nội dung không đáp ứng yêu cầu 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng được mục tiêu - Trung thực, đáng tin cậy - Minh chứng rõ ràng, chính xác - Nhận xét, bàn luận ngắn gọn, logic, xác đáng 	20%		<ul style="list-style-type: none"> Đáp ứng cả 4 nội dung đầy đủ; hoặc - cả 4 nội dung đều đạt trong đó 3 nội dung đạt trên 75% 	<ul style="list-style-type: none"> Đáp ứng ít nhất 2 nội dung và các nội dung còn lại đạt yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 3/4 nội dung không đạt yêu cầu; hoặc - Thiếu 2 nội dung 	
Kết luận và đề xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm được nội dung - Đề xuất đúng vấn đề 	10%		<ul style="list-style-type: none"> Thâu tóm được nội dung yêu cầu đầy đủ chính xác và có đề xuất xác đáng 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và tiêu chí còn lại đạt trên 50% hoặc - cả 2 tiêu chí đáp ứng trên 70% 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung Hoặc - Cả 2 nội dung không đạt yêu cầu 	
Tài liệu tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> - Trích dẫn đủ, đúng quy định - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định - Tài liệu tham khảo có cả tiếng 	10%		<ul style="list-style-type: none"> Viết tài liệu tham khảo đúng quy định; Trích dẫn đủ số tài liệu > 20, trích dẫn đúng quy định về cách viết và vào phần nội dung tiêu chí, có cả 	<ul style="list-style-type: none"> Trích dẫn đúng quy định trong đó có tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 10-20 	<ul style="list-style-type: none"> Trích dẫn có trên 3 lỗi không đúng quy định, trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 5-9 hoặc chỉ có tài liệu trong 	<ul style="list-style-type: none"> - Mắc nhiều lỗi trích dẫn sai quy định, viết tài liệu tham khảo sai quy định hoặc số tài liệu tham khảo quá ít (<5)

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
	Việt và tiếng nước ngoài			tài liệu trong nước và nước ngoài		nước hoặc nước ngoài	
Trình bày	<ul style="list-style-type: none"> - Format đúng quy định - Bảng biểu rõ ràng, chính xác - Lỗi chính tả: 	10%		Đúng và chính các cả 3 nội dung yêu cầu	Format đúng quy định, 2/3 số Bảng biểu rõ ràng, chính xác, lỗi chính tả 5-10	<ul style="list-style-type: none"> - Format một vài chỗ chưa đúng quy định, - Bảng biểu ròi mắt khó hiểu, - Lỗi chính tả 11-20 	<ul style="list-style-type: none"> - Format > 5 chỗ chưa đúng quy định, - Nhiều Bảng biểu ròi mắt khó hiểu hoặc vẽ sai - Lỗi chính tả > 20

[2] Bộ Y tế (2021), *Thông tư 39/2021/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT-BYT ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, dược liệu*

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Thu Hiền

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
CHIẾT XUẤT DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: CHIẾT XUẤT DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN
- * Tiếng Anh: Herbal and traditional medicines extraction
- Mã học phần/ mô đun: 24342
- Số tín chỉ: 02 LT/ 02 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 200 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 60 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: 2 tiết
 - + Thời gian tự học: 108 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Thạc sĩ Dược học ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền (Định hướng nghiên cứu)
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết:
 - + Học phần học trước:
 - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Thực vật – Dược liệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Nguyễn Duy Thuần	0913328031	thuanhvdyd@gmail.com
2	PGS. TS. Phương Thiện Thương	0972872418	phuongthienthuong@yahoo.com

3	PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy	0984398989	huyhup2010@gmail.com
4	TS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	hien@dotochy.com
5	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	ducloi82@gmail.com
6	TS. Phùng Thanh Long	0988003031	longphung.31@gmail.com
7	TS. Trần Thị Phương	0866653197	phuongtran24288@gmail.com
8	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0965765929	hiennguyen.duochn@gmail.com
9	ThS. Nguyễn Phương Nhị	0986528142	nguyennhi212@gmail.com
10	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Phân tích được khái niệm chiết xuất, nguyên liệu chiết xuất, dung môi, bản chất quá trình chiết xuất, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền, xử lý bã dược liệu sau khi chiết.
MT2	Phân tích được các kỹ thuật chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền trong phòng thí nghiệm và trong công nghiệp, chiết xuất cao dược liệu, thuốc cổ truyền, cô đặc dịch chiết và tạo cao khô
MT3	Phân tích được phương pháp và quy trình chiết xuất một số dược liệu, thuốc cổ truyền
MT4	Thiết kế được các thí nghiệm và thực hiện được quy trình chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền
MT5	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1	3		
MT HP2	3		
MT HP3	3		
MT HP4		3	
MT HP5			3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Phân tích được khái niệm chiết xuất, nguyên liệu chiết xuất, dung môi, bản chất quá trình chiết xuất, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền, xử lý bã dược liệu sau khi chiết.
CLO2	Phân tích được các kỹ thuật chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền trong phòng thí nghiệm và trong công nghiệp, chiết xuất cao dược liệu, thuốc cổ truyền, cô đặc dịch chiết và tạo cao khô
CLO3	Phân tích được phương pháp và quy trình chiết xuất một số dược liệu, thuốc cổ truyền
CLO4	Thiết kế được các thí nghiệm và thực hiện được quy trình chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền
CLO5	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5
CLO 1			3	3	3
CLO 2			3	3	3
CLO 3			3	3	3
CLO 4			3	3	3
CLO 5			3	2	2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

6.1.2. Lâm sàng: không có

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Tủ sấy, tủ hút, tủ đựng dụng cụ thí nghiệm, tủ hoá chất
2	Tủ bảo quản mẫu tiêu bản/ dược liệu
3	Mẫu tiêu bản tươi/ khô/ mẫu dược liệu
4	Phòng thực hành trang bị máy chiếu/ màn hình
5	Các TTB phục vụ chiết xuất dược liệu: cân kỹ thuật, cân phân tích, cân hàm ẩm, máy thái dược liệu, máy xay dược liệu, hệ thống bình ngưng, bình ngưng kiệt, hệ thống chiết hồi lưu, bồn cách thuỷ, bể siêu âm, máy chiết siêu âm, máy khuấy từ gia nhiệt, máy lọc hút chân không, ...
6	Các TTB phục vụ cô cao, bào chế sản phẩm trung gian từ dược liệu: máy cô quay chân không, bồn cách thuỷ, tủ sấy, máy sấy tầng sôi, ...
7	Các TTB phục vụ kiểm tra chất lượng trong quá trình chiết xuất và bào chế sản phẩm trung gian từ dược liệu: máy quang phổ UV-Vis, hệ thống sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao, hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao, ...
8	Các dụng cụ, dung môi, hoá chất thường quy

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền dành cho đối tượng Thạc sĩ Dược học ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền (Định hướng nghiên cứu) là học phần quan

trọng trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Dược học ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền (Định hướng nghiên cứu), giữ vai trò trong việc cung cấp các kiến thức đại cương về chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền bao gồm nguyên lý chung, bản chất quá trình chiết xuất, nguyên liệu chiết xuất, các dung môi và các thông số đặc trưng trong quá trình chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền; các phương pháp và thiết bị sử dụng trong phòng thí nghiệm và trong công nghiệp để chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền (các phương pháp chiết xuất dựa trên nguyên lý tạo cân bằng nồng độ, chiết siêu âm, chiết xung điện, chiết xuất ngâm kiệt, chiết xuất ngược dòng, chiết xuất lỏng – lỏng, chiết xuất dung môi siêu tốc, chiết xuất bằng khí hoá lỏng siêu tới hạn); các phương pháp cô đặc dịch chiết; các phương pháp sấy tạo cao khô.

Bên cạnh đó học phần cũng giới thiệu phương pháp chiết xuất một số dược liệu, thuốc cổ truyền để làm tài liệu tham khảo cho người học trong việc lựa chọn phương pháp và xây dựng quy trình chiết xuất theo định hướng yêu cầu.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại cương về chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền	8/0/8	Phân tích được khái niệm chiết xuất, nguyên liệu chiết xuất, dung môi, bản chất quá trình chiết xuất, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền, xử lý bã dược liệu sau khi chiết.	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
2	Kỹ thuật chiết xuất	8/0/8	Phân tích được các kỹ thuật chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền trong phòng thí nghiệm và trong công nghiệp.	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
3	Chiết xuất cao dược liệu, thuốc cổ truyền, cô đặc dịch chiết và tạo cao khô	4/0/4	Phân tích được nội dung, phương pháp, quy trình chiết xuất cao dược liệu, thuốc cổ truyền, cô đặc dịch chiết và tạo cao khô	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
4	Chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền	10/0/10	Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích phương pháp và quy trình chiết xuất một số dược liệu, thuốc cổ truyền	CLO 3	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phản biện, nhận xét	
5	Kiểm tra	0/2/2		CLO 1 CLO 2 CLO 3	Tự luận ngắn kết hợp trắc nghiệm khách quan	Làm bài kiểm tra theo yêu cầu	Bài kiểm tra thường xuyên
6	Tiểu luận kết thúc học phần	0/0/16		CLO 1 CLO 2			

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
				CLO 3			

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
1-7	(2) Thực hành Thiết kế thí nghiệm và thực hiện quy trình chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền	(3) 56/0/60	(4) Vận dụng được các kiến thức đã học để thiết kế các thí nghiệm và thực hiện quy trình chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền	(5) CLO 4 CLO 5	(6) Các TTB theo yêu cầu	(7) Bài tập nhóm/ cá nhân theo chủ đề	(8) Làm bài tập nhóm/ cá nhân theo yêu cầu	(9)
8	Báo cáo thực hành	4 tiết		CLO 4 CLO 5		Báo cáo, thảo luận theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	Báo cáo theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				Điểm	
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm		0-3.9 điểm
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%		Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
Lập luận	30%	CLO 1 CLO 2	Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức trình bày;	20%	CLO 3 CLO 4	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bỏ cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bỏ cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bỏ cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả	Chữ viết xấu, khó đọc; Bỏ cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu thả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	

Rubric 2 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO4	- Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng, theo đúng	- Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng, theo đúng	- Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng, theo đúng	Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp	Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
2	Hình thức các slides	10%	CLO4	<ul style="list-style-type: none"> đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chưa theo hệ thống 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chưa theo hệ thống, logic
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO4	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO4	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ không chính xác - Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	CLO5	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Ít chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể - Không giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa kiểm soát kết quả

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
							- Chưa đánh giá thành viên	- Chưa đánh giá thành viên

Rubric 3. Đánh giá tiểu luận

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
Đặt vấn đề	- Ngắn gọn, rõ ràng - Phù hợp giữa mục tiêu và tên tiểu luận	10%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được các mục tiêu phù hợp với tên tiểu luận và dài không quá 1,5 trang.	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt tương đối tốt để đưa ra được mục tiêu phù hợp tên tiểu luận và dài không quá 2 trang.	Viết chưa thật súc tích; dẫn dắt để đưa ra được mục tiêu tương đối phù hợp tên tiểu luận và dài quá 2 trang.	Viết dài dòng, không rõ ràng; đưa ra mục tiêu không phù hợp tên tiểu luận và dài quá 2 trang.
Tổng quan tài liệu	- Hệ thống hóa được thông tin liên quan trọng: + Về cơ sở lý luận + Về thực tiễn trong nước + Về thực tiễn ngoài nước	20%		Đáp ứng yêu cầu đầy đủ và cả 3 nội dung về cơ sở lý luận, thực tiễn trong nước và nước ngoài	- Thiếu 1 nội dung hoặc - Cả 3 nội dung trình bày cơ bản đáp ứng yêu cầu	Trình bày cả 3 nội dung đáp ứng yêu cầu	- Thiếu hai nội dung hoặc - 2/3 nội dung trình bày không đáp ứng yêu cầu
Phương pháp, phương tiện tiến tiến	Phương pháp và tiện tiến - Phù hợp với mục tiêu	20%		Đáp ứng đầy đủ và chính xác cả 2 nội dung: phù hợp với mục tiêu và tương đối chính xác	- Đáp ứng đầy đủ một nội dung và một nội dung đạt trên 50% yêu cầu; hoặc	Đáp ứng mỗi nội dung trên 50% yêu cầu	- Thiếu 1 nội dung hoặc - Cả hai nội dung không đáp ứng yêu cầu

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
hành và kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Tương đối chính xác Kết quả <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng được mục tiêu - Trung thực, đáng tin cậy - Minh chứng rõ ràng, chính xác - Nhận xét, bàn luận ngắn gọn, logic, xác đáng 	20%		<ul style="list-style-type: none"> - 2 nội dung đáp ứng trên 2/3 yêu cầu 	Đáp ứng ít nhất 2 nội dung và các nội dung còn lại đạt yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 3/4 nội dung không đạt yêu cầu; hoặc - Thiếu 2 nội dung 	
Kết luận và đề xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm được nội dung - Đề xuất đúng vấn đề 	10%		<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và tiêu chí còn lại đạt trên 50% hoặc - cả 2 tiêu chí đáp ứng trên 70% 	Cả 2 nội dung đáp ứng yêu cầu trên 50%	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung Hoặc - Cả 2 nội dung không đạt yêu cầu 	
Tài liệu tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> - Trích dẫn đủ, đúng quy định - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định - Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài 	10%		<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và tiêu chí còn lại đạt trên 50% hoặc - cả 2 tiêu chí đáp ứng trên 70% 	Trích dẫn có trên 3 lỗi không đúng quy định, trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 10-20	Trích dẫn có trên 3 lỗi không đúng quy định, trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 5-9 hoặc chỉ có tài liệu trong nước hoặc nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Mắc nhiều lỗi trích dẫn sai quy định, viết tài liệu tham khảo sai quy định hoặc số tài liệu tham khảo quá ít (<5)

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
Trình bày	<ul style="list-style-type: none"> - Format đúng quy định - Bảng biểu rõ ràng, chính xác - Lỗi chính tả: 	10%		Đúng và chính xác các nội dung yêu cầu	Format đúng quy định, 2/3 số Bảng biểu rõ ràng, chính xác, lỗi chính tả 5-10	Format một vài chỗ chưa đúng quy định, - Bảng biểu rời mắt khó hiểu, - Lỗi chính tả 11-20	Format > 5 chỗ chưa đúng quy định, - Nhiều Bảng biểu rời mắt khó hiểu hoặc vẽ sai - Lỗi chính tả > 20

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	Báo cáo thực hành	100%	Rubric 1 Rubric 2	CLO3 CLO4	Theo KH bài giảng
Điểm kết thúc học phần	60%	Tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Rubric 3	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm tiểu luận kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết = điểm tiểu luận kết thúc học phần

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng = điểm báo cáo phần thực hành

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Thực vật - Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2024), *Kỹ thuật và công nghệ chiết xuất dược liệu*, Tài liệu giảng dạy sau đại học.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Viện Dược liệu (2008), *Kỹ thuật Chiết xuất dược liệu*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

2. Đỗ Quyên (2015), *Chiết xuất và phân lập hợp chất thiên nhiên*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
3. Bộ môn Công nghiệp dược – Trường ĐH Dược Hà Nội (2017), *Kỹ thuật Chiết xuất dược liệu – Giáo trình đào tạo Dược sĩ đại học*, NXB Y học, Hà Nội.

11. Hướng dẫn thực hiện


- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024


TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Tuấn

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Thị Thu Hiền

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
KIỂM NGHIỆM DƯỢC LIỆU VÀ CÁC CHẾ PHẨM CÓ NGỒN GỐC DƯỢC LIỆU

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: **Kiểm nghiệm Dược liệu và các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu**
- * Tiếng Việt: Kiểm nghiệm Dược liệu và các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu
- * Tiếng Anh: Quality control of medicinal plant materials and preparations from medicinal plants
- Mã học phần/ mô đun: **24343**
- Số tín chỉ: 4,0 (2,0 LT/2,0 TH)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 200 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng: 60 tiết
 - + Kiểm tra: 10 tiết
 - + Thời gian tự học: 100 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ hai – Thạc sĩ ngành Dược liệu - Dược cổ truyền
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Không
 - + Học phần học trước: Không
 - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất, Bộ môn Hóa Dược, Bộ môn Thực vật -Dược liệu.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Cao Sơn	0988683282	
2	TS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	hien@dotochy.com
3	ThS. Nguyễn Thị Vân Anh	0964541313	vananhchem.vutm@gmail.com
4	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới (khi có nhu cầu)		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng được kiến thức về kiểm nghiệm để đánh giá chất lượng dược liệu và các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu
MT HP2	Kiểm nghiệm được một số chỉ tiêu chất lượng dược liệu, bán thành phẩm và các dạng bào chế có nguồn gốc dược liệu cụ thể trên thị trường.
MT HP3	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, thực hành có tính chuyên nghiệp và có tinh thần tự học suốt đời

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1	3	3	3
MT HP2	3	3	3
MT HP3	1	1	1

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng được kiến thức về kiểm nghiệm để đánh giá chất lượng dược liệu và các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu
CLO2	Kiểm nghiệm được một số chỉ tiêu chất lượng của dược liệu, bán thành phẩm, thành phẩm của các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO3	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, thực hành có tính chuyên nghiệp và có tinh thần tự học suốt đời

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5
CLO 1			3	3	3
CLO 2			3	3	3
CLO 3			2	2	2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

6.1.2. Lâm sàng: không có

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)
2	Máy sắc ký bản mỏng hiệu năng cao (HPTLC)
3	Máy sắc ký khí (GC)
4	Cân phân tích
5	Cân kỹ thuật
6	Máy đo pH
7	Bể siêu âm
8	Bộ lọc hút chân không
9	Máy cất nước 1 lần
10	Máy cất nước 2 lần
12	Bộ triển khai sắc ký lớp mỏng
13	Máy UV-VIS
14	Máy đo độ rã
15	Máy đo phân cực kế

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
16	Bộ dụng cụ đo tỷ trọng kế/ picnomet
17	Bộ sắc ký lớp mỏng (bình dm/ bản mỏng silicagel/bình phun thuốc thử)
18	Bộ thử độ trùng bằng phương pháp nuôi cấy vi sinh vật.

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Kiểm nghiệm dược liệu và các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu trang bị cho người học kiến thức về kiểm nghiệm dược liệu, vị thuốc cổ truyền, thuốc cổ truyền và thuốc dược liệu; từ đó người học có thể phân tích quy trình và phương pháp kiểm nghiệm dược liệu và chế phẩm có nguồn gốc từ dược liệu phục vụ phát triển nghề nghiệp.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1/1 1/2	Chương 1: Đảm bảo chất lượng được liệu, thuốc được liệu và thuốc cổ truyền 1. Quy định về chất lượng được liệu, vị thuốc cổ truyền, thuốc cổ truyền 2. Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc 3. Thực hành tốt kiểm nghiệm	6/0/16	1. Hiểu được các quy định liên quan đến kiểm nghiệm được liệu, vị thuốc và thuốc cổ truyền 2. Trình bày được các quy định về việc lấy mẫu được liệu và thuốc cổ truyền 3. Trình bày được các nguyên tắc của thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc theo tiêu chuẩn GACP-WHO	CLO1	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời; 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời	Không

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
			4. Trình bày được các nguyên tắc của thực hành tốt kiểm nghiệm				
	Chương 2: Các phương pháp kiểm nghiệm dùng trong kiểm nghiệm dược liệu, vị thuốc cổ truyền và thuốc cổ truyền			CLO1	Thảo luận nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo phân công - Trình chiếu slide thuyết trình vấn đề - Tham gia thảo luận, phản biện - Trả lời vấn đáp 	
1/2	1. Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp hiển vi	2/0/6	Hiểu được phương pháp kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp hiển vi				
2/1 2/2	2. Ứng dụng phương pháp sắc ký trong kiểm nghiệm dược liệu và thuốc cổ truyền	6/2/20	1. Hiểu được một số quy trình kiểm nghiệm dược liệu và thuốc cổ truyền bằng	CLO1	Thảo luận nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo phân công - Trình chiếu slide thuyết trình vấn đề 	Bài đánh giá thường xuyên số 1

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
2/2	3. Kiểm nghiệm được liệu bằng phương pháp quang phổ	2/0/6	phương pháp sắc ký 2. Hiểu được phương pháp kiểm nghiệm được liệu bằng phương pháp quang phổ			- Tham gia thảo luận, phản biện - Trả lời vấn đáp	
3/1	Chương 3: Kiểm nghiệm các dạng thuốc cổ truyền 1. Kiểm nghiệm các dạng bào chế: chè thuốc, bột thuốc (thuốc tán)	2/1/6	Hiểu được các chỉ tiêu kiểm nghiệm thuốc dạng chè thuốc, bột thuốc	CLO1	Thảo luận nhóm	- Chuẩn bị nội dung thảo luận theo phân công - Trình chiếu slide thuyết trình vấn đề - Tham gia thảo luận, phản biện - Trả lời vấn đáp	Bài đánh giá thường xuyên số 2
3/1	2. Kiểm nghiệm các dạng bào chế: cao lỏng, siro, cồn thuốc, rượu thuốc	2/1/6	Hiểu được các chỉ tiêu kiểm nghiệm thuốc dạng cao lỏng, siro, cồn thuốc, rượu thuốc	CLO1	Thảo luận nhóm	- Chuẩn bị nội dung thảo luận theo phân công - Trình chiếu slide thuyết trình vấn đề	Bài đánh giá thường xuyên số 3

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
3/2	3. Kiểm nghiệm các dạng bào chế: viên hoàn (cứng, mềm), viên nang, viên nén	2/1/6	Hiểu được các chỉ tiêu kiểm nghiệm thuốc hoàn, nang, nén	CLO1	Thảo luận nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia thảo luận, phản biện - Trả lời vấn đáp - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo phân công - Trình chiếu slide thuyết trình vấn đề - Tham gia thảo luận, phản biện - Trả lời vấn đáp 	Bài đánh giá thường xuyên số 4
3/2	4. Kiểm nghiệm các dạng bào chế: cao dán, thuốc đắp,...	2/1/6	Hiểu được các chỉ tiêu kiểm nghiệm thuốc dạng cao dán, thuốc đắp,...	CLO1	Thảo luận nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo phân công - Trình chiếu slide thuyết trình vấn đề - Tham gia thảo luận, phản biện - Trả lời vấn đáp 	Bài đánh giá thường xuyên số 5

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
4/1	Chương 4. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở dược liệu và thuốc có truyền	2/0/8	Xây dựng được tiêu chuẩn cơ sở của dược liệu và thuốc có truyền	CLO1	Thảo luận nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo phân công - Trình chiếu slide thuyết trình vấn đề - Tham gia thảo luận, phản biện - Trả lời vấn đáp 	
	Tiểu luận	4,0 tiết					

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1/1 1/2 1/3	Bài 1: Kiểm nghiệm được liệu (Điện hạ châu đăng, Chè dây, Actiso,...)	15/0/5	Kiểm nghiệm chỉ tiêu chất lượng 1. Mô tả 2. Vi phẫu 3. Bột 4. Định tính 5. Độ ẩm 6. Tro toàn phần 7. Tạp chất 8. Kim loại nặng 9. Định lượng 10. Tỷ lệ vụn nát 11. Chất chiết được trong DL	CLO2 CLO3		1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành 5. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài hành 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả thực hành	Đánh giá cho điểm bài 1

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
2/1 2/2 2/3	Bài 2: Kiểm nghiệm cao bán thành phẩm từ dược liệu (cao ...)	15/0/5	Kiểm nghiệm chỉ tiêu chất lượng 1. Mô tả 2. Định tính 3. Mật khối lượng do làm khô 4. Tro toàn phần 5. Tro không tan trong HCl 6. Căn không tan trong nước 7. pH 8. Kim loại nặng 9. Định lượng	CLO2 CLO3		1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành 5. Ván đáp	1. Chuẩn bị bài hành 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả thực hành	Đánh giá cho điểm bài 2
3/1 3/2 3/3	Bài 3: Kiểm nghiệm thành phẩm thuốc	15/0/5	Kiểm nghiệm chỉ tiêu chất lượng	CLO2 CLO3		1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi	1. Chuẩn bị bài hành	Đánh giá cho điểm bài 3

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
4/1 4/2 4/3	được liệu, thuốc có truyền (...)	15/0/5	<ol style="list-style-type: none"> Tính chất Định tính Độ trong và độ đồng nhất Tỷ trọng Hàm lượng ethanol Định lượng Một số chỉ tiêu khác phù hợp với thuốc thành phẩm 	CLO2 CLO3		và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học <ol style="list-style-type: none"> Giải quyết vấn đề Làm mẫu Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành Vấn đáp 	<ol style="list-style-type: none"> Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi Quan sát Tiến hành thực hành Báo cáo kết quả thực hành 	Đánh giá cho điểm bài 4
	Bài 4: Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở được liệu và thuốc có truyền		Xây dựng và tiến hành kiểm nghiệm tiêu chuẩn cơ sở cho được liệu và thuốc có truyền			<ol style="list-style-type: none"> Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học Giải quyết vấn đề 	<ol style="list-style-type: none"> Chuẩn bị bài thực hành Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi Quan sát Tiến hành thực hành 	Đánh giá cho điểm bài 4

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
						3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành 5. Vấn đáp	5. Báo cáo kết quả thực hành	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1. Đánh giá thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Mức độ			
			8,5 - 10 điểm	7,0 - 8,4 điểm	7,0 - 8,4 điểm	4,0 - 5,4 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo trích dẫn còn sai sót Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic
2	Hình thức các slides	10%	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi
3	Kỹ năng trình bày	25%	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Mức độ				
			8,5 - 10 điểm	7,0 - 8,4 điểm	7,0 - 8,4 điểm	4,0 - 5,4 điểm	0 - 3,9 điểm
4	Trả lời câu hỏi	10%	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe. - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung không chính xác - Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man 	
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Ít chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả 	

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Mức độ				Điểm
			8,5 - 10 điểm	7,0 - 8,4 điểm	7,0 - 8,4 điểm	4,0 - 5,4 điểm	
			8,5 - 10 điểm - Đánh giá thành viên	7,0 - 8,4 điểm - Chưa đánh giá thành viên	7,0 - 8,4 điểm - Chưa đánh giá thành viên	4,0 - 5,4 điểm - Chưa đánh giá thành viên	0 - 3,9 điểm - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên

Rubric 2: Đánh giá bài tập thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			8,5 - 10,0 điểm	6,5 - 8,4 điểm	4,0 - 6,4 điểm	0 - 3,9 điểm	
Thái độ tham dự	20	CLO 2 CLO3	Tích cực nghe, quan sát, thực hiện việc thực hành đúng theo yêu cầu	Tích cực nghe, ghi chép, quan sát; thực hiện việc thực hành đúng theo yêu cầu còn sai sót nhỏ	Chưa chú ý nghe, ghi chép, quan sát; thực hiện việc thực hành đúng theo yêu cầu còn sai sót 1 vài bước quan trọng	Không chú ý nghe, ghi chép, quan sát; thực hiện việc thực hành còn câu thả	100%
Kết quả thực hành	40		Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	
	30		Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh không rõ ràng	
Báo cáo thực hành	10		Đúng format và đúng hạn	Điểm tùy theo mức độ đáp ứng			

Rubric 3: Đánh giá Tiểu luận

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ chất lượng			Điểm
				Giỏi 8.5-10	Khá 7.0-8.4	Trung bình 5.0-6.9	
Nội dung	Đặt vấn đề	10%	CLO1	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được các mục tiêu phù hợp với tên tiểu luận và dài không quá 1,5 trang.	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt tương đối tốt để đưa ra được mục tiêu phù hợp tên luận và dài không quá 2 trang trang.	Viết chưa thật súc tích; dẫn dắt để đưa ra được mục tiêu tương đối phù hợp tên tiểu luận và dài quá 2 trang trang.	Viết dài dòng, không rõ ràng; đưa ra mục tiêu không phù hợp tên tiểu luận và dài quá 2 trang trang.
	Tổng quan tài liệu	20%		Đáp ứng đầy đủ và đầy đủ cả 3 nội dung về cơ sở lý luận, thực tiễn trong nước và nước ngoài	- Thiếu 1 nội dung; hoặc - Cả 3 nội dung trình bày cơ bản đáp ứng yêu cầu	Trình bày cả 3 nội dung đáp ứng yêu cầu	- Thiếu hai nội dung; hoặc - 2/3 nội dung trình bày không đáp ứng yêu cầu
	Phương pháp và nghiên cứu (chiếm 20% độ dài tiểu luận)	20%		Đáp ứng đầy đủ và chính xác cả 2 nội dung: phù hợp với mục tiêu và tương đối chính xác	- Đáp ứng đầy đủ một nội dung và một nội dung đạt trên 50% yêu cầu; hoặc	Đáp ứng mỗi nội dung trên 50% yêu cầu	- Thiếu 1 nội dung; hoặc - Cả hai nội dung không

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ chất lượng			Điểm
				Giỏi 8.5 -10	Khá 7.0-8.4	Trung bình 5.0-6.9	
hành và kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với mục tiêu - Tương đối chính xác 			<ul style="list-style-type: none"> - 2 nội dung đáp ứng trên 2/3 yêu cầu 		<ul style="list-style-type: none"> đáp ứng yêu cầu 	
	<ul style="list-style-type: none"> Kết quả - Đáp ứng được mục tiêu - Trung thực, đáng tin cậy - Minh chứng rõ ràng, chính xác - Nhận xét, bản luận ngắn gọn, logic, xác đáng 	20%		<ul style="list-style-type: none"> Đáp ứng 4 nội dung đầy đủ; hoặc - cả 4 nội dung đều đạt trong đó 3 nội dung đạt trên 75% 	<ul style="list-style-type: none"> Đáp ứng ít nhất 2 nội dung và các nội dung còn lại đạt yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 3/4 nội dung không đạt yêu cầu; hoặc - Thiếu 2 nội dung 	
Kết luận và đề xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm được nội dung - Đề xuất đúng vấn đề 	10%		<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và tiêu chí còn lại đạt trên 50% hoặc - cả 2 tiêu chí đáp ứng trên 70% 	<ul style="list-style-type: none"> Cả 2 nội dung đáp ứng yêu cầu trên 50% 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung ; Hoặc - Cả 2 nội dung không đạt yêu cầu 	
Tài liệu tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> - Trích dẫn đủ, đúng quy định 	10%		<ul style="list-style-type: none"> Trích dẫn đúng quy định trong đó có cả tài liệu tham khảo trong 	<ul style="list-style-type: none"> Trích dẫn có trên 3 lỗi không đúng quy định, trong 	<ul style="list-style-type: none"> - Mắc nhiều lỗi trích dẫn sai quy định, viết 	

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ chất lượng			Điểm	
				Giới 8.5 -10	Khá 7.0-8.4	Trung bình 5.0-6.9		Yếu 0-4.9
	<ul style="list-style-type: none"> - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định - Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài 			<p>Giới 8.5 -10</p> <p>số tài liệu > 20, trích dẫn đúng quy định về cách viết và vào phần nội dung tiêu chí, có cả tài liệu trong nước và nước ngoài</p>	<p>Khá 7.0-8.4</p> <p>và ngoài nước với số lượng 10-20</p>	<p>Trung bình 5.0-6.9</p> <p>đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 5-9 hoặc chỉ có tài liệu trong nước hoặc nước ngoài</p>	<p>Yếu 0-4.9</p> <p>tài liệu tham khảo sai quy định hoặc số tài liệu tham khảo quá ít (<5)</p>	
Trình bày	<ul style="list-style-type: none"> - Fomat đúng quy định - Bảng biểu rõ ràng, chính xác - Lỗi chính tả: 	10%	CLO3	<p>Đúng và chính xác cả 3 nội dung yêu cầu</p>	<p>Fomat đúng quy định, 2/3 số Bảng biểu rõ ràng, chính xác, lỗi chính tả 5-10</p>	<p>Fomat một vài chỗ chưa đúng quy định, Bảng biểu rời rạc khó hiểu, lỗi chính tả 11-20</p>	<p>Fomat > 5 chỗ chưa đúng quy định, Nhiều Bảng biểu rời rạc khó hiểu hoặc vẽ sai</p> <p>- Lỗi chính tả > 20</p>	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Kiểm tra thường xuyên	Bài kiểm tra thường xuyên	100%	Rubric 1	CLO 1 CLO 3	Theo KH của bộ môn
Điểm lý thuyết	60%	Điểm báo cáo tiểu luận	Tiểu luận	100%	Rubric 3	CLO 1 CLO 3	Theo lịch thi của Học viện
Điểm thực hành	30%	Đánh giá các bài thực hành tại cơ sở thực hành/phòng thí nghiệm	Điểm trung bình cộng từng bài thực hành	100%	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5)

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

- [1] Bộ Y tế (2019), *Dược điển Việt Nam V*, Nhà xuất bản Y Học
- [2] Bộ Y tế (2016), *Luật dược năm 2016*
- [3] Bộ Y tế (2021), *Thông tư 38/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021*, Quy định về chất lượng dược liệu, vị thuốc cổ truyền, thuốc cổ truyền
- [4] Bộ Y tế (2019), *Thông tư 19/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 7 năm 2019*, Quy định thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên
- [5] Bộ Y tế (2018), *Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04 tháng 5 năm 2018*, Quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc

[6] Nguyễn Việt Thân (2003), *Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp hiển vi*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội

[7] Bộ Y tế (2020), Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BYT ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt phòng thí nghiệm.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Phạm Luận (2014), *Phương pháp phân tích sắc ký và chiết tách*, NXB Bách Khoa.

[2] Trường Đại học Dược Hà Nội, GS.TS. Thái Nguyễn Hùng Thu (2018), *Thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP)*, Nhà xuất bản Y Học

[3] Dược điển Trung Quốc (2020)

11. Hướng dẫn thực hiện

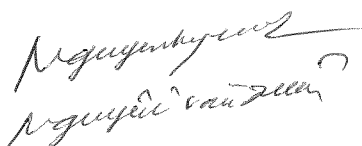
- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024

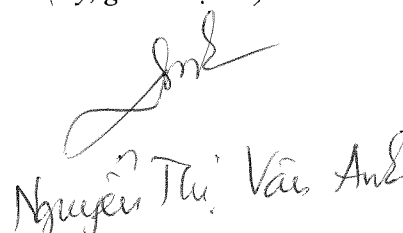
TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Tuấn

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Văn Anh

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
---	-----------------------

Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
---	-----------------------

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Phương pháp xây dựng phương thuốc cổ truyền

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ, Ngành: Dược liệu-DHCT. Mã số đào tạo: 8720206

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:
- * Tiếng Việt: Phương pháp xây dựng phương thuốc cổ truyền
- * Tiếng Anh: Methods of building traditional remedies
- Mã học phần: 24344
- Số tín chỉ: 4TC trong đó: LT 2; TH: 2 TC
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 60 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành: 30 tiết
 - + Bài tập:..... tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm:tiết
 - + Kiểm tra:.....tiết
 - + Thời gian tự học:tiết
- Đối tượng học (năm thứ): 2
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết: Tài nguyên cây thuốc, chiết xuất Dược liệu, kỹ thuật bào

chế vị thuốc cổ truyền,....

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	Ducloi82@gmail.com
2	TS.Phùng Thanh Long	0988003031	ptlong@gmail.com
3	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lethuhadhn2906@gmail.com
4	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com
5	Các Giảng viên mời giảng theo nhu cầu của Bộ môn		

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

MT kiến thức:

-Trình bày được các kiến thức cơ bản về phương thuốc cổ truyền.

-Trình bày được các kiến thức cơ bản về xây dựng phương thuốc cổ truyền

MT Kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Xây dựng được một số phương thuốc cổ truyền

- Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược học cổ truyền nói chung và phương thuốc cổ truyền nói riêng.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	-Trình bày được các kiến thức cơ bản về phương thuốc cổ truyền.
CLO2	-Trình bày được các kiến thức cơ bản về xây dựng phương thuốc cổ truyền
CLO3	- Xây dựng được một số phương thuốc cổ truyền
CLO4	- Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược học cổ truyền nói chung và phương thuốc cổ truyền nói riêng.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO có đóng góp ít vào PLO

2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO

3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	Ghi chú
CLO 1			3	2		Không đóng góp cho các PLO khác
CLO 2			3	2		
CLO 3				3	2	
CLO 4				3	2	

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết:

VD: Máy chiếu, loa, mic, bảng, ...

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy vi tính/laptop, máy chiếu, loa, mic, phần mềm giảng online
2	Chảo gang, bếp đun, dầm sàng, dao cầu.
3	Soxhlet, nồi cách thủy, dao, bếp điện, khay inox, chày cối, bản mỏng silicagel, dụng cụ thủy tinh.
4	Chảo gang, bản mỏng silicagen, cối chày, máy xay, dầm, sàng, dao cầu
5	Tủ sấy, dao cầu, khay inox sấy máy xay, bộ rây, dụng cụ thủy tinh

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Dự lớp: theo quy định chung của Học viện
- Bài tập: chuẩn bị ở nhà
- Tự học: có thời gian học viên tự học tập nghiên cứu tài liệu.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: theo quy định chung của Học viện

7. Mô tả chung học phần

Học phần dành cho đối tượng Thạc sĩ Dược là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Dược liệu-Dược cổ truyền, cung cấp cho người học các nội dung về các phương pháp xây dựng phương thuốc cổ truyền. Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại được các bài thuốc và có kỹ năng tạo được phương thuốc cổ truyền.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tuần 1	I. Khái niệm phương thuốc cổ truyền	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	Bài kiểm tra giữa kỳ
Tuần 2	II.phương pháp xây dựng phương thuốc cổ truyền	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	

Tuần 3	III. Phương pháp xây dựng phương thuốc cổ truyền (tiếp)	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 4	IV. Phương pháp xây dựng phương thuốc cổ truyền (tiếp)	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 5	V. Phương pháp xây dựng phương thuốc cổ truyền (tiếp)	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tuần 2	Bài 1: Xây dựng phương thuốc theo nhóm bệnh 1	2	CLO 3,4	5	Mục 2	Trao đổi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	Đánh giá kết quả các bài thực hành
Tuần 3	Bài 2: Xây	2	CLO 3,4	5	Mục 3	Trao đổi/hướng	Thực hành/thảo	

	dựng phương thuốc theo nhóm bệnh 2					dẫn	luận nhóm/báo cáo
Tuần 4	Bài 3: Xây dựng phương thuốc theo nhóm bệnh 3	2	CLO 3,4	5	Mục 4	Trao đổi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo
Tuần 5	Bài 4: Xây dựng phương thuốc theo nhóm bệnh 4	2	CLO 3,4	5	Mục 5	Trao đổi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo
Tuần 6	Xây dựng phương thuốc theo nhóm bệnh 5	5	CLO 3,4, 5	5	Mục 5	Trao đổi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/LS/KT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, lâm sàng, bài tập, thảo luận, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự >90% buổi học	Tham dự 80-90% buổi học	Tham dự 70-80% buổi học	Tham dự <70% buổi học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Chuyên cần	CLO 5	10%	Đến đúng giờ quy định				Đến muộn trên 15 phút
Chuẩn bị lý thuyết	CLO 2,3	20%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 50% số câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% số câu hỏi	
Thao tác thí nghiệm và xử lý số liệu	CLO 4	50%	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu tốt	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu khá	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm nhưng xử lý số liệu chưa đúng	Thực hiện không đúng quy trình thí nghiệm, xử lý số liệu sai	
Kết quả TN và trả lời câu hỏi	CLO 4, 5	20%	Kết quả TN đúng và trả lời đúng các câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 70% số câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 50% số câu hỏi	Kết quả TN sai hoặc trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG							

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Hình thức	CLO 3, 4,5	10%	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định				Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định
Bố cục	CLO 3,4,5	10%	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic				Không theo quy định, không lô-gic

Tài liệu tham khảo	CLO 3, 4	10%	Phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức	-----	Rất ít TLTK, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức	
Nội dung chính 1:	CLO 3,4	30%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu
Nội dung chính 2:	CLO 3,4	20%				
Nội dung chính 3:	CLO 3,4	20%				
ĐIỂM TỔNG						

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CĐR của học phần (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	10 + 60	Điểm chuyên cần		10%		CLO5	
		Điểm thảo luận nhóm, bài tập lớn,					
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...		60%		CLO 1,2,3	
Thực hành	30	Điểm chuyên cần					
		Điểm bài thực hành		30%		CLO 3,4,5	

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

	Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
				Cấp độ thấp	Cấp độ cao	

Tên Chủ đề (nội dung, chương...)	TNKQ	TNKQ	TNKQ	TNKQ	
Chủ đề 1: Khái niệm phương thuốc cổ truyền	Chuẩn KT, KN cần kiểm tra (Ch)				
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 20 Số điểm:	Số câu 28 Số điểm	Số câu: 27 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 75 ... điểm=.16,66%
Chủ đề 2: phương pháp xây dựng phương thuốc cổ truyền					
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 41 Số điểm	Số câu: 108 Số điểm	Số câu: 40 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 189 ... điểm=.36,67..%
Chủ đề 3: Phương pháp xây dựng phương thuốc cổ truyền (tiếp) Phân loại TYHCT					
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 51 Số điểm	Số câu 107 Số điểm	Số câu: 43 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 201 ... điểm=36,67%
Chủ đề 4: Phương pháp xây dựng phương thuốc cổ truyền (tiếp)					
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 16 Số điểm	Số câu: 24 Số điểm	Số câu: 11 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 51 ... điểm=.10,0%
Tổng số câu Tổng số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 161 Số điểm 15 %	Số câu: 235 Số điểm 70 %	Số câu: 120 Số điểm 15 %	Số câu: 516 Số điểm	

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Y tế (2010), Một số chuyên đề thuốc cổ truyền, NXB Y học, Hà Nội
2. Bộ Y tế (2014), *Dược học cổ truyền* – Sách đào tạo Dược sỹ đại học, NXB Y học, Hà Nội
3. Bộ môn Dược học cổ truyền – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam – *Thực hành Dược cổ truyền* – Tài liệu lưu hành nội bộ.
4. Vũ Đức Lợi (2017), *Thực hành thực vật, dược liệu, dược cổ truyền*, NXB Đại học Quốc Gia Hà

Nội

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Đỗ Tất Lợi (2005), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học
2. Nguyễn Trung Hòa (2009), *Đông y toàn tập*, NXB Thuận Hóa
3. Phan Văn Chiêu (2009), *Đông Nam Dược Nghiệm phương*, NXB Thuận Hóa
4. Phạm Xuân Sinh (2010), *Một số chuyên đề thuốc cổ truyền*, NXB Y học
5. Viện Y học cổ truyền Việt Nam (1993), *Phương pháp bào chế và sử dụng đông dược*, NXB Y học, Hà Nội
6. Viện trung y Bắc Kinh (1998), *Phương tế học giảng nghĩa*, NXB Y học (TS. Dương Trọng Hiếu dịch)

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2024

PHỤ TRÁCH KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Văn Quân

PGS.TS. Vũ Đức Lợi

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Mẫu đề cương Luận văn và quy định viết luận văn:

1. MỞ ĐẦU: Bao gồm các nội dung sau

1.1. Về tính cấp thiết của đề án: Học viên cần làm rõ các nội dung trong đề án:

- Lý do học viên lựa chọn đề án này?
- Tính cấp thiết của đề án?
- Sự phù hợp của tên đề tài với chuyên ngành đào tạo?
- Câu hỏi nghiên cứu của học viên đối với vấn đề của đề án?

1.2. Tình hình nghiên cứu:

- Học viên trình bày một cách tổng quát được những tài liệu học viên đã nghiên cứu liên quan đến đề tài trong nước và quốc tế.

- Học viên phải nêu được những vấn đề đã được giải quyết trong những tài liệu nêu trên đối với vấn đề nghiên cứu và những vấn đề chưa được giải quyết hoặc giả quyết chưa thấu đáo đối với câu hỏi nghiên cứu do học viên đặt ra.

- *Lưu ý:* Tổng quan tình hình nghiên cứu không phải là sự liệt kê tài liệu, các tài liệu nghiên cứu không phải là giáo trình, sách giáo khoa.

1.3. Mục đích nghiên cứu:

- Mục đích của học viên trong vấn đề nghiên cứu là gì?
- Trên cơ sở đó nhiệm vụ đặt ra đối với đề án như thế nào?

1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu của đề án là gì?
- Phạm vi nghiên cứu phải phù hợp với vấn đề nghiên cứu và quy mô của đề án (không gian và thời gian)?

1.5. Phương pháp nghiên cứu:

- Học viên sử dụng phương pháp nghiên cứu nào? Tại sao?
- Trình bày tóm tắt phương pháp nghiên cứu được sử dụng?
- Nguồn số liệu dự kiến được sử dụng được lấy từ đâu? Mức độ khả thi?

1.6. Kết quả dự kiến đạt được:

- Nghiên cứu đã đưa ra được nội dung gì?
- Nghiên cứu được áp dụng như thế nào trong thực tế ?

2. Kết cấu nội dung đề án:

Học viên dự kiến kết cấu của đề án cho phù hợp với tên đề tài, mục tiêu, phương pháp nghiên cứu.

2.1. Số chương và tên các chương của đề án, các tiểu mục của các chương

2.2. Trong các chương phải có:

- 01 chương/phần trình bày về thực trạng vấn đề nghiên cứu: Học viên phải trình bày được thực trạng vấn đề nghiên cứu, nghiên cứu vấn đề gì, ở đâu? nếu có thể nêu được các tồn tại và nguyên nhân.

- 01 chương/phần trình bày về phương pháp luận nghiên cứu khoa học: học viên phải trình bày chi tiết những khái niệm và các vấn đề có liên quan, cơ sở để lựa chọn phương pháp nghiên cứu.

- 01 chương/phần trình bày về các giải pháp giải quyết vấn đề nghiên cứu.
- Danh mục Tài liệu tham khảo.

3. Kế hoạch thực hiện:

Học viên ghi rõ từng thời gian tiến hành các công việc của đề án, thời gian thí nghiệm, thăm quan hiện trường,

4. Quy mô đề cương chi tiết:

Đề cương được trình bày trong khoảng 10 trang (bao gồm: bìa, mục lục, lời nói đầu, nội dung đề cương, kết luận (nếu có) và tài liệu tham khảo).

II. Quy định về hình thức

1. Yêu cầu chung

Đề cương đề án phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không được tẩy xoá, có đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị.

2. Soạn thảo văn bản

- Đề cương luận văn được sử dụng chữ Times New Roman cỡ 13 hoặc 14 của hệ soạn thảo Winword; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trên 3,5cm; lề dưới 3cm; lề trái 3,5cm; lề phải 2cm.

- Số trang được đánh ở giữa, phía trên mỗi trang giấy.
- Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang, nhưng nên hạn chế trình bày theo cách này.
- Không có Header and Footer.
- Không yêu cầu có phụ lục.

3. Hướng dẫn các trình bày các nội dung:

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

ĐỀ CƯƠNG LUẬN VĂN
(TÊN ĐỀ TÀI)

Học viên cao học:

Lớp:

Mã số học viên:

Ngành đào tạo:

Mã ngành:

NGƯỜI HƯỚNG DẪN:

1. Người hướng dẫn chính:

2. Người hướng dẫn phụ:

BỘ MÔN QUẢN LÝ:

....., Năm

ĐĂNG KÝ ĐỀ TÀI

I. HỌC VIÊN CAO HỌC:

1. Họ và tên:
2. Sinh ngày:
3. Học viên lớp: Mã số học viên:
4. Ngành đào tạo: Mã ngành:
5. Cơ quan công tác:
6. Điện thoại: 7. Email:

II. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI HƯỚNG DẪN:

1. Họ và tên:
2. Học hàm, học vị:
3. Chuyên ngành:
4. Đơn vị công tác:
5. Địa chỉ liên hệ:
6. Điện thoại: 7. Email:

III. THÔNG TIN VỀ ĐỀ TÀI:

1. Tên đề tài (nếu gắn với đề tài NCKH hoặc dự án nào thì ghi rõ):
2. Bộ môn quản lý:
3. Nội dung, phương pháp nghiên cứu và các kết quả đạt được:
4. Những yêu cầu thực hiện (nếu có):
5. Các công việc thực hiện có liên quan đến đề án:
 - a) Các môn học chính học viên đã học và dự kiến lựa chọn học có liên quan đến đề tài;
 - b) Những thành tích nghiên cứu, công việc đã làm có liên quan đến đề tài.

, ngày tháng năm

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU:

Bắt buộc phải có các nội dung sau:

1. Tính cấp thiết của Đề tài:

.....

2. Mục đích của Đề tài:

.....

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu:

.....

4. Kết quả dự kiến đạt được:

.....

NỘI DUNG CỦA ĐỀ CƯƠNG:

(Chỉ trình bày các ý chính trong từng chương)

CHƯƠNG 1

-

-

CHƯƠNG 2

-

-

CHƯƠNG 3

-

-

v,v

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

* **KẾ HOẠCH THỰC HIỆN:** (Ghi rõ từng thời gian tiến hành các công việc của đề án, thời gian thí nghiệm, thăm quan hiện trường,)

Ngày tháng năm 20...

Người viết Đề cương

Ý KIẾN CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN (*ký và ghi rõ họ tên*)

1. Cán bộ hướng dẫn chính:

2. Cán bộ hướng dẫn phụ:

Ý KIẾN CỦA BỘ MÔN (*ký và ghi rõ họ tên*)

XÁC NHẬN HỘI ĐỒNG KHOA HỌC CHUYÊN NGÀNH (*ký và ghi rõ họ tên*)

MẪU TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Quách Ngọc Ân (1992), “Nhìn lại hai năm phát triển lúa lai”, *Di truyền học ứng dụng*, 98(1), Tr. 10-16.

2. Bộ Nông nghiệp & PTNT (1996), *Báo cáo tổng kết 5 năm (1992 – 1996) phát triển lúa lai*, Hà Nội.

3. Nguyễn Hữu Đông, Đào Thanh Bằng, Lâm Quang Dự, Phan Đức Trục (1997), *Đột biến – Cơ sở lý luận và ứng dụng*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

4. Nguyễn Thị Gấm (1996), *Phát hiện và đánh giá một số dòng bất dục đực cảm ứng nhiệt độ*, Luận văn thạc sỹ khoa học Nông nghiệp, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.

...

23. Võ Thị Kim Huệ (2000), *Nghiên cứu chẩn đoán và điều trị bệnh, ...*, Luận án tiến sỹ Y khoa, Trường Đại học Y Hà Nội, Hà Nội.

Tiếng Anh

28. Anderson, J. E. (1985), “The Relative Inefficiency of Quota, The Cheese Case”, *American Economic Review*, 75(1), pp. 178-190.

29. Borkakati, R. P., Virmani, S. S. (1997), “Genetics of thermosensitive genic male sterility in Rice”, *Euphytica*, 88, pp. 1-7.

30. Boulding, K.E. (1955), *Economics Analysis*, Hamish Hamish, London.

31. Burton, G. W. (1988), “Cytoplasmic male-sterility in pearl millet (*pennisetum glaucum* L.), *Agronomic Journal*, 50, pp.230-231.

32. Central Statistical Organisation (1995), *Statistical Year Book*, Beijing.

33. FAO (1971), *Agricultural Commodity Projections (1970-1980)*, Vol. II. Rome.

34. Institute of Economics (1988), *Analysis of Expenditure Pattern of Urban Households in Vietnam*, Departement of Economics, Economic Research Report, Hanoi.

Website:

35. <http://dantri.com.vn>

36. <http://vnexpress.net>